

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
 Hà Nội, ngày 15/06/2023

THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
8h00 – 8h30	Đón khách và đăng ký cổ đông tham dự	Ban tổ chức
8h30 – 9h00	1. Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
	2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội	Ban tổ chức
	3. Bầu Đoàn Chủ tịch (xin ý kiến Đại hội)	Ban tổ chức
	4. Đoàn Chủ tịch cử Ban Thư ký Đại hội (xin ý kiến)	Đoàn chủ tịch
	5. Đoàn Chủ tịch đề cử Ban kiểm phiếu (ĐH thông qua)	
	6. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội (ĐH thông qua)	
	7. Thông qua nội dung chương trình Đại hội (ĐH thông qua)	
9h00 -11h30	8. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, mục tiêu và giải pháp kinh doanh năm 2023;	Đoàn chủ tịch
	9. Thông qua kết quả kinh doanh năm 2022, phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán	
	10. Thông qua Báo cáo quyết toán ngân sách của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022	
	11. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 và phương án sử dụng, phân phối lợi nhuận năm 2022	
	12. Phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	
	13. Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt;	
	14. Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ	
	15. Phê duyệt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2023	
	16. Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023	
	17. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị công ty	
	18. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát công ty	

	19. Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	Ban kiểm soát
	20. Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty năm 2023	Đoàn chủ tịch
	21. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT	
	22. Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty	
	23. Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty	Ban kiểm soát
	24. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT và đề xuất số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027	Đoàn chủ tịch
11h30-11h40	Nghỉ giải lao	
11h40-11h45	25. Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
11h45-11h50	26. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ 2023	Ban Thư ký
11h50-12h00	27. Bế mạc Đại hội	Đoàn chủ tịch

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI 
TRƯỞNG BAN



CÔNG TY CP BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà chung cư 29T1, Hoàng Đạo Thúy
Phường Trung Hòa, Cầu Giấy- Hà Nội

Điện thoại: (024) 6299 0055- Fax: (024) 6258 0055

Số: 103 /ABIC-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

- Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ - HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty tại kỳ họp lần thứ 78 ngày 23/5/2023 về việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

1. Nguyên tắc:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành công.

2- Thành phần tham dự :

- Bao gồm toàn bộ các cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông: ngày 15/5/2023.

- Cổ đông đến tham dự Đại hội phải đăng ký với Ban tổ chức tại địa điểm tổ chức Đại hội.

3- Trật tự của Đại hội

- Tất cả các cổ đông đến dự đại hội ăn mặc trang trọng, lịch sự.

- Cổ đông khi vào Hội trường Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

- Không hút thuốc trong phòng Đại hội.

- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong thời gian diễn ra Đại hội, máy điện thoại phải tắt hoặc không được đề chuông.

4- Phát biểu ý kiến tại đại hội

4.1- Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội.

4.2- Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

5- Quy định về Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

5.1- Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết

theo số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện. Phiếu biểu quyết ghi rõ tên cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc đại diện) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

5.2- Cách thức biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách đánh dấu X vào các lựa chọn tương ứng trên Phiếu biểu quyết. Số phiếu biểu quyết cho một vấn đề tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông.

5.3- Phiếu biểu quyết hợp lệ phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phiếu do Ban tổ chức phát hành có đóng dấu treo của Công ty
- Phiếu được biểu quyết theo đúng cách thức quy định tại mục 5.2 trên đây.
- Phiếu còn nguyên vẹn, không bị rách, không tẩy xóa, không sửa chữa hoặc thêm các nội dung trong phiếu.
- Phiếu không hợp lệ: là phiếu không đáp ứng được các yêu cầu đối với phiếu hợp lệ nêu trên

5.4- Phiếu biểu quyết của các cổ đông sẽ được Ban kiểm phiếu tập hợp và báo cáo kết quả ngay tại Đại hội.

6- Trách nhiệm của Chủ tọa đại hội

6.1- Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

6.2- Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

6.3- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội. Chủ tọa cử Ban thư ký Đại hội.

6.4 - Chủ tọa đề cử Ban kiểm phiếu không quá 3 người và phải được thông qua trước Đại hội.

7- Trách nhiệm của Ban thư ký

7.1- Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến tại Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

7.2- Soạn thảo biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

8- Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

8.1- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua Đại hội.

8.2- Lập biên bản kiểm phiếu và thông báo công khai kết quả biểu quyết tại Đại hội.

8.3- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Lưu: ĐTV, TCHC, TK Cty.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải

**BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP KINH DOANH NĂM 2023**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC);

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của ABIC;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của ABIC đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kinh doanh năm 2022, phương hướng mục tiêu kinh doanh năm 2023 của ABIC với những nội dung sau:

PHẦN I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022, kinh tế thế giới nhiều bất ổn, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu suy giảm do tác động từ cuộc xung đột địa chính trị giữa Nga và U-crai-na, khủng hoảng giá năng lượng, lương thực thực phẩm dẫn tới lạm phát tăng cao, ngân hàng trung ương các nước thắt chặt chính sách tiền tệ để ứng phó lạm phát, các nền kinh tế lớn như Mỹ, châu Âu đối mặt với nguy cơ suy thoái, kinh tế Trung Quốc suy giảm tăng trưởng từ chính sách Zero covid. Trong bối cảnh thế giới bất ổn, cùng với những vấn đề mới phát sinh liên quan đến thị trường trái phiếu, thị trường chứng khoán và bất động sản. Chính phủ đã kịp thời nhận định được khó khăn và triển khai tích cực, đồng bộ các giải pháp để giữ vững sự ổn định kinh tế – xã hội, các cân đối vĩ mô được đảm bảo, lạm phát trong tầm kiểm soát. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021, mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước thực hiện các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng dịch Covid-19 và chương trình phục hồi kinh tế - xã hội.

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu phi khả quan trên nền thấp của năm 2020, 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên triển vọng lợi nhuận năm 2022 bị ảnh hưởng bởi sự suy giảm của thị trường chứng khoán và chi phí bồi thường gia tăng. Theo báo cáo của hiệp hội bảo hiểm Việt Nam, năm 2022 doanh thu phi bảo hiểm gốc toàn thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt 67.608 tỷ đồng, tăng 16,8 % so với năm 2021. Một số doanh nghiệp bảo hiểm có quy mô doanh thu trên 2.000 tỷ đồng đạt mức tăng trưởng cao hơn mức tăng trưởng bình quân của thị trường như PVI, BMI, MIC, BIC, VBI, VNI.

Bồi thường bảo hiểm gốc khoảng 23.084 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ bồi thường (chưa bao gồm dự phòng bồi thường) khoảng 34,1%, tăng 0,7 % so với năm 2021. Tỷ lệ bồi thường tăng cao ở các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm sức khỏe do tác động từ dịch bệnh Covid 19 và các hoạt động giao thương đã bình thường trở lại sau đợt giãn cách xã hội. Lợi nhuận sau thuế thị trường bảo hiểm phi nhân thọ ước giảm 35% so với năm 2021.

PHẦN II. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch theo nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Tăng trưởng		Tỷ lệ HTKH
				Giá trị	Tỷ lệ	
I/	Doanh thu bán hàng	2.084,7	2.259,3	174,6	8,4%	100,5%
1	Phí bảo hiểm	1.957,3	2.118,2	160,9	8,2%	100,2%
2	Nhận tái BH tối đa	2,5	9,0	6,5	260,6%	Hoàn thành chỉ tiêu
3	Doanh thu tài chính	124,9	132	7,1	5,7%	105,6%
II/	Lợi nhuận trước thuế	340,8	276,5	-64,3	-18,9%	102,0%
III/	Cổ tức	20%	Dự kiến 20%			

(Số liệu báo cáo đã được kiểm toán)

2. Kết quả tự chấm điểm và xếp loại Công ty theo TT 195 của Bộ Tài chính:

Năm 2022 là năm thứ 07 liên tiếp ABIC được xếp nhóm 1A, tổng điểm đạt 990/1000 điểm, cụ thể:

a. Nhóm chỉ tiêu đánh giá về khả năng thanh toán, dự phòng nghiệp vụ và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Đạt yêu cầu.

b. Nhóm chỉ tiêu đánh giá về hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ của từng chỉ tiêu: Nhóm chỉ tiêu này đạt số điểm tối đa là 300 điểm, xếp mức A.

c. Nhóm chỉ tiêu đánh giá về vốn, chất lượng tài sản và đầu tư tài chính được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ của từng chỉ tiêu: Nhóm chỉ tiêu này đạt số điểm tối đa là 500 điểm, xếp mức A.

d. Nhóm chỉ tiêu đánh giá về quản trị doanh nghiệp và minh bạch thông tin được đánh giá trên cơ sở biên độ, điểm tối đa và điểm trừ của từng chỉ tiêu: Nhóm chỉ tiêu này đạt số điểm tối đa là 190/200 điểm, xếp mức A

3. Kết quả triển khai Chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.



STT	Nội dung	Mục tiêu Chiến lược	Kết quả thực hiện đến 31/12/2022
1	Về bộ máy và phát triển mạng lưới	Đến năm 2025 có từ 15 đến 20 đơn vị thành viên.	Hiện nay có 13 đơn vị, đã thành lập ban trụ bị CN Nam Định, Kiên Giang.
2	Nâng cấp mô hình tổ chức lên Tổng Công ty.	Dự kiến thực hiện trong năm 2022	Đã thành lập Ban xây dựng đề án nâng cấp mô hình hoạt động ABIC lên Tổng Công ty và sẽ thực hiện vào thời điểm thích hợp.
3	Tăng vốn điều lệ	Đến năm 2025 đạt mức tối thiểu 700 tỷ đồng.	Tăng từ 431,6 tỷ đồng lên 515,6 tỷ đồng (Đúng theo lộ trình tăng vốn)
4	Doanh thu kinh doanh bảo hiểm	Phấn đấu đến năm 2025 đạt trên 3.300 tỷ đồng.	Doanh thu KDBH năm 2022 đạt 2.127,2 tỷ đồng, tăng trưởng 8,5% so với năm 2021.
5	Chi trả cổ tức	Tối thiểu 14%/năm.	Đã chi trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%.
6	Thu nhập của người lao động	Được đảm bảo theo Luật Lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động.	Đạt
7	Lên sân giao dịch chính thức	Thực hiện trong giai đoạn 2021-2025.	Thực hiện vào thời điểm thích hợp

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2022

4.1 Công tác quản trị và điều hành

✓ Trong năm 2022, công tác quản trị của ABIC đảm bảo thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ theo Luật, Điều lệ Công ty. HĐQT đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 17/06/2022 và các phiên họp HĐQT định kỳ. HĐQT đã họp 10 kỳ chính thức và 50 lần lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và ban hành 66 Nghị quyết, 83 Quyết định của HĐQT/ Chủ tịch HĐQT để thực hiện vai trò định hướng, chỉ đạo tổ chức bộ máy và các mặt hoạt động của Công ty.

✓ HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

✓ HĐQT cũng đã kịp thời quyết nghị phê duyệt các đề xuất của Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực: đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản, trang thiết bị và các kiến nghị khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

4.2 Kết quả kinh doanh

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 trong đó phê chuẩn chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022, ABIC xin báo cáo một số kết quả đã đạt được cụ thể như sau:

- Lợi nhuận trước thuế đạt 276,5 tỷ đồng, hoàn thành 102% kế hoạch, doanh thu tài chính đạt 132 tỷ đồng hoàn thành 105,6% kế hoạch và doanh thu phí bảo hiểm đạt 2.118,2 tỷ đồng, hoàn thành 100,2% kế hoạch (tăng trưởng 8,2%).

- Công tác quản lý nợ phải thu phí bảo hiểm gốc được chú trọng và quản lý khá tốt, thu hồi được 1 tỷ đồng nợ phải thu quá hạn khó đòi tồn đọng từ nhiều năm trước.

- Hoạt động công nghệ thông tin: đã phát triển ứng dụng Bồi thường BATD trực tuyến, đang cùng đối tác hoàn thiện ứng dụng GDBT xe online, ABIC và PVIre đã tổ chức khai trương cổng giao dịch tái bảo hiểm điện tử.

- Các chỉ tiêu đo lường năng suất, chất lượng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh như: tỷ lệ quỹ thu nhập, tỷ lệ tái tục hợp đồng bảo hiểm, tỷ lệ nợ phải thu phí bảo hiểm (đặc biệt không phát sinh mới nợ quá hạn không có khả năng thu hồi), tỷ lệ hồ sơ tồn... đều trong ngưỡng cho phép.

- Kết quả tự đánh giá, chấm điểm xếp loại hoạt động kinh doanh theo TT 195 của Bộ Tài chính, hoạt động kinh doanh của ABIC xếp loại 1A (loại cao nhất theo quy định).

- Công tác triển khai Đề án chiến lược phát triển hoạt động kinh doanh của ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030: được đồng bộ, theo đúng lộ trình đã được ĐHQĐ phê chuẩn.

- Tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và bầu ra HĐQT, BKS nhiệm kỳ mới 2022-2027.

- Được Bộ Tài chính tặng bằng khen “Đã có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam” nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid, hoạt động kinh doanh ổn định, thông suốt, nguồn nhân lực được đảm bảo.

- Năm 2022, bằng cách gia tăng độ phủ thương hiệu, thống nhất chủ đề hoạt động, đa dạng hình thức và kênh truyền hướng tới các nhóm đối tượng mục tiêu cụ thể, hoạt động truyền thông đã bước đầu thành công trong việc xây dựng hình ảnh một Bảo hiểm Agribank “Trách nhiệm và Sẻ chia”, được các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống Agribank và cộng đồng ghi nhận, đánh giá tích cực.

PHẦN III. ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2023

1. Dự báo, nhận định tình hình

- Kinh tế thế giới 2023 được các tổ chức dự báo khó khăn hơn năm 2022 với biến động phức tạp, khó lường: lạm phát cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất tăng kéo dài, nhu cầu tiêu dùng giảm sút, một số nền kinh tế lớn Mỹ, châu Âu... có dấu hiệu suy thoái kinh tế. Điều này ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế có độ mở như Việt Nam.

- Quốc hội ban hành Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 thay thế Luật kinh doanh bảo hiểm số 24 và 61, trong đó Điểm b Khoản 3 Điều 63 quy định doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ chỉ được bán sản phẩm bảo hiểm sức khỏe và các sản phẩm bảo hiểm cho rủi ro tử vong có thời hạn 1 năm trở xuống.

- Tỷ lệ khai thác tiềm năng trên tổng dư nợ tín dụng hộ sản xuất và cá nhân năm 2022 là 18,5%, doanh số giải ngân tín dụng doanh nghiệp đạt 21% do đó còn nhiều dư địa để phát triển doanh thu khai thác qua kênh Banca Agribank.

2. Định hướng kinh doanh năm 2023

- Tiếp tục kiên định mục tiêu kinh doanh mang lại giá trị ngày càng lớn hơn cho cổ đông; duy trì đảm bảo quyền lợi của người lao động và tuân thủ pháp luật.
- Triển khai vững chắc, có hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 đã được ĐHĐCĐ quyết nghị.
- Tổ chức triển khai các biện pháp đề kịp thời thích ứng với Luật Kinh doanh bảo hiểm mới, có hiệu lực kể từ 01/01/2023.
- Tiếp tục phát triển mạng lưới và kiện toàn tổ chức bộ máy để theo kịp xu hướng phát triển ngành, đủ nội lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh và quản lý, yêu cầu của pháp luật.
- Chú trọng công tác nhân sự trong toàn công ty từ khâu tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển và thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động.
- Đẩy mạnh việc chuyển đổi số, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh... góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm bảo hiểm bán lẻ qua kênh Bancassurance, trong đó hệ thống Agribank là trọng tâm và trung tâm; chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ ở những vùng trọng điểm.
- Tiếp tục rà soát, đẩy nhanh tiến độ chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện điều lệ, quy chế, quy trình nghiệp vụ đáp ứng hoạt động kinh doanh trong tình hình mới đồng thời đảm bảo an toàn và hiệu quả phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Mục tiêu tổng quát kế hoạch kinh doanh năm 2023

- Doanh thu kinh doanh bảo hiểm: 2.097 tỷ đồng
- Doanh thu đầu tư tài chính: 160 tỷ đồng
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): 15%/năm, lợi nhuận trước thuế: 305 tỷ đồng
- Cổ tức: 20%/ 1 cổ phần

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh:

4.1. *Củng cố và phát triển hoạt động kinh doanh bảo hiểm:*

- Mở rộng mạng lưới kênh phân phối bảo hiểm qua Ngân hàng: Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên trao đổi thông tin với TDL các cấp để kịp thời giải quyết, chia sẻ khó khăn vướng mắc giữa hai bên.
- Công tác đánh giá rủi ro: yêu cầu các đơn vị và cá nhân tăng cường kiểm soát, tuân thủ nghiêm túc công tác đánh giá rủi ro trước, trong và sau khi cấp đơn đáp ứng các yêu cầu của chương trình Tái BH và các quy định quản lý của Công ty.
- Công tác tái tục hợp đồng bảo hiểm: Tập trung theo dõi và thực hiện tái tục kịp thời các hợp đồng bảo hiểm đến hạn, nâng cao tỷ lệ tái tục hợp đồng BH đối với tất cả các nghiệp vụ, phấn đấu tỷ lệ tái tục phí bảo hiểm không thấp hơn 70% doanh thu đủ điều kiện tái tục.



- Công tác tái bảo hiểm: Tuân thủ chương trình tái bảo hiểm năm 2023. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ mức giữ lại thuần của ABIC, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Chương trình TBH năm 2023 được HĐQT phê duyệt.

- Cải thiện chất lượng công tác giám định bồi thường: Tăng cường kiểm soát, tuân thủ nghiêm túc đánh giá rủi ro trước khi cấp đơn, trong và sau khi cấp đơn, chú trọng công tác giám định hiện trường, nâng cao chất lượng biên bản giám định, biên bản xác minh hiện trường giảm thiểu tổn thất phát sinh trong giải quyết bồi thường.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng các sản phẩm mới, sản phẩm có tính liên kết cao trong kênh Banca tại Agribank.

4.2. Xây dựng mạng lưới chi nhánh và nhân sự:

- Khẩn trương kiện toàn tổ chức bộ máy thích ứng với Luật kinh doanh Bảo hiểm mới, xây dựng và triển khai Đề án nâng cấp mô hình Tổng Công ty theo Chiến lược đã được phê duyệt.

- Củng cố và ổn định hoạt động kinh doanh đối với các chi nhánh mới thành lập gồm ABIC Sơn La, Kiên Giang và Nam Định.

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập các Chi nhánh mới theo lộ trình Chiến lược 2021 – 2025.

4.3. Ứng dụng công nghệ thông tin:

- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai các ứng dụng CNTT trong kênh Banca góp phần nâng cao năng suất lao động của cán bộ ABIC và Agribank.

- Triển khai đưa vào sử dụng giải pháp Giám định bồi thường Xe cơ giới trực tuyến, Kênh bán hàng Bảo hiểm trực tuyến, cổng thanh toán trực tuyến.

- Triển khai thuê dịch vụ tư vấn Chiến lược CNTT đến năm 2027 tầm nhìn 2030.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động ổn định, an toàn và sẵn sàng cao: thuê đánh giá, kiểm tra mức độ và xây dựng phương án đảm bảo an toàn của hệ thống thông tin.

- Nâng cấp website Bancassurance có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, tích hợp chức năng thanh toán phí bảo hiểm, thống kê báo cáo tự động theo vai trò người sử dụng.

- Tiếp tục triển khai số hoá quy trình khai thác, bồi thường; chứng từ bảo hiểm, kế toán điện tử.

4.4. Công tác quản lý sản phẩm và quy trình nghiệp vụ

- Tập trung rà soát, chỉnh sửa quy chế, quy tắc, quy trình thích ứng với Luật KBDH số 08/2022/QH15 và yêu cầu quản trị nội bộ như: quy chế quản trị nội bộ, quy chế tổ chức và hoạt động chi nhánh, quy chế quản lý người giữ chức danh, chức vụ...

- Đối với sản phẩm truyền thống các phòng nghiệp vụ TSC tiếp tục rà soát Quy tắc, biểu phí đáp ứng được năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Tập trung nguồn lực triển khai mạnh các sản phẩm bảo hiểm Nông nghiệp, Bảo hiểm Nhà tư nhân, đặc biệt sản phẩm mới Bảo hiểm Bảo an tài khoản...

- Thực hiện áp dụng chữ ký số đối với các sản phẩm bán lẻ (BH du lịch, BH học sinh, BH tai nạn, BH CNKH) và áp dụng phê duyệt khai thác online có sử dụng xác thực chứng thư số để giảm tải về luân chuyển và lưu trữ hồ sơ.

4.5. Công tác truyền thông:

Năm 2023, theo kế hoạch, hoạt động truyền thông của Bảo hiểm Agribank sẽ thực hiện chuyên nghiệp và có tính hệ thống hơn, nâng cao công tác truyền thông tại các đơn vị, chú trọng thực hiện quảng bá trên đa dạng kênh và hình thức, đẩy mạnh truyền thông digital nhằm tăng cường độ phủ của thương hiệu và phát triển kênh bán bảo hiểm trực tuyến. Đồng thời, tập trung xây dựng hình ảnh Bảo hiểm Agribank “Trách nhiệm - Sẻ chia”, xứng đáng với thương hiệu Agribank.

Công tác nhận diện thương hiệu: Định vị thương hiệu (phân tích đánh giá chất lượng thương hiệu, ưu nhược điểm; đối thủ cạnh tranh và khách hàng; nghiên cứu thị trường và chiến lược xây dựng hình ảnh). Hoàn thiện hệ thống cảm nhận nhận diện thương hiệu trên các ấn phẩm, tạo sự chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh, đối nội, đối ngoại. Tham gia các sự kiện bình chọn thương hiệu của các tổ chức uy tín.

An sinh xã hội: Tiếp tục thực hiện các hoạt động vì cộng đồng, thể hiện tinh thần “Sẻ chia” của Bảo hiểm Agribank. Đồng thời, theo kế hoạch, năm 2023 sẽ tăng cường triển khai các hoạt động phong trào đoàn thể tại các địa bàn nhằm gia tăng sự hiện diện của thương hiệu, xây dựng ấn tượng tốt với người dân địa phương về một Bảo hiểm Agribank có trách nhiệm.

Chương trình khuyến mại: Tiếp tục triển khai các chương trình khuyến mại thường niên (sinh nhật Agribank, sinh nhật Bảo hiểm Agribank) và thực hiện các chương trình khuyến mại cho sản phẩm mới (Bảo an tài khoản), kênh mới (Website Bảo hiểm trực tuyến).

Bộ phận chăm sóc khách hàng: Triển khai thành lập Bộ phận chăm sóc khách hàng, quy trình hoạt động và nhân sự thực hiện, đảm bảo tối ưu để phục vụ khách hàng, nâng cao trải nghiệm với sản phẩm, dịch vụ, thích ứng với sự phát triển kinh doanh đa dạng kênh của Công ty.

4.6. Công tác kiểm tra, giám sát:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trực tiếp tại các Đơn vị để phối hợp với các Đơn vị sớm phát hiện, điều chỉnh những sai sót phát sinh, hướng dẫn triển khai theo đúng quy định của Công ty và pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ĐTV, TCHC, Thư ký Cty.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Tiến Hải

Số 105 /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua kết quả kinh doanh năm 2022 và phê chuẩn
Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 114/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ vào kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính 2022 Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2022 và phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp được kiểm toán năm bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam (tài liệu đính kèm). Một số chỉ tiêu chính thực hiện năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022 (đồng)	Thực hiện 2022 (đồng)	TH/KH 2022 (%)	Tăng trưởng (%)
I	Doanh thu bán hàng	2.249.000.000.000	2.259.283.463.723	100,5	8,4
1	Phí Bảo hiểm gốc	2.114.000.000.000	2.118.235.211.132	100,2	8,2
2	Phí nhận tái bảo hiểm (tối đa 10 tỷ đồng)	10.000.000.000	9.020.972.092	Hoàn thành chỉ tiêu	260,6
3	Doanh thu đầu tư tài chính	125.000.000.000	132.027.280.499	105,6	5,7
II	Lợi nhuận trước thuế	271.000.000.000	276.462.460.387	102,0	-18,9

Ghi chú: Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty đã được công bố theo quy định, đồng thời đăng tải trên Websites của công ty (<http://abic.com.vn>) bao gồm: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc; Báo cáo kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HĐQT, TCHC.



Nguyễn Tiến Hải

7

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Đỗ Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

4



Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

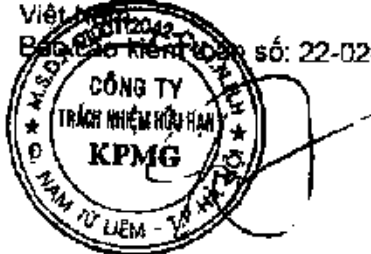
Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tài bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00545-23-1



Wang Toon Kim
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0557-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2023

Phạm Thị Thủy Linh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 - DNPNT
 (Ban hành theo Thông tư số
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)	100		3.386.740.786.958	3.102.841.682.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	89.636.776.281	57.199.234.743
1 Tiền	111		89.636.776.281	57.199.234.743
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.762.796.291.700	2.514.247.291.700
1 Đầu tư ngắn hạn	121		2.762.796.291.700	2.514.247.291.700
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.801.298.941	145.332.192.826
1 Phải thu của khách hàng	131		85.478.904.156	91.437.799.337
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6	85.478.904.156	91.437.799.337
2 Trả trước cho người bán	132		1.508.398.465	1.245.681.687
4 Các khoản phải thu khác	135	7	63.927.680.258	56.791.895.740
5 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(3.113.683.938)	(4.143.183.938)
IV. Hàng tồn kho	140		1.785.163.801	3.464.795.860
1 Hàng tồn kho	141		1.785.163.801	3.464.795.860
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		234.116.189.278	222.090.156.711
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	234.116.189.278	222.090.156.711
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		229.376.050.933	214.532.027.983
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		4.740.138.345	7.558.128.728
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	8	150.605.066.957	160.508.010.722
1 Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		95.810.475.398	65.184.725.162
2 Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		54.794.591.559	95.323.285.560

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		189.253.352.582	212.389.904.636
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.215.342.460	7.726.416.513
4 Phải thu dài hạn khác	218	7	10.215.342.460	7.726.416.513
4.1 Ký quỹ bảo hiểm	218.1		6.000.000.000	6.000.000.000
4.2 Phải thu dài hạn khác	218.2		4.215.342.460	1.726.416.513
II. Tài sản cố định	220		130.645.943.988	139.534.040.321
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	70.346.450.769	79.486.458.213
- Nguyên giá	222		152.147.450.699	150.311.562.749
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.800.999.930)	(70.825.104.536)
3 Tài sản cố định vô hình	227	12	60.253.415.441	60.047.582.108
- Nguyên giá	228		65.859.778.877	65.634.778.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.606.363.436)	(5.587.196.769)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		46.077.778	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		33.000.058.302	52.500.058.302
3 Đầu tư dài hạn khác	258	5	33.000.058.302	52.500.058.302
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.392.007.832	12.629.389.500
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	10	15.392.007.832	12.629.389.500
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.575.994.139.540	3.315.231.587.198

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 - DNPNT
 (Ban hành theo Thông tư số
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.183.383.033.094	2.080.353.667.677
I. Nợ ngắn hạn	310		2.183.383.033.094	2.080.353.667.677
2 Phải trả cho người bán	312	13	159.417.838.825	140.418.001.423
2.1 Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		155.298.575.519	137.133.278.802
2.2 Phải trả khác cho người bán	312.2		4.119.263.306	3.284.722.621
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	20.816.143.225	2.551.180.935
5 Phải trả người lao động	315		57.187.747.996	79.000.602.700
8 Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	15	15.487.714.003	15.743.065.465
9 Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	16	32.108.977.346	15.511.378.172
10 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319.2	17	23.336.696.592	27.851.330.828
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		78.821.373.711	88.370.536.322
13 Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1.796.206.541.396	1.710.907.571.832
13.1 Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1.391.539.970.783	1.308.712.954.645
13.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		244.082.013.294	260.972.564.476
13.3 Dự phòng dao động lớn	329.3		160.584.557.319	141.222.052.711
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.392.611.106.446	1.234.877.919.521
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1.392.611.106.446	1.234.877.919.521
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		515.574.170.000	431.578.150.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		12.000.000.000	12.000.000.000
4 Cổ phiếu quỹ	415		(13.898.400.000)	(13.898.400.000)
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		418.433.188.964	336.733.188.964
9 Quỹ dự trữ bắt buộc	419		51.557.417.000	43.157.815.000
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		408.944.730.482	425.307.165.557
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.575.994.139.540	3.315.231.587.198

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Bùi Thiện Mỹ
Kế toán

Người kiểm soát:

Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

	Mã số	2022 VND	2021 VND
1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	1.926.360.020.098	1.798.652.767.423
3 Doanh thu hoạt động tài chính	12	132.027.280.499	124.883.963.987
4 Thu nhập khác	13	366.780.410	672.496.543
5 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	1.323.417.675.188	1.113.972.129.941
7 Chi phí hoạt động tài chính	22	27.976.473	31.506.824
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	458.671.912.948	469.435.540.352
9 Chi phí khác	24	174.056.011	16.081.642
10 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10 + 12 + 13 - 20 - 22 - 23 - 24)	50	276.462.460.387	340.753.969.194
11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	54.664.022.330	68.231.798.201
13 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	221.798.438.057	272.522.170.993
		Đã điều chỉnh lại	
14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.146	4.063

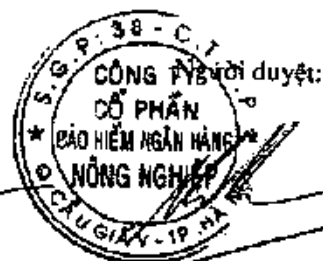
Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Bùi Thiện Mỹ
Kế toán

Người kiểm soát:

Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DNPNT
 (Ban hành theo Thông tư số
 23/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
1 Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	01	20	2.044.429.167.086	1.882.778.274.723
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		2.118.235.211.132	1.957.310.223.978
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		9.020.972.092	2.501.395.149
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng	01.3	18	82.827.016.138	77.033.344.404
2 Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	02	21	160.379.972.082	111.577.962.763
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		191.005.722.318	126.477.469.497
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng	02.2	18	30.625.750.236	14.899.506.734
3 Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 - 02)	03		1.884.049.195.004	1.771.200.311.960
4 Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		42.310.825.094	27.452.455.463
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	22	41.743.609.029	25.823.945.791
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		567.216.065	1.628.509.672
5 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		1.926.360.020.098	1.798.652.767.423
6 Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	11		761.826.767.332	596.389.520.479
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1	23	769.783.080.000	596.802.414.611
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2	23	7.956.312.668	412.894.132
7 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	23	76.456.073.848	57.266.745.469
8 Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	18	(16.890.551.182)	6.669.176.661
9 Tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng	14	18	(40.528.694.001)	4.437.490.070
10 Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	23	709.008.836.303	541.354.461.601
11 Tăng dự phòng dao động lớn	16	18	19.362.504.608	18.333.341.497
12 Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	24	595.046.334.277	554.284.326.843
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		309.484.734.221	290.756.132.351
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		285.561.600.056	263.528.194.492

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 02 - DNPNT
 (Ban hành theo Thông tư số
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
13 Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		1.323.417.675.188	1.113.972.129.941
14 Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		602.942.344.910	684.680.637.482
18 Doanh thu hoạt động tài chính	23	25	132.027.280.499	124.883.963.987
19 Chi phí hoạt động tài chính	24	26	27.976.473	31.506.824
20 Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 - 24)	25		131.999.304.026	124.852.457.163
21 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	458.671.912.948	469.435.540.352
22 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		276.269.735.988	340.097.554.293
23 Thu nhập khác	31		366.780.410	672.496.543
24 Chi phí khác	32		174.056.011	16.081.642
25 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		192.724.399	656.414.901
26 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		276.462.460.387	340.753.969.194
27 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	54.664.022.330	68.231.798.201
29 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		221.798.438.057	272.522.170.993
30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.146	4.063

Đã điều chỉnh lại

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Người kiểm soát:





Bùi Thiện Mỹ
Kế toán

Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng



Đỗ Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022 (Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 - DNPNT
(Ban hành theo Thông tư số
212/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12
năm 2012 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.105.451.857.476	1.942.112.999.049
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1.536.618.468.052)	(1.325.952.023.707)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(236.429.345.785)	(237.356.962.837)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(38.625.286.019)	(85.463.672.756)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.450.817.594	15.516.458.389
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(157.896.800.621)	(171.863.897.816)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	141.332.774.593	136.992.900.322
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.574.844.781)	(17.158.957.024)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	83.636.363	200.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(1.141.049.000.000)	(995.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	912.000.000.000	756.000.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	123.644.975.363	133.395.236.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(108.895.233.055)	(123.063.266.086)

Mã số	2022 VND	2021 VND
-------	----------	----------

III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(15.208.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(15.208.880.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	32.437.541.538	(1.279.245.764)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	57.199.234.743	58.478.480.507
Tiền và tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)	70	89.636.776.281	57.199.234.743

Ngày 28 tháng 2 năm 2023

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:


Bùi Thiện Mỹ
Kế toán


Phạm Minh Trí
Kế toán trưởng




Đỗ Minh Hoàng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Số: 107 /TT - ABIC - HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua báo cáo quyết toán ngân sách của Hội đồng quản trị
và Ban kiểm soát năm 2022**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư 78/2014/TT-BTC;

- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ban hành ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

- Căn cứ Nghị quyết số 114/2022/NQ- ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết toán ngân sách của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Chi trả từ quỹ tiền lương, thù lao hiệu quả công việc của HĐQT chuyên trách, Ban kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, Trưởng/Phó các ban trực thuộc HĐQT và CBNV.

1.1 Mức tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc, tiền thưởng năm 2022:

Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc, tiền làm thêm giờ, các khoản chi ngày lễ tết, khen thưởng trong năm 2022 cho các chức danh trên theo Nghị quyết 91/NQ-HĐQT ngày 29/05/2022.

- Đối với quỹ tiền lương, thù lao hiệu quả công việc kế hoạch của người quản lý chuyên trách: Trường hợp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch,



lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách được tính thêm tối đa bằng 2%, nhưng không quá 20% so với mức bình quân kế hoạch.

- Đối với quỹ thưởng của người quản lý chuyên trách: Trường hợp lợi nhuận thực hiện cao hơn kế hoạch thì quỹ thưởng của người quản lý công ty tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách; trường hợp còn lại tối đa không quá 01 tháng.

Đối với nhân viên các ban của HĐQT sẽ thực hiện tạm ứng, quyết toán lương như lương chức danh của các CBNV tại Trụ sở chính.

1.2 Thực hiện chi trả:

Năm 2022, Công ty đã thực hiện chi trả tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc, tiền làm thêm giờ, các khoản chi ngày lễ tết, khen thưởng Ban quản lý điều hành công ty cho các chức danh trên đúng theo Nghị quyết 91/NQ-HĐQT ngày 29/05/2022.

2. Thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách.

2.1 Mức chi trả thù lao năm 2022 được ĐHĐCB phê duyệt:

- Chủ tịch HĐQT (không chuyên trách) : 14.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT (không chuyên trách) : 12.000.000 đồng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát (không chuyên trách) : 5.000.000 đồng/tháng

2.2 Thực hiện chi trả:

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Tiền thù lao/tháng (đồng)	Số người	Số tiền (đồng)
1	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	14.000.000	01	126.000.000
2	Thành viên HĐQT không chuyên trách	12.000.000	01	144.000.000
3	Thành viên BKS không chuyên trách	5.000.000	01	60.000.000
	Tổng cộng			330.000.000

(Bảng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

*** Ghi chú:**

- Chủ tịch HĐQT không chuyên trách là Ông Phạm Đức Tuấn (từ ngày 1/1/2022 đến 08/12/2022).

- Thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách là Ông Dương Văn Thành (từ ngày 1/1/2022 đến ngày 17/6/2022).

- Thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách là Ông Trần Anh Tuấn (từ ngày 17/6/2022).

- Thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách là Ông Đặng Văn Liễu (từ ngày 1/1/2022 đến ngày 17/6/2022).

- Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách là Bà Lưu Thị Việt Hoa (từ 1/1/2022 đến ngày 17/6/2022).

- Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách là Ông Dương Văn Thành (từ ngày 17/06/2022).

3. Chi phí khác:

3.1 Kế hoạch ngân sách đã được ĐHĐCĐ phê duyệt:

Thực hiện theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đã thông qua, cho phép ngân sách của HĐQT và BKS với chi phí hoạt động là 0,5% * Doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu nhận tái.

3.2 Thực hiện chi trong năm 2022:

Ngân sách năm 2022 của HĐQT và BKS công ty là:

$(2.118.235.211.132 + 9.020.972.092) * 0,5\% = 10.636.280.016$ đồng.

(Mười tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn không trăm mười sáu đồng)

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức các buổi họp chỉ đạo, triển khai thực hiện các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời đi công tác hỗ trợ Công ty trong việc tiếp cận, làm việc với một số khách hàng lớn và gặp gỡ đối thoại với các Tổng đại lý.

Ban kiểm soát, Ban KTKSNB đã tổ chức các cuộc kiểm tra hoạt động kinh doanh của Công ty (bao gồm Trụ sở chính và các chi nhánh), và chi phí trang bị công cụ dụng cụ phục vụ cho công việc hàng ngày.


Chi phí cho các hoạt động này là: **1.083.361.619** đồng, cụ thể gồm các khoản sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Chi phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị	1.023.815.372
1.1	Hội đồng quản trị đi công tác (Vé máy bay+tiền Phòng nghỉ + Công tác phí)	60.736.963
1.2	Chi tiếp khách, Tổ chức hội nghị.	643.328.639
1.3	Ban KTKTNB đi công tác (Vé máy bay+tiền phòng nghỉ + công tác phí)	239.604.560
1.4	Ban KTKTNB chi tiếp khách	32.407.407
1.5	Trang bị công cụ dụng cụ	8.727.273
1.6	Ban quản lý rủi ro (Vé máy bay đi công tác+công tác phí)	32.713.530
1.7	Trang bị công cụ dụng cụ	6.000.000
2	Chi phí cho hoạt động của Ban kiểm soát	59.546.247
2.1	Chi phí đi công tác (vé máy bay+Phòng nghỉ+công tác phí)	48.996.298
2.2	Trang bị công cụ dụng cụ	4.027.727
2.3	Chi giao dịch tiếp khách	6.522.222
3	Tổng cộng (3=1+2)	1.083.361.619

Số kinh phí chưa sử dụng là: **9.552.918.397** (Chín tỷ năm trăm năm hai triệu chín trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) không chuyển tiếp năm sau mà thực hiện hoàn nhập vào kết quả kinh doanh năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- Lưu HĐQT, TCHC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải

Số 110 /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021
và phương án sử dụng, phân phối lợi nhuận năm 2022**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ban hành ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Căn cứ Quy chế Tài chính ban hành kèm theo quyết định số 67/2008/QĐ-HĐQT ngày 14/11/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết số 114/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2022 sau kiểm toán của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 và phương án sử dụng phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021: theo Nghị quyết số 114/2022/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	425.307.165.557	
2	Các khoản đã chi trong năm 2022 (2)=(2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)	228.959.680.000	
2.1	Quỹ đầu tư phát triển	81.700.000.000	Theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022)

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	62.000.000.000	Theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022)
2.3	Trích quỹ thưởng quản lý điều hành (Bao gồm HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT)	1.263.660.000	Theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022)
2.4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 20%/01CP	83.996.020.000	Chênh lệch theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022) và phương án tăng vốn là 3.210.000 đồng do làm tròn CP
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (3=1-2)	196.347.485.557	
	Trong đó:		
	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước năm 2021 chuyển sang	157.942.809.564	
	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại của năm 2021 chuyển sang	38.404.675.993	

2. Báo cáo kết quả lợi nhuận của năm 2022 đã thực hiện:

TT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận kế toán năm 2022	276.462.460.387	
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.664.022.330	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (3)=(1)-(2)	221.798.438.057	
4	Phân phối lợi nhuận	8.399.602.000	
	Các khoản đã hạch toán trong năm 2022 theo quy định: -Trích quỹ Dự trữ bắt buộc năm 2022 (5%/LNST)	8.399.602.000	Điều 77 nghị định 73/2016/NĐ-CP: Quỹ dự trữ bắt buộc phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm. Đến 31/12/2022 ABIC đã trích lập đầy đủ với số tiền là 51.557.417.000 đồng.
5	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 sau trích quỹ dự trữ bắt buộc (5)=(3)-(4)	213.398.836.057	
6	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại trước năm 2022 chuyển sang	196.347.485.557	
6.1	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước 2021	157.942.809.564	
6.2	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại năm 2021	38.404.675.993	

TT	Chi tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
7	Điều chỉnh lợi nhuận 2021 theo thông báo kết quả kiểm toán của kiểm toán nhà nước	801.591.132	
8	Tổng Lợi nhuận chưa phân phối còn lại (8)=(5)+(6)-(7)	408.944.730.482	

3. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận còn lại

a. Về trích lập các quỹ theo quy định:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Căn cứ/ghi chú
1	Tổng Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối 2022 sau khi điều chỉnh lợi nhuận theo thông báo kết quả kiểm toán của KTNV	408.944.730.482	
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận (chưa có chi trả cổ tức) (2)=(2.1)+(2.2)+(2.3)	56.341.513.378	
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	55.423.749.742	Theo điểm a khoản 1 Điều 18 TT 28/2016/TT-BLĐTBXH
2.2	Trích quỹ thưởng quản lý điều hành (Bao gồm HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT)	917.763.636	Theo điểm a khoản 2 Điều 18 TT 28/2016/TT-BLĐTBXH
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	Không thực hiện trích do Điều lệ hiện hành của ABIC không quy định về việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển.	Điều 98. Quỹ dự trữ 3. Ngoài quỹ dự trữ bắt buộc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có thể lập các quỹ dự trữ khác từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.
3	Lợi nhuận chưa phân phối (chưa chi trả cổ tức) (3)=(1)-(2)	352.603.217.104	

b. Chi trả cổ tức

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
3	Chi trả cổ tức	
3.1	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước năm 2021 chia cổ tức bằng cổ phiếu.	157.942.809.564
3.2	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại năm 2022 chia cổ tức tỷ lệ 20%/1 cổ phiếu (số cổ phiếu đang lưu hành là 50.399.217 cổ)	100.798.434.000

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
	20%/1 cổ phiếu (số cổ phiếu đang lưu hành là 50.399.217 cổ phiếu), trong đó:	
-	Chi bằng tiền mặt tỷ lệ 10% /1 cổ phiếu	50.399.217.000
-	+ Trong trường hợp đáp ứng được quy định tăng vốn của pháp luật chi cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%/1 cổ phiếu + Trong trường hợp không đáp ứng được quy định tăng vốn của pháp luật thực hiện chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%/1 cổ phiếu.	50.399.217.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa thực hiện phân phối	93.861.973.540

Lưu ý:

- * Lợi nhuận còn lại chưa thực hiện phân phối sẽ bị ảnh hưởng bởi:
 - Việc bán cổ phiếu quỹ.
 - Việc thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (nếu không thực hiện được) và việc làm tròn cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ.
- * Lý do để lại lợi nhuận chưa phân phối
 - Phân lợi nhuận để lại sẽ làm tăng năng lực tài chính của ABIC để tăng phần phi bảo hiểm giữ lại đối với các dịch vụ kinh doanh bảo hiểm có kết quả tốt.
 - Đảm bảo an toàn tài chính cho các năm sau khi có rủi ro bất thường xảy ra.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu HĐQT, TCHC.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Hải

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Sự cần thiết tăng vốn điều lệ

Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 trong đó chỉ tiêu vốn điều lệ đến năm 2025 tối thiểu đạt 700 tỷ đồng. Hiện nay vốn điều lệ của ABIC tại Báo cáo kiểm toán năm 2022 là 515.574.170.000 đồng, ABIC cần tiếp tục tăng vốn trong năm 2023 theo lộ trình để đạt mục tiêu Chiến lược. Việc tăng vốn điều lệ của ABIC là cần thiết và quan trọng nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh của Công ty, cụ thể:

(i) Tăng mức trách nhiệm giữ lại: tăng vốn điều lệ giúp ABIC tăng mức giữ lại đối với các hợp đồng, nghiệp vụ bảo hiểm¹ hiệu quả giúp gia tăng lợi nhuận;

(ii) Tăng cường tỷ lệ biên khả năng thanh toán đảm bảo quy định của pháp luật: với quy mô vốn nhỏ ABIC có thể gặp khó khăn trong việc đảm bảo tỷ lệ biên khả năng thanh toán trong ngưỡng an toàn khi quy mô doanh thu phí bảo hiểm tiếp tục tăng trưởng². Do đó vốn điều lệ tăng sẽ tăng cường vốn chủ sở hữu cải thiện tỷ lệ biên khả năng thanh toán;

(iii) Nâng cao năng lực đấu thầu: Với quy mô vốn hiện nay, ABIC bị đối mặt với nhiều hạn chế về khả năng cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường như khó khăn trong quá trình tham gia đấu thầu các dự án, khách hàng lớn do không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư về vốn điều lệ tối thiểu. Do đó, tăng vốn điều lệ giúp ABIC nâng cao năng lực tài chính, có cơ hội tham gia các hợp đồng bảo hiểm lớn, đặc biệt là trong công tác đấu thầu các dự án trọng điểm;

(iv) Nâng cao mức tín nhiệm: Để đáp ứng tiêu chí của thị trường đối với ngành bảo hiểm, ABIC sẽ cần phải thực hiện xếp hạng tín nhiệm của các tổ chức quốc tế. Vốn điều lệ cao là một tiêu chí quan trọng để đạt được xếp hạng tín nhiệm tốt;

(v) Mở rộng danh mục đầu tư: ABIC nâng cao vốn điều lệ góp phần đa dạng hóa danh mục đầu tư tạo ra cơ sở trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính, góp phần nâng cao lợi nhuận của Công ty.

¹ Nghị định 73/2016/NĐ-CP có hiệu lực ngày 01/07/2016 quy định doanh nghiệp bảo hiểm chỉ được phép giữ lại mức trách nhiệm tối đa trên mỗi rủi ro hoặc trên mỗi tổn thất riêng lẻ không quá 10% Vốn chủ sở hữu.

² Theo quy định Thông tư 50/2017/TT-BTC ngày 01/07/2017, tỷ lệ biên khả năng thanh toán được tính toán theo công thức: vốn chủ sở hữu trừ đi các tài sản kém thanh khoản trên doanh thu phí bảo hiểm.



1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày ngày 16/06/2022;
- Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 và Luật sửa đổi bổ sung số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000 và Luật sửa đổi bổ sung số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn Công Bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quyết định 108/QĐ-VSD Quy chế về hoạt động đăng ký, chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSD ban hành ngày 20/8/2021;
- Quyết định 109/QĐ-VSD Quy chế Thực hiện quyền cho người sở hữu CK tại VSD ban hành ngày 20/8/2021;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

2. Phương án sử dụng vốn/Mục đích đợt phát hành

Phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức nhằm tăng quy mô vốn điều lệ để phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty; từ đó nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, khả năng cạnh tranh của Công ty tại thị trường trong nước và hướng tới sự phát triển ra thị trường quốc tế trong tương lai.

3. Phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức để tăng vốn điều lệ khi Công ty đáp ứng được quy định tăng vốn của pháp luật:

3.1. Trường hợp khi phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức đã bán 1.158.200 cổ phiếu quỹ

Tăng vốn điều lệ thêm 209.529.340.000 đồng thông qua việc phát hành thêm 20.952.934 cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- Mã cổ phiếu : ABI

- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp có tên trong danh sách sở hữu cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Vốn điều lệ hiện tại : 515.574.170.000 đồng (Năm trăm mười năm tỷ năm trăm bảy mươi tư triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành : 51.557.417 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 51.557.417 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 20.952.934 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá) : 209.529.340.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành : 72.510.351 cổ phiếu.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 725.103.510.000 đồng.
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 40,64%.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 40,64% cổ phần lưu hành (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 10.000:4.064. Theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 0,4064 quyền, cổ đông sở hữu 10.000 quyền sẽ được nhận 4.064 cổ phiếu mới).

- **Nguồn vốn thực hiện/ Phương án huy động:** Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2022 (căn cứ số liệu tại BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty), đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
- **Thời gian phát hành dự kiến** : Thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc tăng vốn điều lệ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật).
- **Nguyên tắc làm tròn và Phương án xử lý cổ phiếu lẻ** : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên sổ cổ phần thực tế phân phối được.
Ví dụ: Với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 40,64%, cổ đông A hiện đang sở hữu 329 cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ nhận được cổ tức là $(329:100) \times 40,64 = 133,71$ cổ phiếu mới, tuy nhiên do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A chỉ nhận được 133 cổ phiếu mới và 0,71 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.
- **Hạn chế chuyển nhượng** : Cổ phiếu phát hành trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng sau khi kết thúc đợt phát hành. Cổ đông không được chuyển nhượng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu cho bên thứ ba.
- **Phương thức phân phối** : Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán.
 Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ

phiếu tại Trụ sở chính của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp, Tầng 6 nhà chung cư 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

- Lưu ký và đăng ký giao dịch : Cổ phiếu phát hành thêm để thực hiện trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.
- Thời hạn hoàn tất việc tăng vốn điều lệ : Thời hạn hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại giấy phép/chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.
- Công bố thông tin : Công ty thực hiện công bố thông tin về kế hoạch tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Trường hợp khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức chưa bán 1.158.200 cổ phiếu quỹ

Tăng vốn điều lệ thêm 208.350.360.000 đồng thông qua việc phát hành thêm 20.835.036 cổ phiếu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

- Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- Mã cổ phiếu : ABI
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp có tên trong danh sách sở hữu cổ phần do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
- Vốn điều lệ hiện tại : 515.574.170.000 đồng (Năm trăm mười năm tỷ năm trăm bảy mươi tư triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).
- Tổng số lượng cổ phiếu đã : 51.557.417 cổ phiếu.
phát hành

- Số lượng cổ phiếu quỹ : 1.158.200 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 50.399.217 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành : 20.835.036 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá) : 208.350.360.000 đồng.
- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành : 72.392.453 cổ phiếu.
- Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành : 723.924.530.000 đồng.
- Hình thức phát hành : Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 41,34%.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 41,34% cổ phần lưu hành (Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối theo phương thức thực hiện quyền theo tỷ lệ 10.000:4.134. Theo đó, tại ngày chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 0,4134 quyền, cổ đông sở hữu 10.000 quyền sẽ được nhận 4.134 cổ phiếu mới).
- Nguồn vốn thực hiện/Phương án huy động : Từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2022 (căn cứ số liệu tại BCTC đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty), đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.
- Thời gian phát hành dự kiến : Thời điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định ngay sau khi Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc tăng vốn điều lệ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật).
- Nguyên tắc làm tròn và : Toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức

Phương án xử lý cổ phiếu lẻ

cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị để đảm bảo tổng số lượng cổ phiếu phân phối không vượt quá tổng số lượng phát hành, số cổ phiếu lẻ hàng thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ không thực hiện và số vốn điều lệ mới được đăng ký trên sổ cổ phần thực tế phân phối được.

Ví dụ: Với tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 41,34%, cổ đông A hiện đang sở hữu 539 cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu sẽ nhận được cổ tức là $(539:100) \times 41,34 = 222,82$ cổ phiếu mới, tuy nhiên do làm tròn xuống đến hàng đơn vị nên thực tế cổ đông A chỉ nhận được 222 cổ phiếu mới và 0,82 cổ phiếu lẻ sẽ bị hủy bỏ.

- **Hạn chế chuyển nhượng** : Cổ phiếu phát hành trả cổ tức không bị hạn chế chuyển nhượng sau khi kết thúc đợt phát hành. Cổ đông không được chuyển nhượng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu cho bên thứ ba.
- **Phương thức phân phối** : Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán.

Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng cổ phiếu tại Trụ sở chính của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp, Tầng 6 nhà chung cư 29T1, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
- **Lưu ký và đăng ký giao dịch bổ sung** : Cổ phiếu phát hành thêm để thực hiện trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.
- **Thời hạn hoàn tất việc tăng** : Thời hạn hoàn tất việc tăng vốn điều lệ thực hiện

7 

vốn điều lệ

theo quy định tại giấy phép/chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

- Công bố thông tin : Công ty thực hiện công bố thông tin về kế hoạch tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật.

III. Giao và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan để hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện những công việc sau:

- Triển khai phương án phát hành, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành bao gồm cả việc xin chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và báo cáo phát hành cổ phiếu với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Lưu ký bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung sổ cổ phiếu phát hành thêm trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Trường hợp khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức chưa bán hết 1.158.200 cổ phiếu quỹ, Đại hội đồng cổ đông giao toàn quyền cho Hội đồng quản trị chủ động sửa đổi phương án phát hành đảm bảo tuân thủ theo phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt, đồng thời phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và lợi ích Công ty.

- Hội đồng quản trị toàn quyền xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai, thực hiện phương án phát hành.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ĐTV, TCHC, TK Cty.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án chi cổ tức bằng tiền mặt

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Sự cần thiết

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, để đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Hội đồng quản trị đề xuất phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%. Trong trường hợp không đáp ứng được điều kiện tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 20%.

H. Kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền mặt

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn Công Bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Quyết định 109/QĐ-VSD Quy chế Thực hiện quyền cho người sở hữu CK tại VSD ban hành ngày 20/8/2021;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

2. Phương án chi trả

- Tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt chi trả dự kiến: 10% (mỗi cổ phần phổ thông nhận được 1.000 VNĐ), trong trường hợp không đáp ứng được điều kiện tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật thì tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 20% (mỗi cổ phần phổ thông nhận được 2.000 VNĐ).
- Đối tượng được nhận cổ tức: Các cổ đông hiện hữu có tên trong sổ cổ đông của ABIC tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền.
- Nguồn chi trả: Từ nguồn lợi nhuận để lại của Công ty tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 của ABIC.
- Cách thức thực hiện:
 - + Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức tại Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.
 - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu chứng khoán làm thủ tục nhận cổ tức bằng tiền tại Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (Tầng 6, Tòa nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).
- Thời gian thực hiện: Hội đồng quản trị chủ động chọn thời gian thích hợp.

3. Giao và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

- Quyết định ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức và ngày chi trả cổ tức bằng

tiền theo phương án nêu trên của Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết khác để hoàn tất phương án chi trả cổ tức bằng tiền nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu ĐTV, TCHC, TK Cty.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

2/2/2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 hướng dẫn Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định 58/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án bán cổ phiếu quỹ như sau:

I. Sự cần thiết

Công ty đang có 1.158.200 cổ phiếu quỹ với tổng giá trị ghi sổ là 13.898.400.000 đồng (giá vốn là 12.000 đồng/1 cổ phiếu). Từ năm 2018 trở lại đây, giá cổ phiếu ABI luôn dao động ở mức cao hơn so với giá vốn mua cổ phiếu quỹ. Việc bán cổ phiếu quỹ sẽ giúp Công ty thu hồi vốn để bổ sung nguồn lực kinh doanh và giúp tăng tài sản, vốn chủ sở hữu Công ty tăng thêm lượng giá trị tương ứng. Trường hợp bán với giá cao hơn giá vốn sẽ giúp Công ty tăng thặng dư vốn cổ phần, giúp làm tăng giá trị sổ sách của Công ty, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông. Do đó Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án bán cổ phiếu nêu trên.

H. Kế hoạch bán cổ phiếu quỹ

1. Mục đích bán

Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Phương án bán cổ phiếu quỹ

– Tổng số cổ phiếu quỹ Công ty đang nắm giữ theo số liệu tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022: 1.158.200 cổ phiếu.

– Tổng số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán: 1.158.200 cổ phiếu.

– Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh của Công ty.

– Thời gian dự kiến giao dịch và Công ty chứng khoán được chỉ định làm đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ: Giao Hội đồng quản trị chủ động quyết định.

– Nguyên tắc xác định giá: Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và không thấp hơn 12.000 VNĐ.


3. Giao và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị

– Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc bán cổ phiếu quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và điều lệ của Công ty.

– Ủy quyền cho Hội đồng quản trị của được quyền chủ động quyết định việc sửa đổi nội dung phương án bán cổ phiếu quỹ trong trường hợp cần phải sửa đổi bổ sung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán) khi thực hiện thủ tục báo cáo/công bố thông tin hoặc khi thấy cần thiết phải điều chỉnh phương án bán cổ phiếu quỹ.

– Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết khác để hoàn tất phương án bán cổ phiếu quỹ nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu ĐTV, TCHC, TK Cty.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Số: 114 /TT-ABIC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Phê duyệt chỉ tiêu kinh doanh năm 2023

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2022 và các dự báo về mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 của HĐQT Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023 trên một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Doanh thu kinh doanh bảo hiểm: 2.097 tỷ đồng.
2. Doanh thu đầu tư tài chính: 160 tỷ đồng.
3. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE): 15%/năm, lợi nhuận trước thuế: 305 tỷ đồng.
4. Cổ tức: 20%/1 cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên; ✓
- Lưu: ĐTV, TCHC, Thư ký cty.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

✓

TỜ TRÌNH

**V/v Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác
của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thông tư 78/2014/TT-BTC;

- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ban hành ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty;

- Căn cứ Nghị quyết số 114/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc và lợi ích khác năm 2023 cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty như sau:

1. Mức tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc và lợi ích khác của HĐQT và Ban kiểm soát:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Thành viên HĐQT	
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo quy định của công ty
1.2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	14.000.000

1.3	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
1.4	Thành viên HĐQT chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
1.5	Thành viên HĐQT không chuyên trách	12.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	
2.1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
2.2	Trưởng BKS không chuyên trách	12.000.000
2.3	Thành viên BKS chuyên trách	Hưởng lương và lợi ích khác theo qui định của công ty
2.4	Thành viên BKS không chuyên trách	5.000.000

Mức cụ thể đối với các trường hợp chuyên chuyên trách đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phù hợp với nghị định 53/2016/NĐ-CP và thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Chi phí khác:

Để tạo điều kiện tốt nhất cho Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023, đồng thời đảm bảo kinh phí cho HĐQT, Ban kiểm soát và các Ban thuộc HĐQT thực hiện công tác quản trị tăng cường công tác giám sát và hỗ trợ hoạt động kinh doanh, Phòng KTTTC kính trình Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt ngân sách cho HĐQT và Ban kiểm soát để chi tiêu một số khoản như: Điện thoại, công tác phí, chi phí giao dịch... Căn cứ vào chương trình, kế hoạch hoạt động thực tế, HĐQT giao Chủ tịch HĐQT phê duyệt chủ trương để Tổng Giám đốc thực hiện hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh.

Mức chi: **0,3%** /Doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết nghị.

Nơi nhận:

- Như trên; ✖
- Lưu HĐQT, TCHC.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Hải

Số: *M7* /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023
của Hội đồng quản trị Công ty**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 một số nội dung sau:

1. Hoạt động của HĐQT năm 2022:

1. Số lượng thành viên HĐQT:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1	Phạm Đức Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Kiểm nhiệm Thôi giữ chức vụ từ ngày 09/12/2022 (theo đề nghị của cổ đông Agribank)
2	Nguyễn Tiến Hải	Thành viên HĐQT Tổng giám đốc	Miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc từ ngày 28/12/2022
		Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 28/12/2022
3	Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT	Chuyên trách
4	Dương Văn Thành	Thành viên HĐQT	Không là thành viên HĐQT \ từ ngày 17/6/2022
5	Đặng Văn Liễu	Thành viên HĐQT	Không là thành viên HĐQT từ ngày 17/6/2022
6	Đỗ Minh Hoàng	Thành viên HĐQT Phó TGĐ	Là thành viên HĐQT từ ngày 17/6/2022
7	Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	Là thành viên HĐQT từ ngày 17/6/2022

2. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Căn cứ theo nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của ABIC và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2022; Trên cơ sở yêu cầu thực tế trong hoạt động quản trị điều hành kinh doanh của ABIC, năm 2022 HĐQT đã tổ chức các hoạt động và đạt được kết quả sau đây: *f*

2.1. Các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản

- Cuộc họp chính thức: Năm 2022 HĐQT Công ty tổ chức 10 kỳ họp chính thức (từ kỳ họp 62 đến kỳ họp 71), ban hành 16 Nghị quyết.

- Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản: Ngoài kỳ họp chính thức, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến của các Thành viên HĐQT bằng văn bản, qua đó đã ban hành 50 nghị quyết.

Tổng số nghị quyết HĐQT ban hành năm 2022: 66 nghị quyết về mọi mặt hoạt động của Công ty. Chi tiết như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
1	01/2022 NQ-HĐQT	10/1 2022	Nghị quyết phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của ABIC
2	02/2022 NQ-HĐQT	11/1 2022	Nghị quyết về việc hỗ trợ người lao động ABIC bị ảnh hưởng bởi dịch Covid -19
3	07/2022 NQ-HĐQT	11/2 2022	Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển trụ sở Chi nhánh ABIC Thanh Hóa
4	12/ NQ-HĐQT	28/2 2022	Nghị quyết phê duyệt chủ trương chuyển địa điểm đặt trụ sở ABIC Sài Gòn
5	13/ NQ-HĐQT	01/3 2022	Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức HĐ của các Phòng tại TSC, Quy định chức năng nhiệm vụ của 6 Phòng tại TSC
6	17/ NQ-HĐQT	07/3 2022	Nghị quyết chủ trương chi cho CBNV công ty nhân ngày 8/3/2022
7	21/NQ HĐQT	15/3 2022	Nghị quyết phê duyệt kết quả xếp loại, xếp hạng đơn vị nhận phân cấp năm 2022
8	30/NQ HĐQT	24/3 2022	Nghị quyết phê duyệt chủ trương trang bị CCDC cho các điểm PVKH gắn với hệ thống Agribank năm 2022
9	33/NQ HĐQT	31/3 2022	Nghị quyết ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động đại lý bảo hiểm tại ABIC
10	37/NQ HĐQT	04/4 2022	Nghị quyết chốt danh sách cổ đông năm 2022
11	38/NQ HĐQT	04/4 2022	Nghị quyết phê duyệt thành lập phòng KDKV Hậu Giang thuộc ABIC Cần Thơ
12	39/NQ 2022	05/4 2022	Nghị quyết phê duyệt Phương án tái BH đối với sản phẩm BATD 2022
13	43/NQ HĐQT	14/4 2022	NQ phê duyệt chủ trương thành lập mới Chi nhánh
14	44/NQ 2022	15/4 2022	Nghị quyết điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông năm 2022

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
15	45/NQ HĐQT	15/4 2022	NQ chuyển địa điểm phòng KDKV Hưng Yên thuộc ABIC Hà Nội
16	46/NQ HĐQT	15/4 2022	NQ chuyển phòng KDKV Bà Rịa – Vũng Tàu từ Chi nhánh ABIC Khánh Hòa sang Chi nhánh ABIC Sài Gòn quản lý
17	49/NQ HĐQT	19/4 2022	NQ về việc cho thôi giữ chức vụ Phó TGĐ Công ty
18	58/NQ HĐQT	27/4 2022	Phê duyệt chủ trương đề nghị xét khen thưởng cho tập thể ABIC và các cá nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập ABIC
19	67/NQ HĐQT	16/5 2022	NQ chuyển địa điểm phòng KDKV Hải Dương thuộc Chi nhánh ABIC Hải Phòng
20	71/NQ HĐQT	22/5 2022	<p>NQ kỳ họp 62: Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ 2022:</p> <p>Thông qua báo cáo kết quả HĐKD năm 2021, mục tiêu và giải pháp kinh doanh năm 2022</p> <p>Phê duyệt kết quả KD năm 2021 và báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán</p> <p>Thông qua báo cáo quyết toán ngân sách của HĐQT và BKS năm 2021</p> <p>Thông qua báo cáo kết quả phân phối lợi nhuận năm 2020, phương án sử dụng, phân phối lợi nhuận năm 2021</p> <p>Phê duyệt chỉ tiêu KD năm 2022</p> <p>Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2022</p> <p>Thông qua báo cáo hoạt động năm 2021, kế hoạch hoạt động năm 2022 của HĐQT</p> <p>Thông qua Tờ trình giới thiệu nhân sự bầu vào HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027</p> <p>Thông qua nội dung tài liệu, chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.</p>
21	73/NQ HĐQT	22/5 2022	NQ kỳ họp 62: NQ về chủ trương bổ nhiệm lại Tổng giám đốc công ty
22	87/NQ HĐQT	24/5 2022	Phê duyệt chủ trương chi cho CBNV nhân dịp Hội nghị người lao động
23	90/NQ HĐQT	29/5 2022	NQ kỳ họp 63: Bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty
24	91/NQ	29/5	NQ kỳ họp 63:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
	HDQT	2022	<p>Thông qua báo cáo kết quả chi lương theo doanh thu, thù lao theo hiệu quả công việc năm 2021</p> <p>Thông qua Tờ trình phê duyệt kế hoạch quỹ tiền lương theo doanh thu, thù lao theo hiệu quả công việc, trích thưởng toàn công ty năm 2022</p> <p>Phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch lao động năm 2022</p> <p>Thông qua tờ trình điều chỉnh thời hạn hoàn thành việc sửa đổi, ban hành mới một số quy chế và bổ sung quy chế vào kế hoạch xây dựng, ban hành</p> <p>Thông qua báo cáo kết quả thực hiện NQ của HDQT năm 2021</p>
25	92/NQ HDQT	29/5 2022	<p>NQ kỳ họp 63: Thông qua BC kết quả thực hiện mua sắm, sửa chữa TSCĐ, XDCB năm 2021 và kế hoạch mua sắm, sửa chữa TSCĐ, XDCB năm 2022</p> <p>Thông qua Tờ trình đề xuất trang bị phần mềm quản lý nhân sự, lao động tiền lương, tài sản tại ABIC</p>
26	105/NQ HDQT	05/6 2022	NQ thông qua danh sách nhân sự trình ĐHĐCĐ bầu vào HDQT và BKS ABIC nhiệm kỳ 2022 – 2027
27	115/NQ HDQT	17/6 2022	NQ kỳ họp 64: Bầu Chủ tịch HDQT nhiệm kỳ 2022 – 2027
28	119/NQ HDQT	05/7 2022	NQ về việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
29	123/NQ HDQT	11/7 2022	NQ về trích quỹ phúc lợi hỗ trợ kinh phí tham gia Hội thao Agribank 2022
30	124/NQ HDQT	11/7 2022	NQ về chuyển địa điểm phòng KDKV Bà Rịa – Vũng Tàu
31	126/NQ HDQT	12/7 2022	NQ về việc tổ chức hội nghị trao đổi các giải pháp phát triển kênh Banca
32	129/NQ HDQT	18/7 2022	NQ điều chỉnh thời gian xây dựng quy hoạch chức danh chức vụ giai đoạn 2025 - 2030
33	133/NQ HDQT	22/7 2022	NQ thành lập phòng KDKV Lạng Sơn
34	134/NQ HDQT	26/7 2022	NQ phê duyệt chủ trương chi thăm hỏi CBNV là con thương binh liệt sỹ nhân ngày 27-7
35	137/NQ HDQT	27/7 2022	NQ phê duyệt triển khai phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2021

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
36	139/NQ HĐQT	04/8 2022	NQ phê duyệt trích quỹ phúc lợi để chi cho CBNV toàn công ty nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập ABIC
37	140/NQ HĐQT	04/8 2022	NQ phê duyệt chủ trương chi hỗ trợ cho các hoạt động thể thao của công ty hàng năm
38	145/NQ HĐQT	16/8 2022	NQ phê duyệt chủ trương chuyển nhượng lô đất thuộc sở hữu của ABIC và mua trụ sở cho ABIC Nghệ An, ABIC Hải Phòng
39	148/NQ HĐQT	22/8 2022	NQ về việc thành lập P KDKV Lâm Đồng II và P KDKV Đông Gia Lai
40	149/NQ HĐQT	29/8 2022	NQ phê duyệt trích Quỹ Phúc lợi chi cho CBNV toàn Cty nhân dịp Quốc khánh 2-9
41	150/NQ HĐQT	06/9 2022	NQ phê duyệt thuê nhà làm trụ sở Chi nhánh ABIC Sơn La
42	152/NQ HĐQT	09/9 2022	NQ phê duyệt hỗ trợ kinh phí xây nhà đại đoàn kết cho 3 hộ gia đình tại Lạng Sơn
43	154/NQ HĐQT	13/9 2022	NQ hỗ trợ kinh phí tham gia Hội thao toàn hệ thống Agribank lần thứ IX năm 2022
44	160/NQ HĐQT	30/9 2022	NQ phê duyệt mua sắm tài sản cho ABIC Sơn La
45	168/NQ HĐQT	10/10 2022	NQ phê duyệt trích quỹ phúc lợi ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" tỉnh Hòa Bình
46	171/NQ HĐQT	18/10 2022	NQ ký hợp 65: Công tác cán bộ
47	172/NQ HĐQT	18/10 2022	NQ ký hợp 65: Phê duyệt chính sách đầu tư và thuê thêm mặt bằng cho TSC
48	173/NQ HĐQT	18/10 2022	NQ ký hợp 65: Đánh giá kết quả HĐKD 9 tháng 2022, mục tiêu và giải pháp KD 3 tháng cuối năm 2022
49	176/NQ HĐQT	25/10 2022	NQ phê duyệt kinh phí sửa chữa, cải tạo trụ sở ABIC Sơn La
50	179/NQ HĐQT	26/10 2022	NQ phê duyệt trích quỹ phúc lợi hỗ trợ kinh phí tổ chức giải quần vợt Hiệp hội bảo hiểm VN
51	183/NQ HĐQT	27/10 2022	NQ về công tác cán bộ
52	189/NQ HĐQT	16/11 2022	NQ về ủng hộ kinh phí điểm trường liên cấp tại H.Quảng Hòa tỉnh Cao Bằng
53	191/NQ HĐQT	28/11 2022	NQ thông qua kết quả tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung Nghị quyết
54	193/NQ HĐQT	30/11 2022	NQ về bổ sung kinh phí cải tạo mặt bằng văn phòng tầng 3 tòa nhà 29T1
55	194/NQ HĐQT	02/12 2022	NQ về thanh lý xe ô tô tại ABIC HCM
56	195/NQ HĐQT	07/12 2022	NQ thành lập Phòng KDKV Lai Châu, Điện Biên và Nam Nghệ An
57	197/NQ HĐQT	09/12 2022	NQ kỳ họp 66: về công tác cán bộ (miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT)
58	198/NQ HĐQT	09/12 2022	NQ kỳ họp 67: về công tác cán bộ (bầu chức danh Chủ tịch HĐQT)
59	199/NQ HĐQT	09/12 2022	NQ kỳ họp 68: về công tác cán bộ (Miễn nhiệm chức danh TGD, giao Quyền TGD)
60	215/NQ HĐQT	14/12 2022	NQ chuyển địa điểm phòng KDKV Lâm Đồng thuộc ABIC Đắk Lắk
61	216/NQ HĐQT	15/12 2022	NQ trích Quỹ phúc lợi chi cho CBNV nhân dịp vượt mốc doanh thu
62	217/NQ HĐQT	15/12 2022	NQ phê duyệt chủ trương thuê trụ sở cho Chi nhánh ABIC Nam Định và ABIC Kiên Giang.
63	218/NQ HĐQT	19/12 2022	NQ kỳ họp 69: Xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản điều chỉnh KHKD năm 2022
64	220/NQ HĐQT	21/12 2022	NQ kỳ họp 70: Cử Người đại diện theo pháp luật của Công ty
65	226/NQ HĐQT	28/12 2022	NQ kỳ họp 71: Phê duyệt chỉ tiêu định hướng KD 2023; Phê duyệt bài hát truyền thống của Công ty; Phê duyệt chương trình tái BH 2023; Phê duyệt giữ nguyên quy hoạch và bổ sung quy hoạch giai đoạn 2020 - 2025
66	227/NQ HĐQT	28/12 2022	NQ kỳ họp 71: Phê duyệt thuê tư vấn xây dựng chiến lược phát triển CNTT giai đoạn 2022-2027, tầm nhìn đến 2030.

2.2. Các nội dung chính được HĐQT thông qua, phê duyệt.

a) HĐQT thông qua và trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 phê duyệt:

- Kết quả kinh doanh năm 2021 và Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, mục tiêu, giải pháp hoạt động kinh doanh năm 2022; Chỉ tiêu kinh doanh năm 2022;
- Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động 2022 của HĐQT;
- Báo cáo quyết toán nhân sách của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021; Kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác năm 2022 của HĐQT và BKS;

- Báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 và phương án sử dụng, phân phối lợi nhuận năm 2021; Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2021;

- Tờ trình về nhân sự bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS nhiệm kỳ 2022 – 2027.

b) Về cơ chế kinh doanh và quy chế quản trị

- Phê duyệt báo cáo tình hình thực hiện quỹ tiền lương 2021 và kế hoạch quỹ tiền lương năm 2022; Phê duyệt đơn giá tiền lương, thù lao theo hiệu quả công việc năm 2022;

- Phê duyệt xếp hạng, xếp loại đơn vị nhận phân cấp 2022

- Phê duyệt chỉ tiêu định hướng kinh doanh năm 2023;

- Thông qua kết quả thực hiện Chương trình tái bảo hiểm năm 2022 và thông qua đề xuất Chương trình Tái bảo hiểm năm 2023; Phê duyệt phương án Tái bảo hiểm đối với sản phẩm Bảo an tín dụng;

- Phê duyệt chủ trương sửa đổi, ban hành một số quy chế quản trị nội bộ, ban hành quy chế: Quy chế tổ chức hoạt động của 6 Phòng tại Trụ sở chính; Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động đại lý bảo hiểm;

- Phê duyệt kế hoạch kiểm tra kiểm soát đối với các đơn vị trực thuộc;

- Phê duyệt chính sách đầu tư;

c) Về tổ chức bộ máy - phát triển hệ thống:

- Phê duyệt thành lập Chi nhánh ABIC Sơn La, trình Bộ Tài chính chấp thuận thành lập Chi nhánh ABIC Nam Định, ABIC Kiên Giang;

- Phê duyệt thành lập một số phòng KDKV, chuyển địa điểm phòng KDKV thuộc các Chi nhánh:

d) Về công tác nhân sự:

- Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027.

- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT và Bầu Chủ tịch HĐQT (theo đề xuất của cổ đông Agribank); Phê duyệt miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc và giao Quyền Tổng giám đốc Công ty; Cử người đại diện theo pháp luật;

- Cho thôi chức vụ Phó TGD Công ty; Bổ nhiệm lại Tổng giám đốc Công ty;

- Phê duyệt chủ trương bổ sung Phó Tổng giám đốc công ty; Phê duyệt Kế toán trưởng thôi kiêm nhiệm chức danh TP Kế toán tài chính;

- Bổ nhiệm chức danh Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán;

- Bổ nhiệm Phó Giám đốc Chi nhánh ABIC Sơn La; Bổ nhiệm Trưởng/phó Ban trụ bị thành lập ABIC Nam Định, ABIC Kiên Giang;

- Phê duyệt giữ nguyên quy hoạch và bổ sung quy hoạch giai đoạn 2020-2025;

- Phê duyệt chỉ tiêu nhân sự năm 2022;

e) Về đầu tư mua sắm cơ sở vật chất: ✱

- Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Công ty;
 - Thông qua báo cáo kết quả thực hiện mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, xây dựng cơ bản năm 2021, kế hoạch mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, xây dựng cơ bản 2022;
 - Phê duyệt thuê thêm mặt bằng làm việc cho Trụ sở chính; cải tạo Trụ sở ABIC Sơn La;
 - Phê duyệt trang bị phần mềm quản lý lao động, tiền lương;
 - Phê duyệt chủ trương trang bị công cụ dụng cụ cho các Điểm phục vụ khách hàng của ABIC gắn với hệ thống Agribank các cấp;
 - Phê duyệt thuê tư vấn xây dựng chiến lược phát triển CNTT giai đoạn 2022-2027, tầm nhìn đến 2030.
- g) Về một số nội dung khác:*
- Phê duyệt chốt danh sách thực hiện quyền cổ đông, mức và ngày tạm ứng cổ tức năm 2022;
 - Phê duyệt hỗ trợ người lao động Công ty bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19; Phê duyệt kinh phí an sinh xã hội, hỗ trợ kinh phí cho đoàn thể thao của Công ty tham gia Hội thao Agribank 2022;
 - Phê duyệt kinh phí khen thưởng cán bộ nhân viên Công ty nhân dịp lễ tết.

3. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

3.1. Tổ chức nhân sự của HĐQT

Năm 2022 nhân sự của HĐQT Công ty có sự thay đổi lớn: Đại hội đồng cổ đông bầu 05 thành viên HĐQT vào ngày 17/6/2022, trong đó có 02 thành viên mới. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch HĐQT vào ngày 17/6/2022; Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT và bầu Chủ tịch HĐQT mới ngày 09/12/2022 (theo đề xuất của cổ đông Agribank). Từ ngày 09/12/2022 đến nay HĐQT Công ty có 04 thành viên. Sự thay đổi về chức danh Chủ tịch HĐQT và sự thiếu hụt thành viên HĐQT đã có ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của HĐQT Công ty.

3.2. Đánh giá về hoạt động của HĐQT:

- Trong năm 2022 hoạt động của HĐQT đã bám sát các yêu cầu và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh để kịp thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các chỉ đạo điều chỉnh phù hợp. Trình tự, thủ tục tổ chức các kỳ họp của HĐQT đều được thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của ABIC. Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT tham gia hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao theo nhiệm vụ được phân công.

- Hoạt động của HĐQT trong năm 2022 đã bao hàm nội dung có ý nghĩa tạo nền tảng cho thời gian tới: Triển khai thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030; Tổ chức 10 kỳ họp và xin ý kiến bằng văn bản, ban hành 66 Nghị quyết (là năm tổ chức nhiều kỳ họp nhất và ban hành nhiều nghị

quyết nhất); Rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chức danh chức vụ; Mở rộng bộ máy mạng lưới thông qua việc phê duyệt thành lập thêm 1 chi nhánh, thành lập Phòng KDKV, mạng lưới Điểm phục vụ khách hàng; Công tác an sinh xã hội hỗ trợ cán bộ nhân viên và cộng đồng phòng chống dịch Covid -19... , Hoạt động của HĐQT năm 2022 đã tạo niềm tin cho đội ngũ cán bộ nhân viên toàn Công ty. Sự chủ động trong hoạt động của HĐQT năm 2022 đã giúp Công ty vượt qua khó khăn do dịch Covid 19, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, trích lập đầy đủ các khoản dự phòng nghiệp vụ theo quy định của Pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập của người lao động...

3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT

HĐQT, Chủ tịch HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ ABIC như:

- Các cuộc họp của HĐQT đều triệu tập thành viên Ban Tổng Giám đốc/Lãnh đạo phòng/ban chuyên môn tham dự và có báo cáo kết quả công việc, hoặc giải trình trực tiếp ý kiến chất vấn của thành viên HĐQT tại cuộc họp;

- Thông qua các báo cáo chi tiết đầy đủ, kịp thời của Ban Tổng Giám đốc về tiến độ thực hiện nhiệm vụ, những khó khăn vướng mắc, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

- Các văn bản do Ban Tổng Giám đốc ban hành liên quan đến nhân sự, cơ chế kinh doanh, quản lý rủi ro hoạt động...đều được gửi đến các thành viên HĐQT .

- Các thành viên HĐQT chủ động thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát trong phạm vi được phân công, thực hiện các hoạt động hỗ trợ các chi nhánh. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT được báo cáo với HĐQT.

- Phối hợp với Ban kiểm soát Công ty trong việc giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các đơn vị trong hệ thống.

- Kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty thông qua hoạt động của Ban Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Ban Quản lý rủi ro trực thuộc HĐQT:

- + Trong năm 2022, các ban thuộc HĐQT Công ty (Ban Quản lý rủi ro, Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ) đã thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT/Chủ tịch HĐQT nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị ABIC. Định kỳ hàng tháng có báo cáo kiểm tra giám sát, báo cáo quản lý rủi ro đối với hoạt động của toàn Công ty và các báo cáo theo vụ việc gửi HĐQT, tổ chức các đoàn kiểm tra đối với các đơn vị.

- + Thư ký Công ty đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty: Tham mưu và phối hợp với các bộ phận chuẩn bị tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên; Xây dựng chương trình và tư vấn về thủ tục các cuộc họp HĐQT, chuẩn bị tài liệu họp, triển khai việc xin ý kiến HĐQT bằng văn bản, soạn thảo và rà soát đảm bảo

các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023:

Năm 2023, trong bối cảnh dự báo tình hình quốc tế còn phức tạp do tác động tiêu cực từ xung đột Nga - Ukraina, khả năng suy thoái, lạm phát và lãi suất tăng cao, nền kinh tế - xã hội Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, tình hình cạnh tranh trên thị trường bảo hiểm ngày càng cao, các doanh nghiệp bảo hiểm phải có thay đổi thích ứng với quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm có hiệu lực từ 01/01/2023.... Do đó hoạt động của HĐQT Công ty sẽ tập trung vào một số lĩnh vực chính sau:

1/. HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 các nội dung cần được thông qua và phê duyệt thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt là Điều lệ tổ chức và hoạt động năm 2023, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

2/. Chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai nhanh, vững chắc và có hiệu quả các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Tranh thủ những điều kiện thuận lợi để ưu tiên triển khai ngay trong năm 2023 những nhiệm vụ trọng yếu (kể cả những nhiệm vụ của năm 2024, 2025) để tạo nền tảng phát triển những năm tiếp theo.

3/. Chỉ đạo xây dựng mới, chỉnh sửa và ban hành hệ thống các quy chế quản trị, điều hành tuân thủ theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động kinh doanh như: Quy chế về Quản lý rủi ro, Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát tuân thủ; Quy chế tài chính, Quy chế quản lý sử dụng Quỹ khen thưởng - Quỹ phúc lợi, Quy chế cán bộ, Quy chế quản lý người giữ chức danh chức vụ, Quy chế tổ chức hoạt động của Chi nhánh....

4/. Chỉ đạo rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống các cơ chế kinh doanh của ABIC đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong điều kiện mới.

5/. Chỉ đạo thực hiện phát triển bộ máy tổ chức và mạng lưới thông qua việc cơ cấu lại các bộ phận chuyên môn tại Trụ sở chính; Thành lập các Chi nhánh/Phòng kinh doanh khu vực tại những địa bàn đủ điều kiện; Xây dựng mạng lưới Điểm phục vụ khách hàng gắn với hệ thống Agribank các cấp... chuẩn bị điều kiện tốt nhất tiến tới nâng cấp lên mô hình Tổng Công ty theo kịp xu hướng phát triển của ngành, thị trường, đủ nội lực đáp ứng yêu cầu kinh doanh và quản lý, yêu cầu của pháp luật.

6/. Chỉ đạo xây dựng cơ chế phát triển nguồn nhân sự có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời kỳ mới. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh, chức vụ; Kiện toàn, bổ sung nhân sự ở các cấp quản lý.

7/. Chỉ đạo thực hiện đầu tư xây mới/sửa chữa/mua sắm trụ sở các Chi nhánh, trang bị phương tiện, công cụ làm việc cho các đơn vị hướng tới nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc;

8/. Tiếp tục định hướng xây dựng và phát triển các sản phẩm bảo hiểm bán lẻ qua kênh Bancassurance, trong đó hệ thống Agribank là trọng tâm và trung tâm; chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng cạnh tranh đối với các sản phẩm, dịch vụ ở những vùng trọng điểm. Xây dựng kênh phân phối tại các tổ chức tín dụng khác, kênh phân phối online.

9/. Chỉ đạo đẩy mạnh việc chuyển đổi số, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh góp phần nâng cao năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.

10/. Chủ động hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trực tiếp làm việc với các cấp trong hệ thống Agribank, các tổ chức tín dụng đang và sẽ triển khai mô hình Banca, các đơn vị trong hệ thống, các đối tác trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh và phục vụ cho hoạt động quản trị của Công ty.

11/. Thực hiện vai trò giám sát và hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động kinh doanh theo chức năng của HĐQT và phát huy vai trò của các thành viên HĐQT. HĐQT phối hợp và hỗ trợ để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm soát an toàn hoạt động của Công ty theo Điều lệ hiện hành.

12/. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của HĐQT theo Điều lệ Công ty và pháp luật quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK Cty, TCHC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ /
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

Số: 118 /ABIC - BKS

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
(TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023)**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ĐHĐCĐ) nội dung cụ thể như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự và Cơ cấu Ban kiểm soát 2022

Ban kiểm soát công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp gồm:

1. Ông Trương Đình Cảnh Trưởng Ban
2. Ông Nguyễn Ngọc Kiên Thành viên
3. Ông Dương Văn Thành Thành viên (từ ngày 17/06/2022)
4. Bà Lưu thị Việt Hoa Thành viên (đến ngày 17/06/2022)

2. Thực hiện các nhiệm vụ giám sát các hoạt động của ABIC:

Với vai trò thay mặt cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC), trong năm 2022 Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao: theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động của ABIC, cụ thể:

- Ban kiểm soát đã tổ chức ba (04) cuộc họp định kỳ trong năm 2022 để triển khai hoạt động kiểm tra giám sát của ban, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao, nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm, tổ chức đánh giá kết quả thực hiện định kỳ, tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị (HĐQT) ABIC tổ chức
- Giám sát công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Tổng giám đốc (TGD).

- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT của Tổng giám đốc.

- Thẩm định báo cáo hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và bán niên của ABIC.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, đầu tư, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, đảm bảo hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và điều lệ ABIC.

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ ABIC, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và Quyết nghị của ĐHĐCĐ.

3. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm của từng thành viên được chủ động kiểm tra, giám sát theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban kiểm soát phân công.

- Trong các phiên họp và các hoạt động của Ban kiểm soát các Thành viên ban kiểm soát làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 một cách nghiêm túc, trung thực, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông của công ty.


- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 tuân thủ đúng pháp luật, luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4. Thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

Thù lao của Ban kiểm soát, chi phí hoạt động và chế độ liên quan: Được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ. Các thành viên BKS được hưởng thù lao gắn với vị trí công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tổng thù lao năm trong hạn mức được ĐHĐCĐ phê duyệt. Ngân sách hoạt động của BKS thuộc Ngân sách chung của HĐQT và BKS được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thực hiện theo chế độ thu chi tài chính của ABIC. *(Cụ thể trong Báo cáo quyết toán ngân sách của HĐQT và BKS trình ĐHĐCĐ).*

II. ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ABIC

Qua kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh năm 2022 Ban kiểm soát đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp như sau:

1. Đánh giá việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của ABIC. 

Căn cứ Luật Doanh nghiệp; Luật kinh doanh bảo hiểm; các quy định về công ty niêm yết; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp, Ban kiểm soát đánh giá trong năm 2022 Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được pháp luật quy định, Đại hội đồng cổ đông quyết nghị. Quá trình hoạt động kinh doanh tuân thủ nghiêm chỉnh các chế độ chính sách của nhà nước, quy định của pháp luật.

2. Đánh giá hoạt động quản trị điều hành của ABIC

2.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ theo quy định và thường xuyên tổ chức xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT đều có nội dung cụ thể, được ghi nhận vào biên bản và ban hành Nghị quyết, chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 vào ngày 17/06/2022 và các phiên họp HĐQT định kỳ. Năm 2022, HĐQT đã họp 10 kỳ, 50 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành 66 Nghị quyết, 83 Quyết định để thực hiện vai trò định hướng, tổ chức bộ máy, chỉ đạo mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tổ chức, triển khai thực hiện thành công việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về Phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 theo đúng quy định của Pháp luật.

- Trong năm nhân sự Hội đồng quản trị có sự thay đổi:

Ông: Phạm Đức Tuấn thôi giữ chức danh Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT từ ngày 09/12/2022.

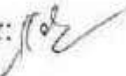
Ông: Nguyễn Tiến Hải TV HĐQT đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ABIC từ ngày 28/12/2022.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị công ty đã bám sát các yêu cầu và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh để kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định điều chỉnh phù hợp, thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh sau đại dịch với nhiều diễn biến khó lường. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao theo nhiệm vụ được phân công.

- Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ hoạt động và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ABIC, đảm bảo công khai minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh hướng đến mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2.2 Hoạt động của Tổng giám đốc Công ty.

Trong năm 2022 Tổng giám đốc đã bám sát mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao:

Trong năm 2022 Ban TGD Công ty có sự thay đổi nhân sự: 

Ông: Mai Sinh Phó TGD - Miễn nhiệm Phó TGD công ty từ ngày 01/06/2022 (nghỉ hưu).

Ông: Nguyễn Tiến Hải Tổng giám đốc -TV HĐQT thôi giữ chức danh Tổng giám đốc đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT ABIC từ ngày 28/12/2022.

Ông: Đỗ Minh Hoàng - Phó Tổng giám đốc - TV HĐQT đảm nhiệm chức danh Quyền Tổng giám đốc ABIC từ ngày 28/12/2022.

- Hiện tại Ban Tổng Giám đốc công ty gồm 3 thành viên (Quyền Tổng giám đốc và 2 Phó Tổng Giám đốc) đã thực hiện tương đối tốt việc phân công công việc, phân cấp và ủy quyền đảm bảo điều hành tốt hoạt động kinh doanh của công ty, bao quát toàn bộ hoạt động của các chi nhánh trực thuộc.

- Điều hành hoạt động kinh doanh trong trạng thái sau đại dịch, Tổng giám đốc đã cố gắng thực hiện hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch, các mục tiêu định hướng cơ bản năm 2022 của ABIC.

- Đã cụ thể hóa mục tiêu, định hướng bằng các giải pháp, biện pháp khá hiệu quả; triển khai đôn đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh, quản lý tài chính, quản trị rủi ro, kiểm soát bồi thường, đánh giá rủi ro... hướng đến mục tiêu định hướng của ĐHĐCĐ; HĐQT.

2.3 Công bố thông tin:

Công ty đã thực hiện nghiêm túc quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng, thông tin công bố đầy đủ, chính xác, minh bạch đúng quy định của Pháp luật.

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số: 114/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 17/06/2022; 17/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 31/01/2023 như sau:

Đơn vị: Tỷ VND,%

CHỈ TIÊU (Đơn vị: triệu VND)	Thực hiện		Kế hoạch 2022	% Thực hiện	
	2021	2022		So với 2021	So với kế hoạch
Doanh thu phí BH gốc	1.957,310	2.118,235	2.114,000	8,2%	100,2%
Doanh thu đầu tư Tài chính	124,884	132,027	125,000	5,7%	105,6%
Lợi nhuận trước thuế	340,753	276,462	271,000	-18,9%	102,02%
Cổ tức chi trả cổ đông	20%	20%	20%		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.063	3.146			

- Doanh thu phí BH gốc: đạt 2.118,235 tỷ đồng bằng 100,2 % kế hoạch kinh doanh ĐHĐCĐ giao, tăng trưởng 8,2 % so với 2021.

- Hoạt động tài chính: Doanh thu đầu tư tài chính đạt 132,027 tỷ đồng, bằng 105,6 % kế hoạch; tăng trưởng 105,6 % so với năm 2021.

- Lợi nhuận trước thuế: đạt 276,462 tỷ đồng đạt 102,02 % kế hoạch (điều chỉnh), tăng trưởng (-18,9%) so năm 2021.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 3.146 đồng (VND).
- Cổ tức chi trả cổ đông: 20%

4. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2022 kết thúc ngày 31/12/2022 đã được công ty TNHH KPMG Việt Nam thực hiện kiểm toán bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022.
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2022.
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2022.
- Thuyết minh báo cáo tài chính

Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp đã được kiểm toán bởi công ty TNHH KPMG Việt Nam và thống nhất với ý kiến kiểm toán " Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng với các doanh nghiệp Bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính'.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN

Đơn vị: VND

TT	NỘI DUNG	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	3.386.740.786.958	3.102.841.682.562
B	Tài sản dài hạn	189.253.352.582	212.389.904.636
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.575.994.139.540	3.315.231.587.198
A	Nợ phải trả	2.183.383.033.094	2.080.353.667.677
II	Vốn chủ sở hữu	1.392.611.106.446	1.234.877.919.521
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.575.994.139.540	3.315.231.587.198

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: VND

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021
1	Tổng doanh thu	2.058.754.081.007	1.924.209.227.953

2	Tổng chi phí	1.782.291.620.620	1.583.455.258.759
3	Lợi nhuận trước thuế	276.462.460.387	340.753.969.194
4	Lợi nhuận sau thuế	221.798.438.057	272.522.170.993
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.146	4.063

Các chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính của công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐV	Cuối năm	Đầu năm
1	Cơ cấu Tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	<i>Cơ cấu tài sản</i>			
	- TSCĐ và Đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	5.29	6.41
	- TSLĐ và Đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	94.71	93.59
1.2	<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	61.06	62.75
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	38.94	37.25
2	Khả năng thanh toán			
2.1	<i>Khả năng thanh toán nhanh</i>	Lần	1.31	1.24
2.2	<i>Khả năng thanh toán tổng quát</i>	Lần	1.64	1.59
2.3	<i>Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn</i>	Lần	1.55	1.49
3	Tỷ suất sinh lời			
3.1	<i>Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu</i>			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	13.43	17.71
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	10.77	14.16
3.2	<i>Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản</i>			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	7.73	10.28
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6.20	8.22
3.3	<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</i>	%	15.93	22.07

4.1. Đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp:

- Kết quả kinh doanh phản ánh đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2022 phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp Bảo hiểm.

- Tổng tài sản của ABIC tại thời điểm 31/12/2022: 3.575,994 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021: 3.315,231 tỷ đồng tăng 260,763 tỷ đồng, tăng trưởng 7,87%.

Về cơ cấu tài sản đến 31/12/2022: Tài sản ngắn hạn chiếm 94,71 %, Tài sản dài hạn chiếm 5,29 %.

Về cơ cấu nguồn vốn đến 31/12/2022 : Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 38,94 %, Nợ phải trả chiếm 61,06 %.

Khả năng thanh toán tổng quát là 1,64 lần; Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là 1,55 lần; Khả năng thanh toán nhanh là 1,31 lần.

- Lợi nhuận trước thuế : 276,462 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 221,798 tỷ đồng
- Tỷ suất sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu 10,77 %
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản 6,20%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu 15,93%

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của ABIC năm 2022 như: Tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, quỹ dự phòng nghiệp vụ, doanh thu đều có tăng trưởng so năm 2021 tuy nhiên mức độ tăng trưởng chưa cao, lợi nhuận trước thuế giảm (-) 18,9% so năm 2021, đạt 102,02% chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh ĐHCĐ công ty năm 2022 giao.

4.2. Hoạt động kinh doanh Bảo hiểm và quản lý chi phí

- Doanh thu phí Bảo hiểm gốc năm 2022 đạt 2.118,235 tỷ đồng tăng 8,2% so năm 2021, hầu hết các sản phẩm dịch vụ có tăng trưởng, nghiệp vụ bảo hiểm con người tăng 9.07% so 2021 chiếm tỷ trọng 70,5% doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- Tổng chi bồi thường năm 2022 tăng 30,97% so năm 2021; tỷ lệ bồi thường tăng từ 30,6% năm 2021 lên 37,6% năm 2022 tăng 7,0%.

- Tỷ lệ chi phí cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2021 giảm từ 56,2% năm 2021 xuống 53,7% cho năm nay; Tỷ lệ kết hợp năm 2022 là 91,3% tăng khá cao 4,5% so 2021 (năm 2021 là 86,8 %).

4.3. Hoạt động đầu tư tài chính

Cơ cấu danh mục đầu tư tài chính

Tổng danh mục đầu tư của ABIC tại thời điểm 31/12/2022 là 2.796 tỷ đồng; toàn bộ danh mục đầu tư của ABIC là tiền gửi tại Tổ chức tín dụng (Agribank) với cơ cấu như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1	Dầu tư ngắn hạn	2.514	97,97 %	2.763	98,82 %
2	Đầu tư dài hạn	52	2,03 %	33	1,18 %
	Tổng cộng	2.566	100 %	2.796	100 %

Hiệu quả hoạt động đầu tư tài chính

Năm 2022 lợi nhuận gộp hoạt động tài chính là 131,999 tỷ đồng tăng 5,72% so 2021, lợi suất đầu tư khoảng 4,92%.

4.4 Đánh giá chung

Căn cứ kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ, BKS đánh giá như sau:

- Tình hình tài chính ABIC lành mạnh, danh mục đầu tư an toàn, mức sinh lời chấp nhận được.
- Quản lý công nợ chặt chẽ.
- Khả năng thanh toán và tỷ suất sinh lợi của Công ty được duy trì tương đối tốt.

Qua các chỉ tiêu phân tích đánh giá hoạt động của công ty cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty đảm bảo khả năng sinh lời đối với vốn của các cổ đông, đảm bảo khả năng thanh toán trong quá trình hoạt động kinh doanh. Công ty đã chấp hành tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; thực hiện kinh doanh có lãi, đảm bảo chi trả cổ tức cho các cổ đông; thu nhập của người lao động được đảm bảo.

5. Hoạt động thanh, kiểm tra của các cơ quan quản lý

Trong năm 2022 ABIC tiếp nhận 01 cuộc thanh, kiểm tra của các cơ quan quản lý :

- Đoàn Kiểm toán nhà nước theo Quyết định :269/QĐ-KTNN ngày 08/03/2022 của Tổng kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán tại ABIC từ ngày 14/04/2022 – 05/05/2022.

Nhìn chung đoàn Kiểm toán nhà nước đánh giá : ABIC chấp hành, tuân thủ tương đối nghiêm túc các quy định của Pháp luật, tuy nhiên vẫn còn có một số tồn tại cần phải chấn chỉnh khắc phục.

ABIC đã nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục và chỉnh sửa kịp thời những tồn tại Kiểm toán Nhà nước đã kiến nghị trong năm 2022 ngay sau khi có kết luận kiểm toán.

6. Kiến nghị của Ban kiểm soát

- Khẩn trương xây dựng, chỉnh sửa hệ thống các quy trình, quy chế hoạt động nội bộ, sửa đổi cập nhật kịp thời theo quy định của Pháp luật, nâng cao chất lượng văn bản quy phạm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong triển khai thực hiện.
- Xây dựng và thực hiện chiến lược dài hạn với những giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm tạo lập nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là nhân sự cấp cao đáp ứng nhu cầu theo định hướng phát triển Công ty, đảm bảo có nguồn dự phòng hợp lý đáp ứng nhu cầu trong mọi trường hợp.
- Tăng cường công tác nhận diện và quản trị rủi ro, xây dựng quy trình, kế hoạch quản trị rủi ro hợp lý bảo đảm giữ gìn và phát triển thương hiệu, danh tiếng, tài chính và hoạt động ổn định của Công ty đáp ứng yêu cầu thực tế, phù hợp với xu hướng của thị trường và chiến lược phát triển của Công ty.

7. Phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, TGD và cán bộ quản lý khác

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của ABIC trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ của ABIC, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát luôn có sự trao đổi thông tin trong các vấn đề có liên quan đến định hướng hoạt động của ABIC, cũng như công tác quản trị điều hành doanh nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT; TGD;
- Lưu: TCHC; BKS;



Trương Đình Cảnh

BAN KIỂM SOÁT

Hà nội ngày 24 tháng 03 năm 2023

**Báo cáo kết quả hoạt động của Trưởng Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Tôi: Trương Đình Cảnh

Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp báo cáo kết quả hoạt động của Trưởng Ban Kiểm soát trong năm 2022 như sau:

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ABIC.

Quá trình hoạt động trong năm 2022 nhận thấy:

Trưởng Ban kiểm soát đã tổ chức điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật và điều lệ công ty; thực hiện tốt nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao cụ thể như sau:

I. Nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quyền hạn của Ban Kiểm soát được quy định trong Luật doanh nghiệp; điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát ABIC.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban kiểm soát theo đúng năng lực, trình độ đảm bảo tính hợp lý tạo điều kiện tốt nhất để các thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đồng thời Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi, kiểm tra giám sát các lĩnh vực:

- Thực hiện các quy định của Pháp luật; Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị công ty.

- Chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh của các chi nhánh: TP Hồ Chí Minh; Đắk Lắk; Đà Nẵng; Cần Thơ; Sài Gòn và Khánh Hòa.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia các hội nghị giao ban, hội nghị sơ kết, tổng kết và hội nghị thi đua của công ty.

2. Kết quả hoạt động của Trưởng Ban kiểm soát.

Trong năm Trưởng ban Kiểm soát đã thực hiện nghiêm túc một số công việc sau:

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị tổ chức.

- Tổ chức họp Ban Kiểm soát :

Năm 2022 Ban kiểm soát đã tổ chức họp 4 lần cụ thể như sau:

- ✓ Ngày 10/03/2022 Ban kiểm soát họp:

- + Thông báo kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp năm 2021.

- + Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021.
 - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên kiểm tra, giám sát và chuẩn bị cho Báo cáo trình đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
 - + Chuẩn bị chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau đại hội cổ đông thường niên 2022.
 - + Thảo luận và thông qua nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - + Các thành viên Ban kiểm soát báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên.
- ✓ *Ngày 16/03/2022 Ban kiểm soát họp:*
- + Thông qua kết quả đánh giá hoạt động của từng thành viên Ban kiểm soát.
 - + Thông qua dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2021; Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty năm 2021.
 - + Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2021.
 - + Thông qua dự thảo thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021.
 - + Lập báo cáo của Ban kiểm soát phục vụ công tác lập báo cáo thường niên 2022.
 - + Thông qua nội dung tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán, tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính ABIC năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông.
 - + Thông qua nội dung Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ABIC, tờ trình Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ABIC trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - + Triển khai chương trình kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát sau đại hội đồng cổ đông 2022.
 - + Triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại một số đơn vị trực thuộc ABIC.
 - Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông thường niên tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

✓ *Ngày 17/06/2022 ban kiểm soát họp:*

- Bầu trưởng Ban kiểm soát ABIC nhiệm kỳ IV 2022-2027
- Triển khai thực hiện và giám sát thực hiện Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt thông qua.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban kiểm soát.
- Triển khai đề cương kiểm tra ABIC của cổ đông Agribank, Công văn số 1676/NHNo-ĐT ngày 07/03/2022; 4113/NHNo-ĐT ngày 18/05/2022 của Tổng

giám đốc Agribank về việc thực hiện quyền của cổ đông và kiểm tra chuyên đề năm 2022.

- Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát và thực hiện yêu cầu của cổ đông Agribank

✓ Ngày 14/12/2022 Ban kiểm soát họp:

- Đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động kinh doanh công ty đến thời điểm 30/11/2022. Dự báo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022.
- Đánh giá sơ bộ hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong 11 tháng năm 2022.
- Triển khai công tác xây dựng kế hoạch hoạt động và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2023.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc giám sát công tác quyết toán tài chính năm 2022 và chuẩn bị cho việc lập báo cáo giám sát của Ban kiểm soát cho năm tài chính 2022, Báo cáo tại đại hội cổ đông năm 2023.

Trong kỳ Ban kiểm soát đã :

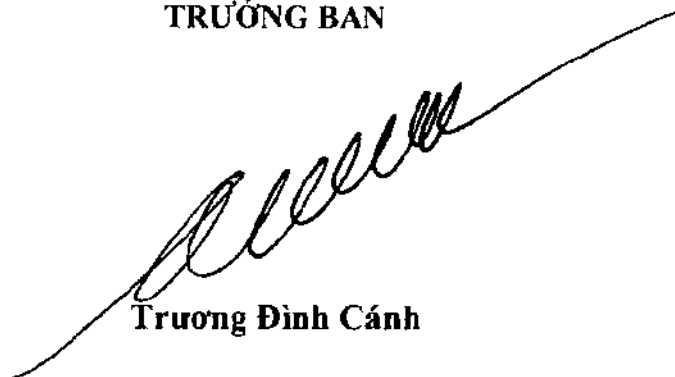
- Tham gia các hội nghị sơ kết, tổng kết và theo dõi các phong trào thi đua do công ty và các chi nhánh trực thuộc phát động.
- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh lên Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2022.
- Tổ chức giám sát trực tiếp và trực tuyến hoạt động của các chi nhánh, đơn vị trực thuộc và toàn công ty trong năm 2022.
- Tham gia các buổi giao ban của công ty để nắm bắt tình hình triển khai công tác kinh doanh của toàn công ty.
- Phối hợp và kết hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Các ban, phòng nghiệp vụ Trụ sở chính và các chi nhánh trực thuộc trong quá trình kiểm tra giám sát để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:

- Ban kiểm soát hoạt động theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm của từng thành viên được chủ động kiểm tra, giám sát theo nhiệm vụ đã được Trưởng Ban kiểm soát phân công.
- Ban kiểm soát thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm 2022 một cách nghiêm túc, trung thực, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và các cổ đông của công ty.
- Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 tuân thủ đúng pháp luật, luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động kiểm tra, kiểm soát của ban kiểm soát trong năm 2022 đã góp phần cùng Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh./.

TRƯỞNG BAN

A handwritten signature in black ink, consisting of several loops and a long horizontal stroke extending to the right.

Trương Đình Cánh

BAN KIỂM SOÁT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**Báo cáo kết quả hoạt động của thành viên Ban kiểm soát
Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Tôi: Dương Văn Thành

Thành viên Ban kiểm soát công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp báo cáo kết quả hoạt động của thành viên Ban kiểm soát trong năm 2022 như sau:

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ABIC.

Ngày 17/06/2022 Tại Đại hội cổ đông năm 2022 Tôi được bầu vào làm Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

Trưởng ban kiểm soát công ty Cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp phân công nhiệm vụ cụ thể cho tôi Trong năm 2022 như sau:

- Chịu trách nhiệm theo dõi, lập và trình bày báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm;

- Phối hợp cùng với thành viên Ban kiểm soát chuyên trách Nguyễn Ngọc Kiên dự thảo và kiểm soát báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để trình Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện công tác kiểm tra và các công tác khác theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát.

Quá trình hoạt động trong năm 2022 nhận thấy:

Tôi đã thực hiện đúng các nhiệm vụ quyền hạn được Trưởng Ban kiểm soát phân công theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban kiểm soát tổ chức trong năm (02/04 lần) cụ thể như sau:

✓ Ngày 17/06/2022 ban kiểm soát họp:

- Bầu trưởng Ban kiểm soát ABIC nhiệm kỳ IV 2022-2027
- Triển khai thực hiện và giám sát thực hiện Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt thông qua.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên ban kiểm soát.
- Triển khai đề cương kiểm tra ABIC của cổ đông Agribank, Công văn số 1676/NHNo-ĐT ngày 07/03/2022; 4113/NHNo-ĐT ngày 18/05/2022 của Tổng giám đốc Agribank về việc thực hiện quyền của cổ đông và kiểm tra chuyên đề năm 2022.
- Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát và thực hiện yêu cầu của cổ đông Agribank

✓ Ngày 14/12/2022 Ban kiểm soát họp:

- Đánh giá sơ bộ tình hình hoạt động kinh doanh công ty đến thời điểm 30/11/2022. Dự báo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2022.
- Đánh giá sơ bộ hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong 11 tháng năm 2022.
- Triển khai công tác xây dựng kế hoạch hoạt động và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát năm 2023.
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc giám sát công tác quyết toán tài chính năm 2022 và chuẩn bị cho việc lập báo cáo giám sát của Ban kiểm soát cho năm tài chính 2022, Báo cáo tại đại hội cổ đông năm 2023.

Trong năm 2022 tôi đã thực hiện phối hợp chặt chẽ với các thành viên trong Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra, giám sát để hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ do Trưởng ban kiểm soát phân công và hoàn thành tốt nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông giao./.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Dương Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BAN KIỂM SOÁT

**BẢN TỰ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
CỦA THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH BAN KIỂM SOÁT**

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Kiên

Ngày sinh: 17/01/1969

Chức vụ Đảng: Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng bộ ABIC

Chức vụ chính quyền: Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát

Chức vụ đoàn thể: Phó chủ tịch Phụ trách Công đoàn cơ sở ABIC

Đơn vị công tác: Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Bảo hiểm NHNo

Đánh giá hoạt động, kết quả công tác năm 2022

Căn cứ Hợp đồng lao động số 63/2015-ABIC-HĐLĐ ngày 10/06/2015 được ký kết giữa Tôi và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp, đại diện là Ông Đinh Việt Đông – Chủ tịch HĐQT với Chức danh là Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát của Công ty.

Công việc chính được Trưởng Ban kiểm soát phân công là:

- Chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi các quy chế nội bộ; các văn bản về quy trình nghiệp vụ và chấp hành tuân thủ các văn bản của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
- Giám sát công tác quản lý tài chính và việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính của Công ty;
- Kiểm tra kiểm soát báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm;
- Dự thảo thẩm định báo cáo tài chính ABIC năm;
- Kiểm tra việc đánh giá xếp loại ABIC theo Thông tư 195/2014/TT-BTC ngày 17/12/2014 về Hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp Bảo hiểm;

- Chịu trách nhiệm theo dõi trực tiếp và giám sát các hoạt động tại Trụ sở chính và các chi nhánh: Hà Nội, Thăng Long, Hải Phòng, Phú Thọ, Thanh Hóa, Nghệ An;

- Giám sát và kiểm tra cùng đoàn Kiểm tra kiểm toán nội bộ khi được sự phân công của Trường Ban kiểm soát;

- Thực hiện công tác kiểm tra và các công tác khác theo sự phân công của Trường Ban kiểm soát.

Với chức trách, vai trò của Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát và những nhiệm vụ khác được giao, tôi luôn học hỏi, trau dồi kinh nghiệm, nghiên cứu tài liệu, văn bản và cập nhật thông tin phục vụ cho công việc được giao nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Cụ thể đã thực hiện một số công việc chính trong năm:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Hội nghị giao ban hàng tháng và các Hội nghị khác mà Công ty tổ chức;

- Triển khai và thực hiện chức năng giám sát và việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; thực hiện giám sát tại các chi nhánh: Hà Nội, Thăng Long, Phú Thọ, Nghệ An, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Sài Gòn, Đắk Lắk.

- Thực hiện các báo cáo của Ban kiểm soát với Đại hội đồng Cổ đông, Agribank...

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động công tác Đảng của Đảng bộ ABIC với các chi bộ trực thuộc.

- Tham gia cùng với chính quyền, Đoàn thanh niên làm công tác từ thiện, an sinh xã hội tại Cao Bằng, viện trợ, tài trợ, trao quà đối với bệnh viện Lão khoa...

- Ngoài ra còn thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Trường Ban kiểm soát.

- Trong mọi công việc luôn có tinh thần trách nhiệm cao, hoàn thành tốt công việc được giao. Trong quá trình công tác không để xảy ra sai sót về chuyên môn

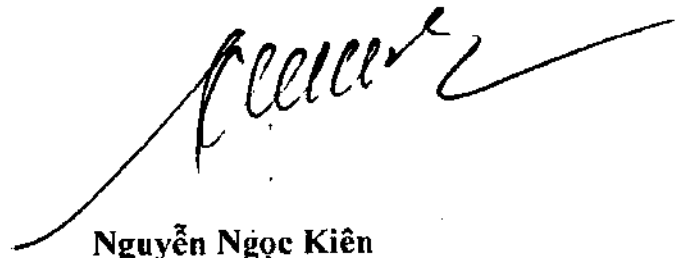
nghiệp vụ để ảnh hưởng đến uy tín của Công ty. Thông qua việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao đã có những kiến nghị với HĐQT, Tổng giám đốc góp phần hoàn thiện về cơ chế, tổ chức mạng lưới...trong các hoạt động của Công ty.

- Vai trò trong công tác Công đoàn: Trong năm 2022 Công đoàn Agribank tổ chức Hội thao Khu vực và Hội thao toàn quốc, Công đoàn cơ sở ABIC được giao tổ chức đoàn VĐV ABIC tham gia. Tại Hội thao khu vực Đoàn ABIC đã đạt được những kết quả ngoài mong đợi (Bóng đá HC vàng; Tennis 2 HC vàng; Cầu long 1 HC vàng, 1 HC Bạc; Cầu long 1 HC vàng, 1 HC Bạc; Bóng chuyền HC Bạc); Tại hội thao Toàn quốc Đoàn ABC đạt được 2 HC Đồng;

ABIC đồng Tổ chức giải Tennis Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam: Tổ chức thành công giải và kết quả của Đoàn ABIC đạt được: 1 giải Vô địch; 02 giải Ba.

Tham gia và cùng Ban thường vụ, BCH Công đoàn cơ sở ABIC thực hiện chức trách, vai trò đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho đoàn viên Công đoàn một cách tốt nhất.

NGƯỜI TỰ ĐÁNH GIÁ



Nguyễn Ngọc Kiên

TỜ TRÌNH

LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP ĐỂ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- Chấp hành văn bản số 11669/NHNo-ĐT của Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT VN ngày 31/12/2015 V/v: Lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

Để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của công ty Cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp theo quy định của Pháp luật, Điều lệ công ty. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC) như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và có kinh nghiệm kiểm toán báo cáo tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng và chứng khoán theo các quy định của Luật kế toán, chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

2.1 Tiêu chí để lựa chọn đơn vị kiểm toán nêu tại mục 1 trên đây làm căn cứ lựa chọn, đề xuất đơn vị kiểm toán cung cấp các dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;

2.2 Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán theo yêu cầu của Cổ đông Agribank và tiêu chí lựa chọn của Ban Kiểm soát Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: TCHC, HĐQT, BKS, KTTT.



Số: 110 /TT-ABIC-HDQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt dự thảo Điều lệ Công ty

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16/06/2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của ABIC (Điều lệ ABIC) như sau:


1. Sự cần thiết và căn cứ của việc sửa đổi Điều lệ ABIC

- Điều lệ ABIC hiện nay được thông qua theo Nghị quyết số 66/2014/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014. Nội dung của Điều lệ ABIC 2014 áp dụng theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ – BTC ngày 19/3/2007 của Bộ Tài chính và theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010.

- Luật Doanh nghiệp 2014 ban hành ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 có nhiều quy định thay đổi so với Luật Doanh nghiệp 2005, tuy nhiên ABIC chưa sửa đổi Điều lệ.

- Luật Doanh nghiệp 2020 ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 có nhiều quy định thay đổi về quản trị, điều hành công ty đại chúng, công ty niêm yết so với Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán 2019 được ban hành ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021) hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó bao gồm Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng.

- Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 ban hành ngày 16/06/2022, có hiệu lực từ ngày 01/01/2023, thay thế luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và các luật sửa đổi, bổ sung năm 2010 và 2019. 

- Thực tiễn hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại thị trường Việt Nam đến thời điểm hiện nay đã có nhiều thay đổi so với thời điểm thông qua Điều lệ ABIC năm 2014, dẫn đến cần phải có chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành của ABIC.

2. Nguyên tắc sửa đổi Điều lệ ABIC

- Điều lệ ABIC 2014 hiện tại có nhiều nội dung, kết cấu không còn phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, tại Điều 3 quy định: *Công ty đại chúng tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này để xây dựng Điều lệ công ty, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan.*

Do đó việc sửa đổi Điều lệ ABIC được thực hiện theo hướng xây dựng mới Điều lệ ABIC 2023, nội dung dự thảo dựa trên nguyên tắc sau đây:

1/. Dự thảo Điều lệ ABIC 2023 áp dụng theo kết cấu, nội dung của Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2/. Những nội dung Điều lệ mẫu không quy định hoặc không quy định cụ thể mà cho phép doanh nghiệp có quyền lựa chọn thì ABIC bổ sung nội dung để làm rõ hơn và/hoặc lựa chọn nội dung phù hợp đưa vào dự thảo Điều lệ ABIC 2023.

3/. Một số quy định của Điều lệ ABIC 2014 không trái với quy định của pháp luật hiện hành và còn phù hợp thì được kế thừa đưa vào dự thảo Điều lệ ABIC 2023.

3. Trình tự xây dựng dự thảo Điều lệ ABIC 2023

Dự thảo Điều lệ ABIC 2023 được xây dựng, hoàn thiện và ban hành theo các bước sau đây:

- Bước 1: Xây dựng dự thảo theo các quy định mới của pháp luật và kế thừa một số nội dung quy định tại Điều lệ ABIC năm 2014;

- Bước 2: Xin ý kiến góp ý của Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng Phòng/Ban tại Trụ sở chính ABIC;

- Bước 3: Thuê tư vấn luật rà soát dự thảo Điều lệ;

- Bước 4: Các đại diện vốn của Agribank tại ABIC thống nhất, trình xin ý kiến Lãnh đạo Agribank.

- Bước 5: Hội đồng quản trị ABIC thông qua dự thảo Điều lệ.

- Bước 6: HĐQT trình ĐHCĐ ABIC năm 2023 thông qua dự thảo Điều lệ. ✱

4. Kết cấu của dự thảo Điều lệ ABIC 2023

Dự thảo Điều lệ ABIC 2023 gồm 21 Chương, 62 điều và 01 Phụ lục đính kèm.

Chi tiết nội dung như dự thảo đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

Tài liệu gửi kèm:

- Thuyết minh nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ ABIC 2023;
- Dự thảo Điều lệ ABIC 2023.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK Cty, TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Năm 2023

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số .../NQ-ABIC-DHDCD ngày ... tháng ... năm 2023 tại Hà Nội.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung;
- đ) *Luật Kinh doanh bảo hiểm* là Luật số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022 và các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung;
- e) *Công ty* là Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- g) *Đơn vị thành viên* là chi nhánh trực thuộc Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- h) *Ngày thành lập Công ty* là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp; *Ngày truyền thống của Công ty* là ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động;
- i) *Người quản lý của Công ty* bao gồm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty từng thời kỳ;
- k) *Người kiểm soát của Công ty* bao gồm các chức danh: Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát), Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ, Chuyên gia tính toán và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị quy định;
- l) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- m) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- o) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- p) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- q) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
- r) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- s) *Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.*
2. Các từ hoặc thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Điều lệ này đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Chương II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đơn vị thành viên, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Agriculture Bank Insurance Joint - stock Corporation**

c) Tên giao dịch: **Bảo hiểm Agribank**

d) Tên Công ty viết tắt: **ABIC**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 Toà nhà 29T1 - Hoàng Đạo Thuý - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội

b) Điện thoại: 024. 62990055

- c) Fax: 024.62580055
d) E-mail: baohiemagribank@abic.com.vn
e) Website: abic.com.vn

4. Mạng lưới

a) Công ty có thể thành lập **Đơn vị thành viên**, Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

b) **Đơn vị thành viên, Văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công ty và Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của Đơn vị thành viên và Văn phòng đại diện.**

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty **theo thời hạn ghi nhận trong Giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp.**

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. **Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật có thể phân công, ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động của Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.**

2. **Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật.**

a) **Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;**

b) **Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;**

c) **Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.**

3. **Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.**

4. **Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.**

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo ủy quyền đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Công ty hoặc đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trong một số trường hợp, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe;*
- b) Kinh doanh nhân và nhượng tái bảo hiểm trong và ngoài nước;*
- c) Thực hiện các hoạt động đầu tư vốn theo quy định của pháp luật;*
- d) Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Tối đa hóa các khoản lợi nhuận của Công ty;*
- b) Gia tăng lợi ích cho các cổ đông*
- c) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước;*
- d) Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty;*

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Cơ quan có thẩm quyền cấp và quy định của pháp luật có liên quan. ✍

2. Địa bàn hoạt động: Công ty được phép hoạt động trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật tại Giấy phép thành lập và hoạt động mà Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **515.574.170.000** đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **51.557.417** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi (***cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi khác***) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
- Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. ✕

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Mua lại cổ phần

Công ty thực hiện mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty tuân thủ các quy định tại điều 132, điều 133, điều 134 của Luật Doanh nghiệp.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- 1. Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị.
- 3. Ban kiểm soát.
- 4. Tổng giám đốc. ✕

Chương VI


CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp; 

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ này.

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 40% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề cử người để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê làm Tổng giám đốc Công ty.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút

một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được, quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; ✕

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong *

đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; ✕

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty; bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. ✖

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 18. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán

thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội. ✱

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. ✕

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.


6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; 

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và *văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung liên quan*:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty *được quy định tại Điều 11 Điều lệ này*;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) *Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát*;

g) *Bổ sung và sửa đổi Điều lệ*;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và *văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung liên quan*.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ✕

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. ✕

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký; ✍

d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. **Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thời điểm cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.**

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại ***khoản 2 Điều 12 Điều lệ này*** có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: *

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai thành viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến 50% được đề cử bốn thành viên; trên 50% được đề cử đủ số ứng viên theo quy định tại khoản 1 điều 27.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử viên không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại *khoản 3 Điều 12 Điều lệ này*, Hội đồng quản

trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, ***khoản 2 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm*** và Điều lệ này.

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. **Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ.**

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên “không điều hành”. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; ✓

- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% *vốn điều lệ của Công ty trở lên*, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh: ***Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý, kiểm soát khác do Hội đồng quản trị quy định***; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. ***Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát của Công ty do Hội đồng quản trị quy định***;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập ***đơn vị thành viên***, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của ***ủy ban*** trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- r) *Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý trong trường hợp này.* 

s) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

t) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường thiệt hại, bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm của Công ty;

v) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt; Các khoản đầu tư trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt nhưng có giá trị vượt quá 10% giá trị kế hoạch được phê duyệt;

w) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

x) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

y) Hội đồng quản trị công ty có quyền thành lập các bộ phận chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi của các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị công ty quy định.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, ***báo cáo của Hội đồng quản trị phải đảm bảo có các nội dung*** theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ***quy định của pháp luật liên quan và quy định nội bộ của Công ty.***

Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ ***trong Ban Tổng giám đốc, chức danh quản lý, kiểm soát khác*** hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường

của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. ✕

Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. **Hội đồng quản trị có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến.**

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày

dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định nội bộ của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại điều 158 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị ✕

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty và thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và của Hội đồng quản trị:

Chương VIII

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỨC DANH KHÁC ✱

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và *người quản lý, người kiểm soát khác* do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. *Thẩm quyền và trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động... người quản lý, người kiểm soát Công ty do Hội đồng quản trị quy định.*

Điều 35. Người quản lý, người kiểm soát của Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc *hoặc bộ phận chuyên môn được giao* và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng *người quản lý, người kiểm soát* khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định (*trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông*). *Người quản lý, người kiểm soát* của Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của *người quản lý, người kiểm soát* được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:

Trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và phân công, ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các công việc sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. ✕

- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Hàng năm, Tổng giám đốc phải xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của mục tiêu, định hướng phát triển công ty và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k) Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

m). Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên ✕

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến đến dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 50% được đề cử đủ số ứng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 38.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

3. Công ty thực hiện công bố thông tin về ứng viên Ban kiểm soát tương tự như đối với ứng viên thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 điều 26 Điều lệ này.

Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc

một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người *quản lý* khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. ✖

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. *Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 1 lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên (trong trường hợp không tổ chức các cuộc họp, Ban kiểm soát có thể thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Kiểm soát viên).* Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. *Kiểm soát viên được ký hợp đồng lao động với Công ty. Thảm quyền ký hợp đồng lao động với Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.*

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỨC DANH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác* có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và *người quản lý, người kiểm soát khác* phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. ✍

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác* và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và *người quản lý, người kiểm soát khác* có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác* và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác* và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác* đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 5% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác* đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và người có quan hệ gia đình của những người này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. ✓

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và *người quản lý, người kiểm soát khác* vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, *người quản lý, người kiểm soát khác*, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người *quản lý* khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ

khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương XII

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Tổ chức chính trị xã hội

1. Các tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty (Đoàn Thanh niên, Công đoàn...) hoạt động theo Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 47. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, tăng giảm lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. ***Phạm vi, đối tượng, lĩnh vực liên quan đến các nội dung này do Hội đồng quản trị Công ty quy định.***

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Chương XIII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. ✕

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Lợi nhuận sau thuế của Công ty hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);

b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;

c) Trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty (tối đa 30%);

d) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật.

e) Lợi nhuận còn lại thực hiện phân phối cho cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ trên lợi nhuận sau thuế theo các quy định của pháp luật.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. ✕

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, báo cáo thường niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. ✍

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII

DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 56. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, đơn vị thành viên, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, *Người đại diện theo pháp luật*, Tổng giám đốc và *người được Người đại diện theo pháp luật phân công, ủy quyền được* sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.
3. *Điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.*

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về *việc thông qua chủ trương đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép* gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị. ✕

2. Chủ trương về gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty được thông qua khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người *quản lý* khác; Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu *Ban kiểm soát* chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp. ✍

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Chương XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng *vấn đề đó chưa được quy định trong Điều lệ này* hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới *ban hành dẫn đến có nội dung trong Điều lệ này bị trái với quy định của pháp luật* thì áp dụng những quy định pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XXI

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. *Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ban hành theo Nghị quyết số 66/2014/NQ-ABIC-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2014 của Đại hội đồng cổ đông.*
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP ✖
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHỤ LỤC 01: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
(là một phần không thể tách rời của Điều lệ Công ty năm 2023)

Số TT	Tên cổ đông sáng lập	Số vốn góp	Cổ phần tương ứng	Tỷ lệ trên vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (trên cổ phần lưu hành)
1	<p>Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội - Thành lập theo Quyết định số: 214/QĐ-NHNN ngày 30/01/2011 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước - Ngành, nghề kinh doanh: kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. 	266.760.000.000	26.676.000	51,74%	52,93%
2	<p>Tổng Công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: Số 141 Lê Duẩn, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội - Thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động của Bộ trưởng Bộ Tài chính số: 28/GP/KDBH ngày 15/11/2004. - Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh Tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật. 	43.776.000.000	4.377.600	8,49%	8,69%
	Tổng số: 2 cổ đông sáng lập	310.536.000.000	31.053.600	60,23%	61,62%

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
Chương I.....	1
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Chương II.....	2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đơn vị thành viên, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
Chương III.....	4
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	4
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty.....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	4
Chương IV.....	5
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Mua lại cổ phần.....	6
Chương V.....	6
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
Chương VI.....	7
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông.....	9
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 18. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông....	14
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	18
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Chương VII.....	22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	23
Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị.....	28
Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty.....	29
Chương VIII.....	29
TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỨC DANH KHÁC	
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 35. Người quản lý, người kiểm soát Công ty.....	30
Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	30
Chương IX.....	31
BAN KIỂM SOÁT.....	31
Điều 37. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên	31
Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát.....	32
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	33
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	34
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên.....	34

Chương X.....	34
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
Chương XI.....	36
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	36
Chương XII.....	37
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
Điều 46. Tổ chức chính trị xã hội.....	37
Điều 47. Công nhân viên và công đoàn.....	37
Chương XIII.....	37
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	37
Điều 48. Phân phối lợi nhuận.....	37
Chương XIV.....	38
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	38
Điều 49. Tài khoản ngân hàng.....	38
Điều 50. Quỹ dự trữ bắt buộc.....	38
Điều 51. Năm tài chính.....	38
Điều 52. Chế độ kế toán.....	39
Chương XV.....	39
BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	39
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	39
Điều 54. Báo cáo thường niên.....	39
Chương XVI.....	39
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
Điều 55. Kiểm toán.....	39
Chương XVII.....	40
DẤU CỦA CÔNG TY.....	40
Điều 56. Dấu của Công ty.....	40
Chương XVIII.....	40

*

GIẢI THỂ CÔNG TY.....	40
Điều 57. Giải thể Công ty.....	40
Điều 58. Gia hạn hoạt động.....	40
Điều 59. Thanh lý.....	41
Chương XIX.....	41
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	41
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	41
Chương XX.....	42
BỘ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 61. Điều lệ Công ty.....	42
Chương XXI.....	42
NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 62. Ngày hiệu lực.....	42

✍

THƯ KÝ CÔNG TY

THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ ABIC 2023

Thuyết minh sửa đổi Điều lệ ABIC 2023:

Nội dung, kết cấu, thứ tự các Chương, điều của Điều lệ Mẫu (tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính) được sử dụng để xây dựng dự thảo Điều lệ ABIC 2023.

- 1. Nội dung theo Điều lệ Mẫu: in chữ đúng
- 2. Nội dung sửa đổi, bổ sung theo luật KDBH 2022 (ưu tiên trước) và luật DN 2020 (Điều lệ Mẫu không quy định/hoặc có quy định nhưng được sửa đổi, bổ sung): *in nghiêng, nét đậm*
- 3. Nội dung được kế thừa từ Điều lệ ABIC 2014: *in nghiêng, gạch chéo*. Nội dung được kế thừa từ Điều lệ 2014 và có sửa đổi: *in nghiêng, nét đậm, gạch chéo*.

Số TT	Nội dung quy định của Điều lệ ABIC 2014	Nội dung quy định Dự thảo Điều lệ ABIC 2023	Căn cứ pháp lý thực tiễn
1	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được các cổ đông của Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp sửa đổi, bổ sung và được thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức chính thức vào ngày 21 tháng 06 năm 2014 tại Hà Nội.	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số ... /NQ-ABIC-DHBCD ngày ... tháng ... năm 2023 tại Hà Nội.	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
2	CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	Chương I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
3	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

<p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.</p> <p>c. "Luật Kinh doanh bảo hiểm" có nghĩa là Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>d. "Công ty" là Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.</p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.</p> <p>f. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p> <p>g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.</p> <p>i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p>	<p>a) <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) <i>Vốn có quyền biểu quyết</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung;</p> <p>d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung;</p> <p>đ) <i>Luật Kinh doanh bảo hiểm</i> là Luật số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022 và các văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung;</p> <p>e) <i>Công ty</i> là Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.</p> <p>g) <i>Đơn vị thành viên</i> là chi nhánh trực thuộc Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.</p> <p>h) <i>Ngày thành lập Công ty</i> là ngày Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan có thẩm quyền</p>	<p>Điểm e, g, h khoản 1: Bổ sung thêm, chỉnh sửa khái niệm.</p>
--	--	---

<p>3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;</p> <p>4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này</p>	<p>cấp; Ngày truyền thống của Công ty là ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động;</p> <p>1) Người quản lý của Công ty bao gồm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty từng thời kỳ;</p> <p>k) Người kiểm soát của Công ty bao gồm các chức danh: Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát), Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ, Chuyên gia tình toán và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị quy định;</p> <p>l) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>m) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;</p> <p>o) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;</p> <p>p) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p>	<p>Điều i, k; chỉnh sửa, bổ sung theo quy định tại khoản 1, khoản 3 điều 80 Luật KDBH năm 2022 và có sửa đổi.</p>
---	--	---

		<p>q) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;</p> <p>r) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;</p> <p>s) Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.</p> <p>2. Các từ hoặc thuật ngữ khác không được định nghĩa trong Điều lệ này đã được giải thích trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	<p>Bổ sung thêm nội dung điểm s khoản 1: Khái niệm “Người có quan hệ gia đình” theo quy định tại khoản 22 điều 4 Luật DN 2020.</p> <p>Sửa đổi nội dung khoản 2 cho phù hợp với nội dung giải thích từ ngữ tại khoản 1.</p>
4	CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	<p>Chương II</p> <p>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

*

<p>5</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>1. Tên Công ty</p> <p>a. Tên tiếng Việt:</p> <p>CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP</p> <p>b. Tên tiếng Anh: Agriculture Bank Insurance Joint - stock Corporation</p> <p>c. Tên giao dịch: Bảo hiểm Agribank</p> <p>d. Tên viết tắt: ABIC</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>a. Trụ sở chính</p> <p>- Địa chỉ: Tầng 6 Toà nhà 29T1 - Hoàng Đạo Thuý - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội</p> <p>- Điện thoại: 04. 62990055</p> <p>- Fax: 04.62580055</p> <p>- E-mail: baohiemagribank@abic.com.vn</p> <p>- Website: abic.com.vn</p> <p>b. Các chi nhánh, văn phòng đại diện, trung tâm..., theo Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép điều chỉnh của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh, công ty trực thuộc, trung tâm và văn phòng đại diện tại</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, đơn vị thành viên, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <p>a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP</p> <p>b) Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Agriculture Bank Insurance Joint - stock Corporation</p> <p>c) Tên giao dịch: Bảo hiểm Agribank</p> <p>d) Tên Công ty viết tắt: ABIC</p> <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <p>a) Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 6 Toà nhà 29T1 - Hoàng Đạo Thuý - Trung Hoà - Cầu Giấy - Hà Nội</p> <p>b) Điện thoại: 024. 62990055</p> <p>c) Fax: 024.62580055</p> <p>d) E-mail: baohiemagribank@abic.com.vn</p> <p>e) Website: abic.com.vn</p> <p>4. Mạng lưới</p> <p>a) Công ty có thể thành lập <i>Đơn vị thành viên</i>, Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p>	<p>Thay cụm từ <i>Chi nhánh bằng cụm từ Đơn vị thành viên</i> (đã giải thích tại điểm g khoản điều 1)</p> <p>Thay cụm từ <i>Chi nhánh bằng cụm từ Đơn vị thành viên</i> (đã giải thích tại điểm g khoản điều 1)</p> <p>Khoản 4: Kêu cầu lại và điểm a thay cụm từ <i>Chi nhánh bằng cụm từ Đơn vị thành viên</i> (đã giải thích</p>
---	---	--	---

	<p>địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 53.2 và Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là 99 năm.</p>	<p>b) Đơn vị thành viên, Văn phòng đại diện là những đơn vị trực thuộc Công ty và Công ty chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của Đơn vị thành viên và Văn phòng đại diện.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty theo thời hạn ghi nhận trong giấy phép thành lập và hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp.</p>	<p>tại điểm g khoản điều 1)</p> <p>Bổ sung nội dung điểm b để làm rõ hơn trách nhiệm của Công ty-</p> <p>Sửa đổi thời hạn hoạt động theo giấy phép được cấp.</p>
6	<p>Không có điều khoản riêng về Người đại diện theo pháp luật, mà được quy định tại khoản 4 điều 2 nêu trên.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo pháp luật có thể phân công, ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án, đại diện cho Công ty ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động của Công ty và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật.</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</p>	<p>Bổ sung nội dung điều 3 vào Điều lệ ABIC 2023, nội dung phù hợp quy định tại điều 12 và điều 13 Luật DN 2020.</p> <p>Luật DN 2020 cho phép Công ty có nhiều Người đại diện theo pháp luật, ABIC đề xuất Người đại diện theo pháp luật của ABIC là Chủ tịch HĐQT.</p>

	<p>b) <i>Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p>c) <i>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p>3. <i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều này.</i></p> <p>4. <i>Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</i></p> <p><i>Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo ủy quyền đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Công ty hoặc đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử</i></p>	

		<p>người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>5. Trong một số trường hợp, Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.</p>	
7	CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	<p>Chương III</p> <p>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>	
8	<p>Điều 3. Mục tiêu, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p>	<p>Điều 4. Ngành nghề kinh doanh, mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. <u>Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:</u></p>	Kế thừa nội dung của Điều lệ 2014.

	<p>a. Kinh doanh bảo hiểm gốc phi nhân thọ; b. Kinh doanh nhân và nhượng tái bảo hiểm trong và ngoài nước; c. Thực hiện các hoạt động đầu tư vốn theo quy định của pháp luật; d. Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: a. Tối đa hóa các khoản lợi nhuận của Công ty; b. Gia tăng lợi ích cho các cổ đông; c. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước; d. Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty.</p>	<p><u>a) Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe;</u> <u>b) Kinh doanh nhân và nhượng tái bảo hiểm trong và ngoài nước;</u> <u>c) Thực hiện các hoạt động đầu tư vốn theo quy định của pháp luật.</u> <u>d) Kinh doanh các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật cho phép và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.</u></p> <p><u>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</u> <u>a) Tối đa hóa các khoản lợi nhuận của Công ty;</u> <u>b) Gia tăng lợi ích cho các cổ đông</u> <u>c) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước;</u> <u>d) Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty;</u></p>	<p>Bổ sung cụm từ: <i>Ngành nghề kinh doanh</i> vào tiêu đề điều 4. Điểm a khoản 1: Chính sửa bổ sung theo quy định mới của Luật KDBH 2022.</p>
9	<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động, các Giấy phép điều chỉnh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo Giấy phép thành lập và hoạt động do Cơ quan có thẩm quyền cấp và quy định của pháp luật có liên quan. 2. Địa bàn hoạt động: Công ty được phép hoạt động trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật và Giấy phép thành lập và hoạt động mà Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp.</p>	<p>Sửa đổi nội dung của Điều lệ Mẫu tại TT 116 Kế thừa nội dung của Điều lệ 2014 và có sửa đổi.</p>

	3. Địa bàn hoạt động: Công ty được phép hoạt động trong và ngoài nước theo các quy định của pháp luật.		
10	CHƯƠNG IV: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY Điều 5: Quyền hạn của Công ty Điều 6: Nghĩa vụ của Công ty	Điều lệ Mẫu không quy định nội dung này, quyền hạn và nghĩa vụ của Doanh nghiệp được quy định tại điều 7, điều 8 của Luật doanh nghiệp 2020.	ABIC để xuất không quy định nội dung này trong Điều lệ ABIC 2023
11	CHƯƠNG V: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
12	Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty là 380.000.000.000 VND (Ba trăm tám mươi tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 38.000.000 (Ba mươi tám triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) VND. 2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Toàn bộ số cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 13. 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật. 5. Cổ đông sáng lập của Công ty: Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 515.574.170.000 đồng (Năm trăm mười lăm tỷ, năm trăm bảy mươi tư triệu, một trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn) Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 51.557.417 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. 2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này. 4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi (cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 Khoản 1: Cập nhật Vốn điều lệ sau khi ABIC tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 2020 và 2021.

<p>được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí</p>	<p><i>ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi khác</i>) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p> <p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 4: Bổ sung một số loại cổ phần ưu đãi.</p>
--	--	---

	thông qua bảng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		
13	<p>Điều 8. Chứng chỉ cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 8.</p> <p>2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ để nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.</p> <p>4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh,</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ để nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p>	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	<p>chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhân số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p> <p>5. Trường hợp chứng chỉ có phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ có phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>6. Người sở hữu chứng chỉ có phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.</p>	<p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
14	Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo	Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.		
15	<p>Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Vào thời điểm Điều lệ này được thông qua, tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo quy định của Luật doanh nghiệp. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p> <p>3. Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán của Công ty, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập có thể chuyển nhượng nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó. Sau 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động, các hạn chế này đều được bãi bỏ.</p> <p>4. Cổ đông pháp nhân hoặc thể nhân có đại diện làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát Công ty khi chuyển nhượng cổ phần của</p>	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đang ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	<p>mình phải thực hiện nguyên tắc nắm giữ theo tỉ lệ tối thiểu đã đề cử, ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát (theo qui định tại khoản 3 Điều 27 và khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này).</p>		
16	<p>Điều 11. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất tiền khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tài sản phối hoặc giải quyết cho</p>	<p>Điều 10. Mua lại cổ phần</p> <p><i>Công ty thực hiện mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty tuân thủ các quy định tại điều 132, điều 133, điều 134 của Luật Doanh nghiệp.</i></p>	<p>Bổ quy định về thu hồi cổ phần (do ABIC đã hoạt động được nhiều năm)</p> <p>Bổ sung nội dung mua lại cổ phần và dẫn chiếu theo quy định tại Luật DN (do đây là hoạt động không thường xuyên nên khi xảy ra thì có thể tham chiếu quy định của luật DN)</p>

	<p>người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.</p>		
17	CHƯƠNG VI: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
18	<p>Điều 12. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty bao gồm:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Ban kiểm soát;</p> <p>4. Tổng Giám đốc điều hành.</p>	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát Công ty bao gồm:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát.</p> <p>4. Tổng giám đốc.</p>	<p>ABIC lựa chọn mô hình theo điểm a khoản 1 điều 137 Luật DN 2020 (không có Ủy ban kiểm toán) và có chỉnh sửa</p>

19	CHƯƠNG VII: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
20	<p>Điều 13. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.</p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ này, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</p> <p>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p>	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

<p>cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 27 và khoản 2 Điều 38;</p> <p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch,</p>	<p>g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	
--	--	--

<p>số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại điều lệ này</p> <p>4. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 40% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền đề cử Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị và đề cử Tổng Giám đốc điều hành Công ty.</p>	<p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p></p>
--	---	---------

		<p><u>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 26 và đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ này.</u></p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p> <p><u>4. Cổ đông là tổ chức sở hữu từ 40% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và đề cử người để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê làm Tổng giám đốc Công ty.</u></p>	<p>Khoản 3: Kề thừa nội dung của Điều lệ ABIC 2014</p>
21	<p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông của Công ty có nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;</p> <p>3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;</p> <p>4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p>6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p>	
--	---	--

✗

		<p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ này.</p> <p>7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a) Vi phạm pháp luật;</p> <p>b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.</p> <p>8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
22	<p>Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>1. Công ty phải lập sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Nội dung của sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định của khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu</p>	<p>Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Điều lệ Mẫu không quy định nội dung này</p> <p>ABIC đề xuất bổ sung quy định Sổ đăng ký cổ đông vào Điều lệ 2023, nội dung phù hợp với</p>

<p>Ký chứng khoán, Sơ giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.</p>	<p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được, quyền chào bán của từng loại; c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần. 3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông. 4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.</p>	<p>quy định tại điều 122 luật DN 2020.</p>
---	---	--

	<p>5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.</p>	
<p>23</p> <p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu tháng (06) hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít</p>	<p>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ tương tự, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu tên có</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

*

<p>hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c Khoản 3 Điều 16 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, điểm e khoản 3 Điều 16.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 thì trong thời hạn ba</p>	<p>trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <i>khoản 2 Điều 12 Điều lệ này</i>; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy</p>	<p>Khoản 3 tiết c sửa đổi tham chiếu khoản 2 điều 115 Luật DN thành khoản 2 điều 12 Điều lệ này.</p>
--	--	--

	<p>mười (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 16 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 16 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;</p> <p>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
24	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p>	<p>Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyên gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
---	--	--

<p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p> <p>3. Có đồng không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó từ trường</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p>	
---	---	--

<p>hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khuyết lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
---	---	--

<p>25</p> <p>Điều 18. Các đại diện được ủy quyền</p>	<p>Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao</p>		

	<p>hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>4. Từ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>c) Người uỷ quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
26	<p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần</p>	<p>Điều 18. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 Điều lệ này.</p> <p>3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.</p>	<p>thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công</p>	
--	--	--

8

		ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
27	<p>Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 hoặc điểm c khoản 4 Điều 16. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm 	<p>Điều 19. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; 	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

<p>thư). Chương trình hợp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo hợp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 20 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>d. Các trường hợp khác</p>	<p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>
--	---

<p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình hợp.</p> <p>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</p>	
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, từ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	

28	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết. 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn. 4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Điều lệ này. 	<p>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên. 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. 	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
----	---	--	--

29	<p>Điều 22. Thẻ thực tiễn hành hợp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết</p>	<p>Điều 21. Thẻ thực tiễn hành hợp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
----	--	---	--

<p>đã tiến hành trước khi có đồng đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</p> <p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phần quyết cao nhất.</p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng: (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi</p>	<p>tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p> <p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương</p>	
--	---	--

<p>thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</p> <p>Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p> <p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
<p>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 22, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</p>	<p>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	
<p>8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p>	<p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
<p>9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về</p>		

<p>kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p> <p>10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p>	<p>7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;</p> <p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho</p>	
---	--	--

	<p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p> <p>12. Trong Điều lệ này (từ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p> <p>10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
30	<p>Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 23, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sắp</p>	<p>Điều 22. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung liên quan:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty được quy định tại Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 và có bổ sung.</p> <p>Điểm c: bổ sung thêm nội dung để làm rõ hơn.</p>

	<p>nhập, tài tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
31	<p>Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định.	<p>d) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) <i>Số tương thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p>g) <i>Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.</i></p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và văn bản pháp luật thay thế, sửa đổi, bổ sung liên quan.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>
	<p>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none">Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.	<p>Bổ sung nội dung điểm e, g do sự cần thiết phải được 65% tổng số phiếu tán thành đối với nội dung này.</p>
	<p>Thay thể nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>	

<p>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ hiện tại, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--

6

<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đầu không hợp lệ;</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p>	<p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được gửi bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ</p>	
--	--	--

<p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên website của công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
--	--	--

*

		8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
32	<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Điều 106 Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chít ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 24. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và</p>	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	<p>không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên Trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi thời điểm cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</u></p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của</p>	<p>Khoản 2: Kế thừa nội dung về công bố thông tin của Điều lệ 2014 vào cuối khoản 2 và có sửa đổi.</p>
--	--	--

		<p>cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết.</p>	<p>Khoản 5: Bổ sung nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 152 Luật DN 2020.</p>
33	<p>Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tố chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự,</p>	<p>Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <i>Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này</i> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, từ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này. b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 và có sửa đổi về kết cấu.</p> <p>Khoản 1 sửa đổi tham chiếu khoản 2 điều 115 Luật DN thành khoản 2 điều 12 Điều lệ này.</p>

	thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.		2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Khoản 2: Bổ sung thêm nội dung theo quy định tại khoản 3 điều 152 luật DN 2020:
34	CHƯƠNG VIII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116	
35	Điều lệ ABIC 2014 không quy định thành 1 điều riêng, nội dung này quy định trong Điều 27: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn;	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116	

	<p>c) Quá trình công tác;</p> <p>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p><u>2. Có đồng hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định sau: Có đồng hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai thành viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến 50% được đề cử bốn thành viên; trên 50% được đề cử đủ số ứng viên theo quy định tại khoản 1 điều 27.</u></p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại <i>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</i>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội</p>	<p>Khoản 2: Kế thừa nội dung của Điều lệ ABIC 2014. Thay cụm từ <i>đến dưới 51%</i> thành cụm từ <i>đến 50%</i> và thay cụm từ <i>nếu từ 51% trở lên thành cụm từ trên 50%</i>.</p> <p>Khoản 3 sửa đổi tham chiếu khoản 5 điều 115 Luật DN thành khoản 3 điều 12 Điều lệ này.</p>
--	---	---

		<p>đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, <i>khoản 2 Điều 81 Luật Kinh doanh bảo hiểm</i> và Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 4: Bổ sung thêm tiêu chuẩn do luật KDBH 2022 quy định.</p>
36	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo</p>	<p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ.</u></p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên “không điều hành”. Công ty hạn chế tối đa thành</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Khoản 1: Kề thừa nội dung Điều lệ 2014 và có sửa đổi</p>

<p>quy định của Luật Doanh nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm;</p> <p>b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.</p> <p>c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, có hiểu biết luật pháp.</p> <p>d. Trường hợp là công dân nước ngoài, ngoài các tiêu chuẩn trên đây còn phải có khả năng nói và viết tiếng Việt thành thạo.</p> <p>3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai thành viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến dưới 51% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 51% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị</p>	<p>viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p>	
--	---	--

<p>đương nhiệm để cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến Hội đồng quản trị tại trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Khi thành viên Hội đồng quản trị không được cổ đông là tổ chức cử làm đại diện cho phần vốn góp nữa thì đương nhiên bị mất tư cách là thành viên HĐQT của Công ty.</p>		
---	--	--

<p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bỏ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p> <p>7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.</p>		
<p>37</p> <p>Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn của Công ty; quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, thưởng và hình thức xử lý kỷ luật đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng</p>	<p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% <i>vốn điều lệ của Công ty</i> trở lên, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quyết định tiền lương,</p>	<p>Điểm h: Thay cụm từ “<i>tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</i>” bằng cụm từ “<i>vốn điều lệ của Công ty</i>”.</p> <p>Điểm i: Bổ sung thêm các đối tượng so với quy định của</p>
---	---	--

<p>quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bổ nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và Xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>l. Quyết định bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trong trường hợp một bên ký kết của hợp đồng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 35% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan (như được định nghĩa tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp) của bất cứ người nào vừa nêu. Thành viên Hội đồng quản trị là một bên ký kết của hợp đồng, hoặc thành viên</p>	<p>thủ lao, thương và lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý, Kiểm soát khác do Hội đồng quản trị quy định; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát của Công ty do Hội đồng quản trị quy định;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập đơn vị thành viên, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p>	<p>Điều lệ Mẫu (các chức danh theo quy định tại Luật KIDBH năm 2022 - điều 1 giải thích từ ngữ đã đề cập)</p> <p>Điểm l: Thay thế cụm từ chi nhánh bằng cụm từ đơn vị thành viên (đã được giải thích tại điều 1)</p>
--	---	--

<p>Hội đồng quản trị có người có liên quan là một bên ký kết hợp đồng, sẽ không có quyền biểu quyết;</p> <p>n. Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư trong thẩm quyền được phê duyệt;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>q. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện, trung tâm của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);</p>	<p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của <i>ủy ban</i> trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>r) <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý trong trường hợp này;</u></p> <p>s) <u>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u></p> <p>t) <u>Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường thiệt hại, bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm của Công ty;</u></p> <p>v) <u>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt, Các khoản đầu tư trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt nhưng có giá trị vượt quá 10% giá trị kế hoạch được phê duyệt;</u></p> <p>w) <u>Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</u></p> <p>x) <u>Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</u></p>	<p>Khoản q: Điều lệ mẫu sử dụng cụm từ tiểu ban, ABIC để xuất thay bằng cụm từ ủy ban.</p> <p>Điểm r, s, t, v, w, x, y: kể từ quy định của Điều lệ 2014 và có chỉnh sửa.</p>
--	--	--

<p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường (trừ hoạt động bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm) của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám</p>	<p><u>v) Hội đồng quản trị công ty có quyền thành lập các bộ phận chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi của các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị công ty quy định.</u></p> <p>z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo của <i>Hội đồng quản trị phải đảm bảo có các nội dung</i> theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật liên quan và quy định nội bộ của Công ty.</p>	<p>Khoản 3: Bổ sung cụm từ để làm rõ hơn.</p>
---	---	---

<p>độc điều hành và nhưng cần bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>		
<p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>		
<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.</p>		
<p>8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>		
<p>9.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc</p>	

	<p>thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>11. Hội đồng quản trị công ty có quyền thành lập các Ban/Bộ phận chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi của các Ban/Bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị công ty quy định</p>		
38	<p>Không quy định thành 1 điều riêng, được quy định tại khoản 7.8.9.10 điều 28: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

	<p>trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ <i>trong Ban Tổng giám đốc, chức danh quản lý, kiểm soát khác</i> hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 4: Bổ sung để làm rõ nội hàm về Thành viên HĐQT tham gia hoạt động điều hành.</p>

		6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.	
39	<p>Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch (trường hợp cần thiết có thể có một Phó Chủ tịch). Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị, giám sát việc tổ chức thực hiện các quyết định này;</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội</p>	<p>Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	<p>đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>c) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
40	<p>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành</p>	<p>Điều 31. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó.</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>


<p>trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này phải bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p> <p>2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.</p> <p>3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đòi tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý cấp Trưởng phòng Công ty hoặc tương đương;</p> <p>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Đa số thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 30 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi nhận được đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p>Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. <i>Hội đồng quản trị có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến.</i></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có</p>	<p>Khoản 2: Bổ sung thêm quy định về hình thức họp để phù hợp với thực tế.</p>
--	--	--

<p>không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 30 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p> <p>7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải</p>	<p>quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	
---	--	--

<p>8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Biểu quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b Khoản 9 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định nội bộ của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu</p>	<p>Điểm d. Bổ sung thêm cụm từ để làm rõ hơn.</p> <p>Khoản 12: Nội dung theo Điều lệ mẫu được sửa đổi</p>
--	---	---

<p>c. Theo quy định tại điểm d Khoản 9 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 36 và điểm b khoản 4 Điều 36 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích</p>	<p>quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p><u>13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</u></p> <p><u>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 158 của Luật Doanh nghiệp.</u></p>	<p>Khoản 13: Kề thừa nội dung của Điều lệ ABIC 2014.</p> <p>Khoản 14: Bổ sung quy định về biên bản họp HĐQT</p>
---	---	---

<p>liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.</p> <p>12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Nghệ từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng</p>	
---	--

<p>quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>		
<p>13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>		
<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>		

	<p>15. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiêu ban trực thuộc. Thành viên của tiêu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiêu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiêu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiêu ban nhưng: (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiêu ban và (b) nghị quyết của các tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiêu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>		
41	<p>Điều lệ ABIC 2014 không quy định thành 1 điều riêng, nội dung được quy định tại khoản 15 điều 30</p>	<p>Điều 32. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập <i>ủy ban</i> trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương</p>	

		<p>thường, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Điều lệ mẫu sử dụng cụm từ tiểu ban, ABIC đề xuất thay bằng cụm từ ủy ban.</p>
42	<p>Điều lệ ABIC 2014 không có quy định về Người phụ trách quản trị công ty</p>	<p>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty và thư ký công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116.</p>

		<p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và của Hội đồng quản trị:</p>	<p>Khoản 4: bổ sung nội dung về thư ký công ty, đây là chức danh không bắt buộc nên Điều lệ không đề cập chi tiết về quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty.</p>
43	CHƯƠNG IX: TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	<p>Chương VIII</p> <p>TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỨC DANH KHÁC</p>	<p>Bổ sung tiêu đề cho phù hợp với kết cấu các Điều trong Chương này</p>

*

44	<p>Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.</p>	<p>Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. <i>Thẩm quyền và trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động... người quản lý, người kiểm soát Công ty do Hội đồng quản trị quy định.</i></p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 và có sửa đổi bổ sung theo khái niệm người quản lý, người kiểm soát được giải thích tại điều 1 Điều lệ này (theo Luật KDBH 2022).</p> <p>Bổ sung thêm nội dung về thẩm quyền để làm rõ hơn.</p>
45	<p>Điều 32. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau</p>	<p>Điều 35. Người quản lý, người kiểm soát của Công ty</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc hoặc bộ phận chuyên môn được giao và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <i>người quản lý, người kiểm soát</i> khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định (<i>trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</i>). <i>Người quản lý, người kiểm soát</i> của Công ty phải có trách nhiệm đề hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Khoản 1, khoản 3: sửa đổi bổ sung theo khái niệm người quản lý, người kiểm soát được giải thích tại điều 1 Điều lệ này (theo Luật KDBH 2022).</p>

<p>khí tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.</p>	<p>2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>3. Tiền lương của <i>người quản lý, người kiểm soát</i> được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p>46</p> <p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành</p> <p>1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba (03) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p>	<p>Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. <i>Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:</i></p> <p><i>Trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và phân công, ủy quyền của Người đại diện</i></p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Khóa 4: Bổ sung nội dung cho phù hợp với bối cảnh Người đại diện theo</p>

<p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế, quy định, quy trình của Công ty và theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động;</p> <p>e. Vào ngày 31/10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu</p>	<p><i>theo pháp luật, Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các công việc sau:</i></p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyển dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i) <u>Hàng năm, Tổng giám đốc phải xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của mục tiêu, định hướng phát triển công ty và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm (05) năm;</u></p>	<p>pháp luật của ABIC là Chủ tịch HĐQT.</p> <p>Điểm i, k, l: kế thừa nội dung của Điều lệ ABIC 2014 và có sửa đổi.</p>
---	--	--

<p>cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.</p> <p>f. Để xuất những biện pháp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải được trình để Hội đồng quản trị quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.</p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu</p>	<p>k) <u>Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u></p> <p>l) <u>Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;</u></p> <p>m). <u>Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</u></p> <p>o) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</u></p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu</p>	<p>Điểm m: bổ sung nội dung theo khoản 4 Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
---	---	---

	quyết tán thành và bỏ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.	quyết dự hợp tán thành và bỏ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.	
47	<p>Điều 34: Thư ký công ty</p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bỏ nhiệm một hay nhiều trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; 2. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; 3. Tham dự các cuộc họp; 4. Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp; 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>Điều lệ Mẫu không có điều khoản riêng quy định về Thư ký công ty, Thư ký công ty được quy định tại khoản 5 điều 156 Luật DN 2020.</p>	<p>ABIC đề xuất không quy định Thư ký công ty thành 1 điều riêng của Điều lệ 2023 mà được quy định tại khoản 4 Điều 33.</p>
48	<p>CHƯƠNG XI: BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Chương IX BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

*

49	Điều lệ ABIC 2014 không quy định thành điều riêng, nội dung về ứng cử, đề cử BKS được quy định tại điều 38 dưới đây.	Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau: <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến đến dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử mới (01) ứng viên; từ 10% đến 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 50% được đề cử đủ số ứng viên theo quy định tại khoản 1 Điều 38.</u> 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật. 3. Công ty thực hiện công bố thông tin về ứng viên Ban kiểm soát tương tự như đối với ứng viên thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 điều 26 Điều lệ này.	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 Khoản 1: Kế thừa nội dung của Điều lệ 2014: Thay cụm từ đến dưới 50% thành cụm từ đến 50% và cụm từ từ 50% trở lên thành cụm từ trên 50%
50	Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty là ba (03) thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát	Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:	Khoản 3: Bổ sung thêm nội dung so với Điều lệ mẫu. Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

<p>phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. <p>2. Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến đến dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát mới được bầu tiếp quản công việc.</p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:</p> <ol style="list-style-type: none"> Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập 	<ol style="list-style-type: none"> Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liên trước đó. <p>3. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này; Có đơn từ chức và được chấp thuận; Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; Vì phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 	
---	---	--

	<p>và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.</p> <p>c. Không giữ các chức vụ quản lý công ty, có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm và am hiểu về lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>d. Là cổ đông hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân;</p> <p>e. Trường hợp là người nước ngoài thì phải có khả năng nói và viết tiếng Việt thành thạo;</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó</p>	
--	---	--

	<p>vắng mặt và để phần quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
51	<p>Điều lệ ABIC 2014 không quy định thành điều riêng, nội dung về Trưởng Ban kiểm soát được quy định tại khoản 1 điều 38 nêu trên.</p>	<p>Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người <i>quản lý</i> khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
52	<p>Điều 39. Ban kiểm soát</p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123, điều 124 của Luật Doanh</p>	<p>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>nghiep và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Dề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý; Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty; Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý. <p>2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp</p>	<ol style="list-style-type: none"> Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. Tương hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người <i>quản lý</i> khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
--	--

<p>tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.</p> <p>4. Quyền lợi của Ban kiểm soát:</p> <p>a. Các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị. Mức thù lao cho từng thành viên Ban kiểm soát sẽ do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.</p> <p>Trưởng hợp Công ty có Trưởng Ban kiểm soát chuyển trách nhiệm Hội đồng quản trị sẽ quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác của Trưởng Ban kiểm soát chuyển trách.</p> <p>b. Các thành viên Ban kiểm soát được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, lưu trú và các khoản chi phí cần thiết, hợp lý khác mà họ đã phải</p>	<p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
---	--	--

	<p>chỉ trả khi thực hiện nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát. Kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Mọi chi phí hoạt động cần thiết, hợp lý của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh của công ty.</p>		
53	<p>Điều lệ ABIC 2014 không quy định cuộc họp BKS thành điều riêng, nội dung về cuộc họp của Ban kiểm soát được quy định tại khoản 3 điều 39 nêu trên.</p>	<p>Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 1 lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên (trong trường hợp không tổ chức các cuộc họp, Ban kiểm soát có thể thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Kiểm soát viên). Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 và có chỉnh sửa.</p>
54	<p>Điều lệ ABIC 2014 không quy định thành điều riêng, nội dung về quyền lợi của Ban kiểm soát được quy định tại khoản 4 điều 39 nêu trên.</p>	<p>Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên</p> <p>1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương,</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

		<p>thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p> <p>4. Kiểm soát viên được ký hợp đồng lao động với Công ty. <i>Thẩm quyền ký hợp đồng lao động với Kiểm soát viên, Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.</i></p>	<p>Khoản 4: Bổ sung thêm nội dung so với Điều lệ mẫu theo TT 116.</p>
55	<p>CHƯƠNG X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</p> <p>Điều 35. Trách nhiệm cần trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của</p>	<p>Chương X</p> <p>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỨC DANH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề, thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Sửa đổi bỏ sung theo khái niệm người quản lý, người kiểm soát được giải thích tại</p>

	<p>minh, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần trọng mà một người thân trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>với tư cách thành viên các ủy ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	<p>điều 1 Điều lệ này (theo Luật KDBH 2022).</p>
57	<p>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. 3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải 	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Bổ sung thêm chức danh người quản lý, người kiểm soát theo quy định về giải thích từ ngữ tại điều 1 (theo Luật KDBH 2022)</p>

<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản</p>	<p>thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p>	
--	--	--

	<p>lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
58	<p>Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cần trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Bồi thường: Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao</p>	<p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 5% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>7. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> và người có quan hệ gia đình của những người này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p>	
	<p>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cần trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại,</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Bổ sung thêm chức danh người quản lý, người kiểm soát theo quy định về giải thích từ ngữ tại</p>	

<p>gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vi lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (tức các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vi lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp</p>	<p>kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, <i>người quản lý, người kiểm soát khác</i>, nhân viên hoặc đại diện được Công ty uỷ quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo uỷ quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vi lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	<p>điều 1 (theo Luật KDBH 2022)</p>
---	---	-------------------------------------

	lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.		
59	CHƯƠNG XII: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Chương XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
60	Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông để cấp trong khoản 3 Điều 27 và khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra đó phải luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép điều chỉnh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản,	Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác; trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. 2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	<p>biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p> <p>4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	<p>mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người <i>quan lý</i> khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	
61	CHƯƠNG XIII: TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ CÔNG NHÂN VIÊN	Chương XII	Kê thừa nội dung của Điều lệ ABIC 2014 và theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
62	Điều 41. Tổ chức chính trị xã hội	Điều 46. Tổ chức chính trị xã hội	

	<p>1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Công ty hoạt động theo Điều lệ này và phù hợp với qui định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức qui định tại khoản 1 Điều này</p>	<p><u>1. Các tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty (Đoàn Thanh niên, Công đoàn...) hoạt động theo Điều lệ này và phù hợp với qui định của pháp luật.</u></p> <p><u>2 Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.</u></p>	<p>Điều 46: Kế thừa nội dung của Điều lệ ABIC 2014 và có chỉnh sửa.</p>
63	<p>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thời việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 47. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, tăng giảm lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. <i>Phạm vi, đối tượng, lĩnh vực liên quan đến các nội dung này được quy định trong các quy chế do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.</i></p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p> <p>Khoản 1: Bổ sung thêm cụm từ để làm rõ hơn về thẩm quyền.</p>
64	CHƯƠNG XIV: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	<p>Chương XIII</p> <p>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p>	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
65	<p>Điều 43. Cổ tức</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi</p>	Điều 48. Phân phối lợi nhuận	

<p>nhuận được giữ lại của Công ty, nhưng không được vượt quá mức do HĐQT đề xuất</p> <p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty</p> <p>3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.</p> <p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
---	--	--

<p>6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.</p> <p>7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đang ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phần phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Lợi nhuận sau thuế của Công ty hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <p>a) Chia lãi cho các bên góp vốn tiền kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);</p> <p>b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trả vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;</p> <p>c) Trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty (tối đa 30%);</p> <p>d) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>e) Lợi nhuận còn lại thực hiện phân phối cho cổ đông theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 6: Bổ sung chi tiết quy định về phân chia lợi nhuận theo Nghị định 04/VBHN-BTC ngày 10/5/2021 của Bộ Tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào DN và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại DN có vốn nhà nước</p>
<p>66</p> <p>Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phần phối lợi nhuận</p> <p>1. Việc trích lập các quỹ và chi trả cổ tức thực hiện theo quy định của pháp luật, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;</p> <p>2. Mức trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế và mức chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị đề xuất hàng năm và phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.</p>	<p>Điều lệ Mẫu không quy định thành điều riêng, nội dung này được quy định tại khoản 6 điều 48 nêu trên</p>	<p>ABIC không đưa nội dung này thành 1 điều của Điều lệ 2022.</p>
<p>67</p> <p>CHƯƠNG XV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRÚC NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	<p>Chương XIV</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

		TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
68	<p>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>Điều 49. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
69	<p>Điều 46. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</p> <p>Hàng năm, Công ty phải trích 5% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.</p>	<p>Điều 50. Quỹ dự trữ bất buộc</p> <p><u>Quỹ dự trữ bất buộc được trích hàng năm theo tỷ lệ trên lợi nhuận sau thuế theo các quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Kế thừa nội dung của Điều lệ ABC 2014 và có sửa đổi (do Nghị định hướng dẫn Luật KDBH 2022 chưa ban hành)</p>
70	<p>Điều 47. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đó.</p>	<p>Điều 51. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

✱

71	<p>Điều 48. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p>Điều 52. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
72	<p>CHƯƠNG XVI: BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	<p>Chương XV</p> <p>BẢO CÁO TÀI CHÍNH, BẢO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
73	<p>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có</p>	<p>Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>4. Báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của công ty.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công</p>	<p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
---	---

	ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.		
74	Điều 50. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Điều 54. Báo cáo thường niên Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
75	CHƯƠNG XVII: KIỂM TOÁN CÔNG TY	Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
76	Điều 51. Kiểm toán 1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính. 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	Điều 55. Kiểm toán 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. 2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116

	4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	để có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.	
77	CHƯƠNG XVIII: CON DẤU	Chương XVII DẤU CỦA CÔNG TY	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
78	Điều 52. Con dấu 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Điều 56. Dấu của Công ty 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và người được Người đại diện theo pháp luật phân công, ủy quyền được sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 Khoản 3: Bổ sung nội dung để phù hợp với việc Đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT.
79	CHƯƠNG XIX: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	Chương XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
80	Điều 53. Chấm dứt hoạt động 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:	Điều 57. Giải thể Công ty 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:	

*

	<p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p> <p>3. <i>Điều kiện, trình tự, thủ tục giải thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.</i></p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>
81	<p>Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đề đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động;</p>	<p>Điều lệ Mẫu không quy định về nội dung này</p>	<p>ABIC không quy định nội dung này thành 1 điều của Điều lệ 2023.</p>

	<p>2. Các cổ đông không thông nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>		
82	<p>Điều 55. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>Thời hạn hoạt động được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>Điều 58. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc thông qua chủ trương đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ trương về gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty được thông qua khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 115</p> <p>Bổ sung quy định để phù hợp với đặc thù của ABIC là DN hoạt động KD do Bộ tài chính cấp phép thành lập và hoạt động.</p>
83	<p>Điều 56. Thanh lý</p> <p>1. Tới thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty</p>	<p>Điều 59. Thanh lý</p> <p>1. Tới thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

	<p>hoặc chuyển gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bất đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>của Công ty hoặc chuyển gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. <i>Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</i></p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c) Nợ thuế;</p> <p>d) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Khoản 2: Nội dung theo Điều lệ Mẫu có sửa đổi.</p>
84	CHƯƠNG XX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	Chương XIX	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
85	<p>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các</p>	<p>Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ</p>	<p>Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

<p>luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:</p> <p>a. Có đồng với Công ty;</p> <p>b. Có đồng với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Từ tương hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>đồng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Có đồng với Công ty;</p> <p>b) Có đồng với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người <i>quản lý</i> khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Từ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <i>Ban kiểm soát</i> chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>Điểm b: Bổ sung nội dung yêu cầu <i>Ban kiểm soát</i> chỉ định chuyên gia hòa giải để làm rõ hơn (điều lệ mẫu không quy định cụ thể).</p>
--	---	--

86	CHƯƠNG XXI: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	Chương XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
87	Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty	Điều 61. Điều lệ Công ty 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty nhưng <i>vấn đề đó chưa được quy định trong Điều lệ này</i> hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới <i>ban hành dẫn đến có nội dung trong Điều lệ này bị trái với quy định của pháp luật</i> thì áp dụng những quy định pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 Khoản 2: bổ sung một số cụm từ để làm rõ hơn.
88	CHƯƠNG XXII: NGÀY HIỆU LỰC	Chương XXI NGÀY HIỆU LỰC	Sửa đổi tiêu đề theo Điều lệ Mẫu tại TT 116
89	Điều 59. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và đối, bổ sung và nhất trí thông qua ngày 21 tháng 06 năm 2014 tại Thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành mười bốn (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó: - Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước thành phố Hà Nội; - Một (01) bản nộp tại Bộ Tài chính;	Điều 62. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. <i>Điều lệ này thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty ban hành theo Nghị quyết số 66/2014/NQ-</i>	Thay thế nội dung kết cấu theo Điều lệ Mẫu tại TT 116 Khoản 3: Bổ sung quy định về thay thế Điều lệ ABIC năm 2014

	<p>- Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;</p> <p>- Ba (03) bản lưu trữ tại Trụ sở chính Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 3/5 số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.</p>	<p>ABIC-BHBCB ngày 21/06/2014 của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 3/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
90	<p>Điều 60. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Thay thế nội dung theo Điều lệ Mẫu tại TT 116</p>

h

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16/06/2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC);


Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ của việc sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT

- Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT hiện hành được ban hành theo Quyết định số 52/2010/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2010 của HĐQT ABIC. Nội dung của Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT năm 2010 tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010 và yêu cầu quản trị Công ty vào thời điểm quy mô hoạt động của Công ty còn khiêm tốn.

- Luật Doanh nghiệp 2014 ban hành ngày 26/11/2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015 có nhiều quy định thay đổi so với Luật Doanh nghiệp 2005, tuy nhiên ABIC chưa sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT năm 2010.

- Luật Doanh nghiệp 2020 ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 có nhiều quy định thay đổi về quản trị, điều hành công ty đại chúng, công ty niêm yết so với Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán 2019 được ban hành ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021) hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó bao gồm mẫu *Quy chế hoạt động của HĐQT* áp dụng cho công ty đại chúng. 

- Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 ban hành ngày 16/06/2022, có hiệu lực từ ngày 01/01/2023, thay thế luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và các luật sửa đổi, bổ sung năm 2010 và 2019.

- Thực tiễn hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại thị trường Việt Nam đến thời điểm hiện nay đã có nhiều thay đổi so với thời điểm thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT, dẫn đến cần phải có chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị của HĐQT ABIC.

2. Nguyên tắc sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT

- Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT năm 2010 hiện tại có nhiều nội dung, kết cấu không còn phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, tại Điều 3 quy định: *“Công ty đại chúng tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan”*.

Do đó việc sửa đổi Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT năm 2010 theo hướng xây dựng mới, nội dung dự thảo dựa trên nguyên tắc sau đây:

1/. Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT áp dụng theo kết cấu, nội dung của mẫu *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị* tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2/. Những nội dung mẫu *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị* không quy định hoặc quy định chưa cụ thể thì ABIC bổ sung nội dung để làm rõ hơn và/hoặc lựa chọn nội dung của Dự thảo Điều lệ đưa vào dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.

3. Trình tự xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT

Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT được xây dựng, hoàn thiện và ban hành theo các bước sau đây:

- Bước 1: Xây dựng dự thảo theo các quy định mới của pháp luật, theo mẫu *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị* tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, theo Dự thảo Điều lệ ABIC 2023.

- Bước 2: Xin ý kiến góp ý, rà soát bộ phận pháp chế tại ABIC;

- Bước 3: Hội đồng quản trị ABIC thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.

- Bước 4: HĐQT trình ĐHĐCĐ ABIC năm 2023 thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.

4. Kết cấu của dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.

Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT gồm 07 Chương, 25 điều. Chi tiết nội dung như dự thảo đính kèm Tờ trình này. ✍

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

Tài liệu gửi kèm:

- Bảng phân tích nội dung đề xuất xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT;
- Dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK Cty, TCHC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**
(Ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ - ABIC - HĐQT ngày .../2023
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trực thuộc, cá nhân khác tại Công ty.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty*: Là Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
2. *Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty*: Là Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
3. *Đại hội đồng cổ đông*: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
4. *Hội đồng quản trị*: Là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;
5. *Đơn vị trực thuộc*: bao gồm các Ban/Phòng tại Trụ sở chính, Chi nhánh (đơn vị thành viên) Công ty.

Các thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều lệ Công ty (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) thì có nghĩa tương tự trong văn bản này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty. ✍

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, văn bản pháp luật liên quan và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (sau khi Công ty niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác (Trừ Ban Kiểm soát) trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Người quản lý, người kiểm soát được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin như sau: ✍

a) Thành viên Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng giám đốc bằng văn bản, phương thức điện tử hợp pháp/hợp lệ khác theo quy định của ABIC để Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và cá nhân cung cấp.

b) Trường hợp yêu cầu trực tiếp đối với người quản lý, người kiểm soát và cá nhân khác của Công ty cung cấp thì thành viên Hội đồng quản trị đồng thời gửi vẫu bản, phương thức điện tử hợp pháp/hợp lệ khác cho Ban Tổng giám đốc để Ban Tổng giám đốc biết và chỉ đạo thực hiện.

c) Thông tin, tài liệu được cung cấp theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản, phương thức điện tử hợp pháp/hợp lệ khác và được gửi đồng thời cho thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc phụ trách liên quan. Các cá nhân có liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định.

Điều 6. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện quy định tại điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được *

ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác **do Hội đồng quản trị quy định.**

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, **Điều lệ Công ty;**

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp; ✕

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai thành viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến 50% được đề cử bốn thành viên; trên 50% được đề cử đủ số ứng viên theo quy định tại khoản 1 điều 27 Điều lệ Công ty.

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế này. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ✕

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; ✓

- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% vốn điều lệ của Công ty trở lên, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý, kiểm soát khác do Hội đồng quản trị quy định; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát của Công ty do Hội đồng quản trị quy định;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập đơn vị thành viên, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- r) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý trong trường hợp này;
- s) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- t) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường thiệt hại, bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm của Công ty; ✕

v) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt; Các khoản đầu tư trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt nhưng có giá trị vượt quá 10% giá trị kế hoạch được phê duyệt;

w) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

x) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

y) Hội đồng quản trị công ty có quyền thành lập các bộ phận chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi của các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị công ty quy định.

z) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo của Hội đồng quản trị phải đảm bảo có các nội dung theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật liên quan và quy định nội bộ của Công ty.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% **Vốn điều lệ của Công ty** giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; *

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp; ✕

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp họp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. ✕

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định nội bộ của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp

hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, Trưởng Ban kiểm soát và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. ✕

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản thì phải có phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản kiểm phiếu hiệu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản phải có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 19. Trình báo cáo bằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. ✕

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ trong Ban Tổng giám đốc, chức danh quản lý, kiểm soát khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được **Chủ tịch Hội đồng quản trị** phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó. ✍

Điều 23. Mối quan hệ với Tổng giám đốc

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quy chế, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy tổ chức của Công ty thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị thực hiện đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quy chế, quyết định.
2. Khi tiếp nhận các tờ trình, báo cáo, đề xuất của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét, chỉ đạo kịp thời để Tổng giám đốc thực hiện.


Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra, báo cáo tổng hợp, đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm 7 chương, 25 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng 06 năm 2023.
2. Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ khác.
Trường hợp do có sự thay đổi quy định của pháp luật dẫn đến có nội dung của Quy chế này không còn phù hợp thì quy định đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành và được thực hiện theo quy định của pháp luật.
3. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội đồng quản trị ban hành.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Hải

THƯ KÝ CÔNG TY

BẢNG PHÂN TÍCH NỘI DUNG ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ABIC

Nguyên tắc xây dựng Quy chế:

Quy chế Tổ chức và hoạt động của HĐQT hiện nay được ban hành từ năm 2010 (Quy chế 2010) đã không còn phù hợp với các quy định mới của Pháp luật (luật DN 2020, luật CK 1019, Luật KDBH 2022) và thực tế hoạt động của Công ty nên đề xuất không sửa đổi, bổ sung Quy chế 2010 mà theo hướng xây dựng mới Quy chế hoạt động của HĐQT theo nguyên tắc sau:

1. Mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (ban hành theo TT 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính) được sử dụng làm khung để xây dựng Quy chế Hoạt động của HĐQT ABIC năm 2023
2. Một số nội dung chính sửa, bổ sung so với quy chế Mẫu đề làm rõ hơn: in đậm
3. Nội dung chính sửa, bổ sung được lấy từ Dự thảo Điều lệ ABIC 2023: in đậm, nghiêng

STT	Nội dung quy định theo Quy chế mẫu (ban hành theo Thông tư 116)	Đề xuất dự thảo Quy chế 2023	Căn cứ, lý do
1	Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;	Lấy nội dung theo quy chế Mẫu Bổ sung căn cứ Luật KDBH, Nội dung này chuyển sang Quyết định ban hành của HĐQT sau khi được ĐHCĐ thông qua.

	<p>Căn cứ Điều lệ công ty có phần... Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có phần... ...ngày...tháng...năm... Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có phần... Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty có phần... bao gồm các nội dung sau:</p>	<p>Căn cứ Nghị quyết số ...ngày ...tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp; Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung sau:</p>	
2	Chương 1: QUY ĐỊNH CHUNG	Chương 1: QUY ĐỊNH CHUNG	<p>Theo quy chế Mẫu</p>
3	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trực thuộc, cá nhân khác tại Công ty.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các đơn vị trực thuộc, cá nhân khác tại Công ty.</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu</p> <p>Bổ sung thêm một số nội dung vào khoản 1, 2</p>
	Quy chế mẫu không có điều này	<p>Điều 2: Giải thích từ ngữ</p> <p>Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1. Công ty: Là Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;</p> <p>2. Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty: Là Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;</p> <p>3. Đại hội đồng cổ đông: Là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;</p>	

		<p>4. Hội đồng quản trị: Là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp;</p> <p>5. Đơn vị trực thuộc: bao gồm các Ban/Phòng tại Trụ sở chính, Chi nhánh (đơn vị thành viên) Công ty.</p> <p>Các thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Điều lệ Công ty (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) thì có nghĩa tương tự trong văn bản này.</p>	
4	<p>Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.</p> <p>2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu</p> <p>Bổ sung thêm một số nội dung vào khoản 1, 2</p>
5	<p>Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG</p> <p>QUẢN TRỊ</p>	<p>Chương II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Theo quy chế Mẫu</p>
6	<p>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p>	<p>Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trực thuộc Công ty.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, văn bản pháp luật liên quan và các nghĩa vụ sau:</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu</p> <p>Bổ sung thêm một số nội dung để làm rõ hơn.</p>

7	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của công ty và các nghĩa vụ khác;</p> <p>b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;</p> <p>b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (sau khi Công ty niêm yết) phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu và bỏ</p>
	<p>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu và bỏ</p>

	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trực thuộc Công ty.</p> <p>2. Người quản lý, người kiểm soát được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin như sau:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị đề nghị Ban Tổng giám đốc bằng văn bản, phương thức điện tử hợp pháp/hợp lệ khác theo quy định của ABIC để Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và cá nhân cung cấp.</p> <p>b) Trường hợp yêu cầu trực tiếp đối với người quản lý, người kiểm soát và cá nhân khác của Công ty cung cấp thì thành viên Hội đồng quản trị đồng thời gửi văn bản, phương thức điện tử hợp pháp/hợp lệ khác cho Ban Tổng giám đốc để Ban Tổng giám đốc biết và chỉ đạo thực hiện.</p> <p>c) Thông tin, tài liệu được cung cấp theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện dưới dạng văn bản, phương thức điện tử hợp pháp/hợp lệ khác và được gửi đồng thời cho thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc phụ trách liên quan. Các cá nhân có liên quan có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định.</p>	<p>sung thêm một số nội dung để làm rõ hơn.</p> <p>Khoản 2: Bổ sung chi tiết về phương thức cung cấp thông tin cho TV HĐQT.</p>
8	<p>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 6. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p>

	<p>1. Hội đồng quản trị có [... thành viên] (từ 03 đến 11 thành viên). Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</p> <p>3. Trường hợp tái cử thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.</p> <p>4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</p>	<p>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện quy định tại điều 27 Điều lệ Công ty.</p>	<p>dung không được khác thường xuyên trong hoạt động hàng ngày của HĐQT.</p>
9	<p>Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;</p>	<p>Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Nội dung này không được khảo thường xuyên trong hoạt động hàng ngày của HĐQT.</p>

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của

	<p>Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;</p> <p>e) [Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty].</p> <p>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Lợi đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p>		
10	<p>Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p>2. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</i></p>	<p>Từ khoản 1 đến khoản 5: Lấy nguyên</p>

	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>văn nội dung của điều 30 Dự thảo Điều lệ ABIC 2023</p>
--	---	--	---

	<p>buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>d) Quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị quy định.</p>	<p>6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>d) Quyền và nghĩa vụ khác do Hội đồng quản trị quy định.</p>	<p>Khoản 6: Lấy nội dung khoản 5 của quy chế Mẫu (tương tự quy định của Luật DN) và có chỉnh sửa bổ sung.</p>
11	<p>Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>d) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại [Điều lệ công ty].</p>	<p>Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu</p>

<p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) <u>Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</u></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) <u>Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.</u></p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, <u>Điều lệ Công ty</u>;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Điểm a: Bổ sung thêm nội dung</p> <p>Điểm c khoản 1. điểm b khoản 2 của Quy chế mẫu: Không đưa nội dung này vào Quy chế vì Điều lệ ABIC không quy định trường hợp khác.</p>
<p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	

	<p>c) Trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>		
12	<p>Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc [một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty] có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được làm ứng cử viên Hội đồng cổ đông được đề cử thấp hơn số ứng cử viên được đề cử ứng cử viên được đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế này. Việc</p>	<p>Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 20% được đề cử hai thành viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử ba thành viên; từ 40% đến 50% được đề cử bốn thành viên; trên 50% được đề cử đủ số ứng cử viên theo quy định tại khoản 1 điều 27 Điều lệ Công ty.</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử ứng cử viên Hội đồng cổ đông được đề cử thấp hơn số ứng cử viên được đề cử ứng cử viên được đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p> <p>2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty. Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế này. Việc</p>	<p>Khoản 1: Lấy nguyên nội dung của Điều lệ ABIC 2023</p> <p>Tiêu a, b khoản 1: lấy nội dung tại khoản 3 điều 12 Điều lệ 2023</p> <p>Khoản 2: Lấy nội dung quy chế Mẫu và có chỉnh sửa.</p>

<p>đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. [Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác], việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>	<p>Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.</p>
--	---

Khoản 3, 4:
Lấy nội dung
theo quy chế
Mẫu

	4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.		
13	<p>Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <p>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	<p>Khoản 1: Nội dung quy chế mẫu và nội dung khoản 1 điều 26 Điều lệ 2023 trùng nhau nên lấy theo Dự thảo Điều lệ.</p> <p>Khoản 2: Lấy nội dung quy</p>

	g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).	2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định của pháp luật hướng dẫn về công bố thông tin.	ché Mẫu và có bổ sung, chỉnh sửa
14	Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Theo quy chế Mẫu
15	<p>Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. <i>Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p>2. <i>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</i></p> <p><i>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</i></p> <p><i>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</i></p> <p><i>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</i></p> <p><i>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</i></p> <p><i>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</i></p>	<p>Khoản 1,2,3: Lấy nguyên văn nội dung tại điều 28 dự thảo Điều lệ ABIC 2023.</p>

<p>từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư và dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% vốn điều lệ của Công ty trở lên, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý, kiểm soát khác do Hội đồng quản trị quy định; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát của Công ty do Hội đồng quản trị quy định;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập đơn vị thành viên, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Quyết định chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong lĩnh vực đầu tư và dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% vốn điều lệ của Công ty trở lên, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý, kiểm soát khác do Hội đồng quản trị quy định; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Việc bổ nhiệm, bãi nhiệm lại, điều động, miễn nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát của Công ty do Hội đồng quản trị quy định;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập đơn vị thành viên, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Quyết định chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p>
---	---

<p>công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua có phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;</p> <p>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>r) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý trong trường hợp này;</p> <p>s) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>t) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và hồi thường thiệt hại, bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm của Công ty;</p> <p>v) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt; Các khoản đầu tư trong kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt nhưng có giá trị vượt quá 10% giá trị kế hoạch được phê duyệt;</p> <p>w) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>x) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>y) Hội đồng quản trị công ty có quyền thành lập các bộ phận chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị để giúp việc Hội đồng</p>
--	---

	<p>3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cả nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	<p>quản trị. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ và quyền lợi của các bộ phận chuyên môn do Hội đồng quản trị công ty quy định.</p> <p>2) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo của Hội đồng quản trị phải đảm bảo có các nội dung theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, quy định của pháp luật liên quan và quy định nội bộ của Công ty.</p> <p>4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cả nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	<p>Khoản 4,5: Lấy nội dung của khoản 3,4 Quy chế mẫu.</p>
16	<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p>	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch</p> <p>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát</p>	<p>Lấy nội dung theo quy chế Mẫu và có</p>

<p>1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. <p>2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% Vốn điều lệ của Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. <p>2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>chính sửa nội dung liên quan đến tỷ lệ 35%</p>
---	---	---

	trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.		
17	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p>	<p>Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p>	<p>Khoản 1,2 quy chế Mẫu và nội dung khoản 3,4 điều 15 dự thảo Điều lệ 2023 giống nhau nên lấy theo Dự thảo Điều lệ.</p> <p>Khoản 3: Lấy nội dung theo khoản 3 quy chế Mẫu</p>

	<p>thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	<p>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;</p> <p>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>	Nội dung quy chế Mẫu và nội dung điều 32 dự thảo Điều lệ 2023 giống nhau, chỉ thay cụm từ tiêu ban
18	<p>Điều 14. Các tiêu bản giúp việc Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu bản trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bên ngoài. Hội đồng của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số</p>	<p>Điều 15. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hội đồng của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số</p>	

	Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty.	thành cụm từ ủy ban.
19	Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
20	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ họp của Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị.	Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ họp của Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến.	Nội dung quy chế Mẫu và nội dung điều 31 Điều lệ 2023 giống nhau nên lấy theo Dự thảo Điều lệ.

	<p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) [Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định].</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp (nếu Điều lệ công ty không có quy định khác). Thông báo mời họp phải xác định</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p>
--	--	--

<p>cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>
<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn]. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp sau đây:</p>	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định nội bộ của Công ty;</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức</p>

	<p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>khác theo quy định nội bộ của Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên biểu quyết tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bày bán chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p>Khoản 13 chỉ có trong Dự thảo Điều lệ 2023 mà không có trong quy chế Mẫu nên lấy theo Dự thảo Điều lệ.</p>
--	--	---	---

22	<p>Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp và lý do;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua từng cuộc họp;</p> <p>h) Vấn đề đã được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản thì biên bản họp được lập bởi người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều lệ 2023</p> <p>không đề cập chi tiết về Biên bản họp. Nội dung quy chế Mẫu giống nội dung điều 158 Luật DN 2020.</p> <p>Do đó lấy nội dung theo quy chế Mẫu và có sửa đổi tạo điểm i</p> <p>Điểm i: Bổ sung thêm người ký biên bản họp HĐQT (theo thông lệ tại ABIC)</p>
26	<p>Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua từng cuộc họp;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp, Trưởng Ban kiểm soát và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	

	<p>tại các điểm a, b, c, d, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>6. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản thì phải có phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản phải có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>6. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản thì phải có phiếu biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị và Biên bản phải có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.</p>	<p>Khoản 6: Bổ sung theo thực tế ABIC đang thực hiện.</p>
23	<p>Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</p>	<p>Chương V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</p>	
24	<p>Điều 18. Trình báo cáo hằng năm</p> <p>1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính;</p> <p>c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;</p> <p>d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 19. Trình báo cáo hằng năm</p> <p>1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:</p> <p>a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính;</p> <p>c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;</p> <p>d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu</p>	<p>Lấy nội dung của quy chế Mẫu</p> <p>Khoản 2: bỏ cụm từ nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác trong quy chế mẫu.</p>

	<p>thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p> <p>3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p>có phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.</p>	<p>Khoản 3: bỏ cụm từ nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn trong quy chế mẫu.</p>
25	<p>Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Điều 20. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Nội dung quy chế Mẫu và nội dung điều 29 Điều lệ 2023 giống nhau. Do đó lấy theo dự thảo Điều lệ 2023</p>

	<p>ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản (tiền công, tiền gởi theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị).</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ trong Ban Tổng giám đốc, chức danh quản lý, kiểm soát khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công, tiền gởi theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>
--	--	--

26	<p>Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</p> <p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện</p>	<p>Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan khác.</p> <p>Nội dung này được quy định trong Điều lệ ABIC.</p>
----	--	---

	<p>khí được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.</p>		
27	<p>Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Chương VI: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>Theo quy chế Mẫu</p>
28	<p>Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p> <p>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	<p>Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.</p> <p>2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.</p>	<p>Dự thảo Điều lệ 2023 không quy định nội dung này. Do đó lấy nội dung của quy chế Mẫu và có sửa đổi, bổ sung.</p>

	này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.		
29	Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Điều 23. Mối quan hệ với Tổng giám đốc 1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quy chế, quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy tổ chức của Công ty thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị thực hiện đơn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết, quy chế, quyết định. 2. Khi tiếp nhận các tờ trình, báo cáo, đề xuất của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét, chỉ đạo kịp thời để Tổng giám đốc thực hiện.	Dự thảo Điều lệ 2023 không quy định nội dung này. Do đó lấy nội dung của quy chế Mẫu và có sửa đổi, bổ sung.
30	Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	Điều 24. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra, báo cáo tổng hợp, đề xuất, kiến nghị của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	Dự thảo Điều lệ 2023 không quy định nội dung này. Do đó lấy nội dung của quy chế Mẫu và có sửa đổi, bổ sung.
31	Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Theo quy chế Mẫu

32	<p>Điều 24. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần...bao gồm [...chương], [...] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...</p> <p style="text-align: center;">TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)</p>	<p>Điều 25. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm 7 chương, 25 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày....tháng 04 năm 2023.</p> <p>2. Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có tiền quan, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ khác.</p> <p>Trường hợp do có sự thay đổi quy định của pháp luật dẫn đến có nội dung của Quy chế này không còn phù hợp thì quy định đó được nhiên hết hiệu lực thi hành và được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Mọi sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này phát được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p style="text-align: center;">TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH</p>	Lấy nội dung của quy chế Mẫu và có sửa đổi, bổ sung.
----	--	--	--

Số: 122 /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua Quy chế Quản trị nội bộ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC);

Căn cứ nội dung của Nghị quyết HĐQT Kỳ họp 78 về việc thông qua dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ ABIC;

Hội đồng quản trị Công ty (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về việc sửa đổi, ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ ABIC như sau:

1. Sự cần thiết và căn cứ của việc sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ

- Quy chế nội bộ về Quản trị điều hành tại ABIC được ban hành kèm theo Quyết định số 59/2019/QĐ-ABIC-HĐQT ngày 18/05/2019 của HĐQT (Quy chế 59) trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Luật Kinh doanh bảo hiểm 2010 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật KDBH 2010.

- Luật Doanh nghiệp 2020 ban hành ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 có nhiều quy định thay đổi về quản trị, điều hành công ty đại chúng, công ty niêm yết so với Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Chứng khoán 2019 được ban hành ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

- Ngày 31/12/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC (có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2021) hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, trong đó bao gồm Quy chế nội bộ về quản trị mẫu áp dụng cho công ty đại chúng.

- Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 ban hành ngày 16/06/2022, có hiệu lực từ ngày 01/01/2023, thay thế luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 và các luật sửa đổi, bổ sung năm 2010 và 2019.

- Điều lệ ABIC sẽ được sửa đổi, thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2023;

- Thực tiễn hoạt động kinh doanh bảo hiểm tại thị trường Việt Nam đến thời điểm hiện nay đã có nhiều thay đổi so với thời điểm ban hành Quy chế 59 năm 2019.

dẫn đến cần thiết phải chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác quản trị nội bộ của ABIC.

2. Tài liệu tham khảo

- Quy chế quản trị điều hành nội bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số 799/QĐ-HĐTV-UBNS ngày 15/08/2017 (Quy chế 799);
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần PVI ngày 28/04/2021;
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) số 31/2021/PJICO-QĐ-HĐQT ngày 08/06/2021;
- Quy chế quản trị nội bộ Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV số 039/QĐ-HĐQT ngày 15/04/2022 (BIC).

3. Nguyên tắc xây dựng Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi

Dự thảo tiếp tục kế thừa những nội dung còn phù hợp của Quy chế quản trị điều hành hiện hành của ABIC. Bên cạnh đó, Dự thảo được chỉnh sửa theo các nguyên tắc sau:

- Với tính chất sở hữu vốn là doanh nghiệp có vốn nhà nước, công ty con của Agribank: Dự thảo Quy chế được xây dựng theo một số quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, tham chiếu và sử dụng trực tiếp những nội dung phù hợp với ABIC từ Quy chế 799.

- Với lĩnh vực hoạt động, ngành nghề kinh doanh là bảo hiểm phi nhân thọ: Dự thảo Quy chế được xây dựng theo các quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

- Với quy mô là công ty đại chúng: Dự thảo Quy chế được xây dựng theo Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Nghị định 155 và Thông tư 116.

Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm, quy mô và mô hình hoạt động của các Công ty bảo hiểm phi nhân thọ trên thị trường gồm: PVI, PJICO, BIC... bộ phận soạn thảo có tham khảo quy định tại Quy chế quản trị của một số doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ có điểm tương đồng với ABIC.

4. Những thay đổi chủ yếu của Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ

- Xác định cơ cấu quản trị nội bộ của ABIC phù hợp với Thông tư 116 và mô hình hoạt động của ABIC (gồm có ĐHCĐ, HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc);

- Chuẩn hóa hệ thống thuật ngữ, khái niệm liên quan đến quản lý, kiểm soát phù hợp với Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, Luật Chứng khoán, Nghị định 155, Thông tư 116 và dự thảo Điều lệ ABIC mới;

- Quy định rõ quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó quy định Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật để phù hợp với Điều lệ ABIC mới;

- Quy định lĩnh vực HĐQT sẽ ban hành các quy chế, quy định nội bộ;

- Quy định rõ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

- Quy định rõ hơn nội dung phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu giữa Ban Tổng Giám đốc với thành viên HĐQT;

- Bổ sung nội dung về Người phụ trách quản trị Công ty để phù hợp với Nghị định 155;
- Bổ sung nội dung về áp dụng pháp luật trong trường hợp pháp luật có thay đổi.

5. Trình tự xây dựng dự thảo Quy chế quản trị nội bộ

Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ được xây dựng, hoàn thiện để ban hành theo các bước sau đây:

- Bước 1: Bộ phận soạn thảo xây dựng dự thảo theo các quy định mới của pháp luật và kế thừa các quy định còn phù hợp tại Quy chế 59;
- Bước 2: Xin ý kiến góp ý của Ban Tổng giám đốc, Trưởng Phòng/Ban tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc ABIC;
- Bước 3: Gửi Tổ xây dựng, thẩm định quy chế, quy định do HĐQT ban hành góp ý;
- Bước 4: Trình Hội đồng quản trị ABIC thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ, trình ĐHĐCĐ 2023;
- Bước 5: Trình ĐHĐCĐ ABIC năm 2023 thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ, sau đó, HĐQT quyết định ban hành.

6. Kết cấu của Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ

Kết cấu Dự thảo Quy chế cơ bản giữ nguyên so với Quy chế cũ, đề xuất bỏ 04 Điều (Điều 5, Điều 6 của Quy chế cũ về đại diện vốn; Điều 18 về quyền và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc; Điều 28, Điều 29 về kiểm soát tuân thủ); bổ sung 01 Điều (Điều 5 dự thảo Quy chế mới về ĐHĐCĐ), một số điều khoản sửa đổi, bổ sung (chi tiết theo *Bản phân tích nội dung đề xuất sửa đổi*).

Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ tại ABIC gồm 05 Chương, 33 Điều (giảm 04 Điều so với Quy chế cũ).

Tài liệu trình gửi kèm Tờ trình gồm:

- Bảng phân tích nội dung đề xuất sửa đổi Quy chế Quản trị nội bộ tại ABIC.
- Chi tiết Dự thảo Quy chế quản trị nội bộ ABIC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: Tký Cty, TCHC, TKPC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiến Hải

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ABIC-HĐQT ngày .../.../2023
của Hội đồng Quản trị Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quản trị nội bộ công ty quy định các nội dung về *nguyên tắc quản trị nội bộ; vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong quản trị công ty* và các hoạt động *quản trị nội bộ* theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng với Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, *Ban Tổng Giám đốc*, người quản lý, *người kiểm soát công ty* và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Trong văn bản này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Công ty*”: Là Công ty (Tổng công ty) cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

2. “*HĐQT*”: Là Hội đồng quản trị;

3. “*BHHCĐ*”: Là Đại hội đồng cổ đông.

4. “*Điều lệ*” hoặc “*Điều lệ Công ty*”: Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

5. “*Quản trị nội bộ*”: Là hệ thống các *văn bản về chính sách*, cơ chế, quy chế, *quy định*, quy trình xử lý công việc, kiểm tra, giám sát hoạt động nội bộ của ABIC.

6. “*Người quản lý của Công ty*” bao gồm các chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị quy định theo Luật Kinh doanh bảo hiểm và phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty từng thời kỳ.

7. “*Ban Tổng Giám đốc*” gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

8. “*Người kiểm soát của Công ty*” bao gồm các chức danh: Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát), Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ, Chuyên gia tính toán và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị quy định.

9. “*Thư ký Công ty*”: Là nhân sự được HĐQT chỉ định làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT.



10. "Người phụ trách quản trị Công ty": Là nhân sự được HĐQT bổ nhiệm phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả với nhiệm kỳ và chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT.

11. "Người quản lý các đơn vị trực thuộc" là Người đứng đầu và cấp phó của Người đứng đầu các Đơn vị trực thuộc cơ cấu tổ chức của Công ty.

12. "Đơn vị trực thuộc" bao gồm các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính, Chi nhánh (đơn vị thành viên) Công ty.

13. "Người có liên quan": Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Các thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh bảo hiểm hoặc Điều lệ (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị nội bộ

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Tôn trọng và đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của cổ đông, Công ty, khách hàng trên cơ sở quản trị rủi ro có hiệu quả các hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.
3. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
4. Công khai, minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty; Tuân thủ trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết công việc theo quy định của pháp luật, quy định của Công ty.
5. Đảm bảo hoạt động quản trị nội bộ hiệu lực và hiệu quả.


Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. HĐQT;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5: Quy định về Đại hội đồng cổ đông

Quyền và nghĩa vụ, trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều 138, các quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp, Điều 16 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác. 

Mục 2 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định tại **Điều 16 Điều lệ Công ty** và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 153, các quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp, *Điều 28 và các quy định liên quan tại Điều lệ Công ty* và các quy định nội bộ khác của Công ty.

2. HĐQT ban hành những văn bản thuộc về thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và *các quy chế nội bộ*. Hình thức văn bản cơ chế do HĐQT ban hành gồm: nghị quyết, quyết định, quy chế.

3. *Để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT ban hành các quy chế, quy định nội bộ trong các lĩnh vực sau:*

a) Nhân sự;

b) Cơ cấu tổ chức bộ máy;

c) Đầu tư, mua sắm;

d) Tài chính;

đ) Phân cấp;

e) Lao động tiền lương, khen thưởng kỷ luật và sử dụng các quỹ;

f) Các lĩnh vực khác: Các quy chế, quy định nội bộ khác mà pháp luật quy định hoặc HĐQT thấy cần thiết phải ban hành.

4. Việc triển khai sản phẩm bảo hiểm mới do HĐQT Công ty quyết định.

Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết công việc của Hội đồng quản trị

1. Trách nhiệm, phạm vi, trình tự, thủ tục giải quyết công việc của HĐQT được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ; quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. HĐQT ban hành hệ thống các cơ chế quản lý nội bộ, quản lý, giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ và phù hợp với pháp luật có liên quan; HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT (trường hợp có Chủ tịch HĐQT chuyên trách) thay mặt HĐQT chỉ đạo, giám sát việc điều hành trên đối với các công việc hàng ngày tại Công ty; thay mặt HĐQT chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh các mặt hoạt động của Công ty. Các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm thực hiện và báo cáo HĐQT thông qua Chủ tịch HĐQT.

4. HĐQT, Chủ tịch HĐQT sử dụng bộ máy tham mưu giúp việc là các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính để tham mưu, đề xuất và ban hành các **nghị quyết**, quyết định theo thẩm quyền.

5. HĐQT ra nghị quyết, quyết định theo cơ chế tập thể trên cơ sở đề nghị của Thành viên HĐQT, **thành viên Ban Tổng giám đốc**, các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính.

6. **Nghị quyết**, Quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát, có giá trị **thực hiện** toàn hệ thống Công ty.

Điều 9. Thứ tự khi xử lý công việc

1. Các công việc có thời hạn phải được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ. Các cá nhân, đơn vị không đáp ứng được tiến độ thời gian phải được báo cáo người có thẩm quyền và phải được chấp thuận của người có thẩm quyền.

2. Trong cùng một khoảng thời gian, nếu có nhiều công việc được giao, người được giao việc phải thu xếp để hoàn thành theo tính chất khẩn trương và mức độ quan trọng của công việc. Thứ tự xử lý **công việc** như sau: **các nghị quyết của HĐQT**, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, **Ban Tổng giám đốc**. Trong trường hợp nhận thấy có những việc buộc phải xử lý không đúng theo thứ tự trên, báo cáo lại Chủ tịch HĐQT để quyết định.

3. Đi công tác hoặc tổ chức các cuộc họp: Ưu tiên các cuộc họp, lịch đi công tác theo thứ tự: **HĐQT**, Chủ tịch HĐQT, **Ban Tổng giám đốc**. Các cá nhân, đơn vị căn cứ vào lịch trình của cấp trên để chuẩn bị tài liệu, bố trí, sắp xếp thời gian và địa điểm hợp lý, tránh chồng chéo. Trong trường hợp không bố trí được, báo cáo lại Chủ tịch HĐQT để quyết định; Việc đi công tác, tổ chức các cuộc họp của **Ban Tổng Giám đốc** (trừ các cuộc họp thường xuyên của các hội đồng đã được thành lập theo quyết định) phải được báo cáo trước với Chủ tịch HĐQT theo một trong các hình thức (bằng văn bản, bằng email, điện thoại, lịch làm việc của **Ban Tổng Giám đốc**) để đảm bảo các lịch làm việc, nội dung làm việc được thống nhất và Chủ tịch HĐQT hoặc Thành viên HĐQT được **Chủ tịch HĐQT phân công** có thể cùng tham dự và chỉ đạo.

Điều 10. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị

1. **HĐQT có thể thành lập ủy ban, ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban, do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban.**

Việc thực thi quyết định của HĐQT hoặc của ủy ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của ủy ban, ban; số lượng thành viên ủy ban, ban theo quy định của HĐQT. Tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên ủy ban, ban tuân thủ theo quy định pháp luật.

3. Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty

Ưư

3.1. HĐQT của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.

3.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3.3. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và của HĐQT.

Điều 11. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị

1. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.

2. Nghị quyết, quyết định của HĐQT là văn bản quản trị điều hành có hiệu lực cao nhất (sau Nghị quyết của ĐHCĐ). Mọi đơn vị, cá nhân trong Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm, nghĩa vụ tổ chức, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

3. Các Ủy ban, Ban thuộc HĐQT, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, giám sát, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

4. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi đến Ban Tổng Giám đốc để tổ chức, thực hiện và gửi đến Ban kiểm soát để giám sát.

Mục 3 CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- đ) Chủ tọa cuộc họp ĐHCĐ;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Chủ tịch HĐQT (hoặc thành viên trong HĐQT được Chủ tịch phân công, ủy quyền) ký thay mặt HĐQT ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT ra quyết định theo thẩm quyền đối với những việc đã quy định về thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT tại Điều lệ hoặc tại các Quy chế *nội bộ* khác hoặc các công việc được HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT; Chủ tịch HĐQT phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT hoặc các đơn vị và cá nhân có liên quan.

7. Chủ tịch HĐQT là người đứng đầu Công ty, thực hiện các hoạt động đối nội, đối ngoại nhân danh Công ty, đảm bảo hoạt động tại Công ty thống nhất, kỷ cương và hiệu quả.

Mục 4 BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, các quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp, Điều 40 và quy định liên quan tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định nội bộ khác của Công ty.

HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm nghiên cứu những kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo của Ban kiểm soát, chỉ đạo các bộ phận tham mưu tổ chức triển khai và thông tin kết quả đến Ban kiểm soát.

Mục 5 TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc

Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty, quy chế nội bộ của Công ty.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Trên cơ sở nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty và ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện các công việc sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiểm nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.

g) Tuyển dụng lao động.

ƯC

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Hàng năm, Tổng Giám đốc phải xây dựng và trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của mục tiêu, định hướng phát triển Công ty và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm (05) năm.

k) Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến), kế hoạch ngân sách theo từng lĩnh vực cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

m) Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động đã ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

n) Tổng giám đốc có trách nhiệm ban hành văn bản phân công trong Ban Tổng giám đốc. Văn bản phân công này gửi đến HĐQT và Ban kiểm soát để biết.

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng Công ty có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê của Công ty theo đúng quy định của pháp luật; giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc giám sát tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ của mình.

2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định tại **Điều 34 Điều lệ Công ty**, quy định nội bộ của Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

3. Quyền hạn, trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và Điều lệ Công ty.

Mục 6

NGƯỜI QUẢN LÝ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý các đơn vị trực thuộc

Quyền và nghĩa vụ của *Người quản lý các đơn vị trực thuộc* được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị được giao quản lý; cơ bản như sau:

1. Chủ động tổ chức thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị mình quản lý; tuân thủ quy chế, quy định, quy trình và các quyết định do người có thẩm quyền của Công ty ban hành; chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà

nước.

2. Chủ động phối hợp với Người quản lý của các đơn vị trực thuộc khác để xử lý những vấn đề có liên quan đến công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và thực hiện nhiệm vụ chung của Công ty. Những việc phát sinh vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo cấp trên cho ý kiến chỉ đạo để giải quyết; không đùn đẩy công việc thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền của đơn vị mình sang đơn vị khác hoặc lên cấp trên. Trường hợp công việc được giao không thuộc nhiệm vụ, thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình, người đứng đầu đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp để chuyển cho đơn vị khác xử lý. Nếu cấp trên vẫn giao cho đơn vị xử lý công việc đó thì Người quản lý các đơn vị trực thuộc phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc.

3. Cấp phó có trách nhiệm báo cáo kịp thời với cấp trưởng về kết quả xử lý công việc của mình trong phạm vi lĩnh vực được phân công.

4. Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định của cấp trên và của mình. Người quản lý đứng đầu đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm cuối cùng trước cấp trên và pháp luật về kết quả thực hiện công việc được giao, kể cả những việc đã phân công, ủy nhiệm cho cấp phó xử lý.

5. Khi vắng mặt tại cơ quan, cấp trưởng phải ủy quyền cho cấp phó quản lý, điều hành đơn vị. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước người ủy quyền, cấp trên và trước pháp luật về mọi hoạt động của đơn vị trong thời gian được ủy quyền.

6. Trường hợp cần thiết phải ban hành quy định làm việc để áp dụng trong nội bộ đơn vị. Nội dung quy định không được trái với quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 19. Người lao động không giữ chức danh, chức vụ tại Công ty

Người lao động không giữ chức danh, chức vụ tại Công ty có quyền và nghĩa vụ được xác định theo từng vị trí công việc cụ thể, cơ bản như sau:

1. Chấp hành đầy đủ, đúng quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định, quyết định quản lý nội bộ do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Chủ động nghiên cứu, tham mưu cho người quản lý đơn vị về lĩnh vực chuyên môn được giao.

3. Chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất, tiến độ, chất lượng, hiệu quả của công việc được giao;

4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của người lao động theo quy định của pháp luật, Công ty và đơn vị.

Mục 7 CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN

Điều 20. Nhiệm vụ của Chuyên gia tính toán

Nhiệm vụ của chuyên gia tính toán được thực hiện theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định pháp luật khác và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:

1. Tính toán phí bảo hiểm và tham gia xây dựng quy tắc, điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm, tái bảo hiểm, xác nhận phí bảo hiểm được xây dựng dựa trên số liệu thống kê, đảm bảo tính khả thi về kinh tế, kỹ thuật của sản phẩm và khả năng thanh

toán của Công ty, hàng năm đánh giá chênh lệch giữa các giá định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm;

2. Tính toán việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

3. Tham gia thực hiện tách nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn phí bảo hiểm phù hợp với quy định pháp luật;

4. Đánh giá tình hình chi bồi thường của Công ty;

5. Định kỳ hàng quý tính toán khả năng thanh toán của Công ty và xác nhận vào báo cáo khả năng thanh toán gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật;

6. Báo cáo kịp thời bằng văn bản cho **HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc**, về mọi vấn đề bất thường có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của Công ty. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Công ty, chuyên gia tính toán dự phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán phải báo cáo trực tiếp Bộ Tài chính;

7. Đánh giá chương trình tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm trước khi trình Tổng Giám đốc, HĐQT phê duyệt;

8. Các nhiệm vụ khác để đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty.

Mục 8 **CƠ CHẾ PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN**

Điều 21. Quy định chung


1. Việc phân công, phân cấp, ủy quyền phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, các quy chế, quy trình nghiệp vụ và quản lý nội bộ của Công ty.

2. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ trách nhiệm người đứng đầu đồng thời phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao của từng người lao động Công ty. Mọi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước cấp trên, tổ chức và pháp luật về các quyết định của mình.

3. Việc phân công, phân cấp, ủy quyền phải cụ thể, rõ người, rõ việc, có trách nhiệm pháp lý và cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; năng lực, sở trường, chuyên môn của từng cá nhân.

4. Tổ chức và cá nhân, được phân công, phân cấp, ủy quyền phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung được giao và phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Căn cứ yêu cầu công việc cụ thể, trước khi tiến hành giao dịch, người được phân công, phân cấp, ủy quyền có trách nhiệm thông báo về phạm vi quyền hạn được thực hiện của mình để đối tác biết.

5. Tổ chức và cá nhân có thẩm quyền phân công, phân cấp, ủy quyền phải có trách nhiệm tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân được phân công, phân cấp, ủy quyền và là người liên đới chịu trách nhiệm về việc phân công, phân cấp và ủy quyền của mình.

6. Việc phân công, phân cấp, ủy quyền phải được lập thành văn bản dưới hình thức quy chế, quy định, quy trình hoặc văn bản riêng với đầy đủ các nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật và Công ty. 

Điều 22. Phân công

Phân công là việc người đứng đầu mỗi cấp (người phân công) giao công việc cho các cá nhân cùng cấp (người được phân công).

1. Thẩm quyền phân công:

a) *Chủ tịch HĐQT phân công cho các thành viên HĐQT.*

b) *Tổng Giám đốc phân công cho thành viên Ban Tổng Giám đốc.*

c) *Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc có quyền phân công cho các cá nhân trong đơn vị.*

2. Quyền, trách nhiệm trong phân công:

a) Người có thẩm quyền phân công có thể thay đổi người được phân công nếu thấy sự thay đổi đó là phù hợp và có lợi hơn cho Công ty.

b) Người quản lý là cấp phó khi thực hiện nhiệm vụ theo phân công được nhân danh cấp trưởng và chịu trách nhiệm như cấp trưởng về quyết định của mình.

c) Người có thẩm quyền phân công đồng thời là người có trách nhiệm kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện công việc của người được phân công.

d) Trường hợp có hai hay nhiều quyết định phân công, nội dung công việc khác nhau, người được phân công phải ưu tiên thực hiện công việc theo sự phân công của người có thẩm quyền cao nhất.

3. Các hình thức văn bản phân công:

a) Các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, quản lý nội bộ có nội dung thể hiện sự phân công;

b) Văn bản phân công công việc;

c) Phiếu giao việc;

d) Biên bản các cuộc họp;

đ) Thông báo kết luận cuộc họp;

e) Văn bản triển khai nghị quyết;

g) Loại văn bản khác thể hiện nội dung phân công công việc.

Điều 23. Phân cấp

1. Phân cấp là việc chia thành các cấp quản lý; cấp trên (người phân cấp) giao trách nhiệm cho cấp dưới trong hệ thống quản lý. Người chịu trách nhiệm cuối cùng là cấp được giao quyền quản lý (người được phân cấp).

2. Công ty được chia thành 02 cấp quản lý: cấp Trụ sở chính và cấp Chi nhánh (đơn vị thành viên).

3. Việc phân cấp phải thực hiện bằng hình thức ban hành các cơ chế, quy chế, quy trình nghiệp vụ, quản lý nội bộ và phải nêu rõ trình tự, thủ tục, định mức, phạm vi, trách nhiệm đối với từng nhiệm vụ, công việc, lĩnh vực.

4. HĐQT ban hành quy chế phân cấp trong từng lĩnh vực: giao kết, thực hiện hợp đồng bảo hiểm và giám định bồi thường; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản... và các quy chế phân cấp cần thiết khác.

Điều 24. Ủy quyền



1. Ủy quyền là việc người có thẩm quyền giao nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn hợp pháp của mình (người ủy quyền) cho người khác (người được ủy quyền) để thực hiện công việc cụ thể.

2. Ủy quyền lại là việc người được ủy quyền (người ủy quyền lại) giao nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn hợp pháp được ủy quyền cho người thứ ba (người được ủy quyền lại) thực hiện công việc cụ thể.

3. Người ủy quyền là người có thẩm quyền theo Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

4. Người được ủy quyền, người được ủy quyền lại có thể là cán bộ trong hệ thống Công ty hoặc ngoài hệ thống Công ty có chức năng, nhiệm vụ thực hiện nội dung ủy quyền được pháp luật công nhận.

5. Người ủy quyền phải chịu trách nhiệm trong phạm vi ủy quyền. Người được ủy quyền, người được ủy quyền lại phải chịu trách nhiệm khi không thực hiện đúng nội dung, phạm vi được ủy quyền.

6. Có thể ủy quyền thường xuyên hoặc ủy quyền từng lần.

7. Ủy quyền phải lập thành văn bản nêu rõ nội dung, phạm vi thực hiện, thời hạn ủy quyền và chế độ thông tin báo cáo kết quả thực hiện cho người ủy quyền.

7.1. Giấy giới thiệu là dạng thủ tục ủy quyền gián tiếp dùng để cử cấp dưới thay mình liên hệ với cơ quan, tổ chức thực hiện một công việc đơn giản. Trường hợp này, người được giao nhiệm vụ không ký bất kỳ một loại giấy tờ nào; nội dung quan trọng là tư cách pháp lý của người ký giấy giới thiệu để làm bằng chứng về sau.

7.2. Giấy ủy quyền hoặc Quyết định ủy quyền là văn bản phân công nhiệm vụ trong nội bộ Công ty ghi nhận việc người có thẩm quyền "ủy quyền" chỉ định người được ủy quyền đại diện mình thực hiện một hoặc một số công việc trong phạm vi được nêu trong Giấy ủy quyền. Đây là loại văn bản có giá trị trao quyền của mình cho người khác thực hiện công việc của mình. Giấy ủy quyền được sử dụng đối với công việc quan trọng, phức tạp và nội dung các quyền, nghĩa vụ của người nhận ủy quyền phải được chi tiết hóa trong Giấy ủy quyền.

Điều 25. Trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý, người kiểm soát khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý, người kiểm soát khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do HĐQT hoặc HĐQT chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. ✓

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác đã được báo cáo HĐQT và được HĐQT thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 5% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác đã được công bố cho các cổ đông và được ĐHDCĐ thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

7. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và người có quan hệ gia đình của những người này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHDCĐ có quyết định khác.


Chương III PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 26. Nguyên tắc phối hợp

HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Công ty phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành và vì lợi ích chung của Công ty.
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật và của Công ty.
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
4. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có).

Điều 27. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

1. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao. 

2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Ban Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có thể yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tạm dừng, điều chỉnh một số quyết định, chỉ đạo nếu nhận thấy các quyết định hoặc chỉ đạo đó không có lợi hoặc tổn hại đến lợi ích của Công ty.

4. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Công ty và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ Công ty.

5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Ban Tổng Giám đốc chủ trì để lắng nghe và chỉ đạo hội nghị.

6. Tại các cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu cần thiết).

7. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý, người kiểm soát khác (trừ Ban kiểm soát) có trách nhiệm báo cáo về những thông tin hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ và trong thời gian ngắn nhất để Chủ tịch HĐQT ***nắm bắt kịp thời***.

8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, ĐHĐCĐ cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Điều 28. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. HĐQT đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ theo quy định, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. HĐQT đảm bảo tất cả các bản sao thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho thành viên HĐQT, nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát đồng thời với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

Điều 29. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

1. Trường hợp cần thiết, **Ban Tổng Giám đốc** có thể mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp với Ban Tổng Giám đốc hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự họp, Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể đóng góp ý kiến (nếu có). Ban Tổng Giám đốc gửi cho Ban kiểm soát 01 biên bản họp này.

2. Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các văn bản nội bộ khác.

3. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Trưởng Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

4. Các văn bản báo cáo của Ban Tổng Giám đốc trình HĐQT phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên HĐQT.

Chương IV **ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT** **ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN** **BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 30. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý các đơn vị trực thuộc trong hoạt động quản lý, kiểm soát Công ty

1. HĐQT đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, **Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Chủ nhiệm các Ủy ban.**

2. **Chủ tịch HĐQT đánh giá hoạt động của Trưởng, Phó các Ban trực thuộc HĐQT và Người đứng đầu các đơn vị đơn vị trực thuộc.**

3. **Tổng Giám đốc hoặc người được phân công/ ủy quyền đánh giá hoạt động của những người quản lý còn lại.**

4. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.

5. Việc xử lý kỷ luật, khen thưởng trong hoạt động quản trị điều hành thực hiện theo các quy định có liên quan của Công ty.

6. Tiêu chí đánh giá hoạt động

a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, tiến độ, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, chủ trương, cơ chế, quy chế, quy định của Công ty và pháp luật.

d) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.

đ) Năng lực tham mưu, quản lý; phong cách, thái độ trong quản lý công việc; khả năng hướng dẫn, đào tạo nhân sự dưới quyền.

e) Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị của mình, với các đơn vị khác trong hệ thống và mức độ tín nhiệm với cán bộ nhân viên.

7. Đánh giá, xếp loại lao động thực hiện theo quy định về quản lý người lao động của Công ty.

Điều 31. Khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân trong Công ty có thành tích trong việc quản lý, kiểm soát Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của Công ty và pháp luật.

2. Hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể, trình tự thủ tục khen thưởng, **cấp quyết định khen thưởng** thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

Điều 32. Kỷ luật

Tập thể, cá nhân của Công ty trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình nếu vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định khác của Công ty thì tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/hoặc Công ty.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản hiệu lực

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký sau khi đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.
2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định và được thông qua tại ĐHĐCĐ.

3. Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và quy định nội bộ khác của Công ty. Trường hợp do có sự thay đổi quy định của pháp luật dẫn đến có nội dung của Quy chế này không còn phù hợp thì quy định đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành và được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, **Ban Tổng Giám đốc**, người quản lý, **người kiểm soát khác và người lao động** trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Hải



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM
NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP**

Phòng Thư ký Pháp chế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

**BẢNG PHÂN TÍCH NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ TẠI ABIC
(Kèm theo Tờ trình và Dự thảo Quy chế trình HĐQT tại kỳ họp 78/)**

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bỏ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
01	Điều 1: Giải thích từ ngữ 1. “ABIC” là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.	Điều 2: Giải thích từ ngữ 1. “ <i>Công ty</i> ” là Công ty (Tổng Công ty) cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.	- Đề phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	Bổ sung từ “ <i>văn bản</i> ”.	Tiếp thu, chỉnh sửa.
02	Điều 1: Giải thích từ ngữ 2. “ <i>Quản trị điều hành</i> ” là hệ thống các cơ chế, quy chế, quy trình xử lý công việc, kiểm tra, giám sát hoạt động nội bộ của ABIC vì lợi ích của cổ đông và người có quyền lợi liên quan.	Điều 2: Giải thích từ ngữ 5. “ <i>Quản trị nội bộ</i> ”: Là hệ thống các cơ chế, quy chế, quy trình xử lý công việc, kiểm tra, giám sát hoạt động nội bộ của ABIC.	- Đề phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Cty: 5. “ <i>Quản trị nội bộ</i> ”: Là hệ thống các chính sách, cơ chế, quy chế, quy định, quy trình xử lý công việc, kiểm tra, giám sát hoạt	5. “ <i>Quản trị nội bộ</i> ”: Là hệ thống các <u>văn bản</u> về <u>chính sách</u> , cơ chế, quy chế, <u>quy định</u> , quy trình xử lý công việc, kiểm tra, giám sát hoạt động nội bộ của ABIC.

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
03	Điều 1: Giải thích từ ngữ 4. “Người quản trị ABIC” bao gồm:....	Điều 2: Giải thích từ ngữ 6. “ <i>Người quản lý của Công ty</i> ” bao gồm các chức danh: <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng, Giám đốc đơn vị thành viên, Trưởng văn phòng đại diện, các trưởng bộ phận nghiệp vụ tại Trụ sở chính (bộ phận này) và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị bổ nhiệm từng thời kỳ</i>	- Đề phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Công ty 6. Đề nghị lấy lại nội dung đã sửa của dự thảo Điều lệ.	Tiếp thu, chỉnh sửa. Đã sửa trong Dự thảo.
04	Điều 1: Giải thích từ ngữ 5. “ <i>Người điều hành ABIC</i> ” bao gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.	Điều 2: Giải thích từ ngữ 7. “ <i>Ban Tổng Giám đốc</i> ” gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.	- Đề phù hợp với mô hình tổ chức của ABIC.		



SIT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bỏ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
05		Điều 2: Giải thích từ ngữ 8. "Người kiểm soát của Công ty" bao gồm các chức danh: Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên (thành viên Ban kiểm soát), Trưởng bộ phận quản trị rủi ro, Trưởng bộ phận kiểm soát tuân thủ, Trưởng bộ phận kiểm toán nội bộ, Chuyên gia tính toán và các chức danh tương đương do Hội đồng quản trị quy định	- Đề phù hợp với mô hình tổ chức của ABIC.		
06		Điều 2: Giải thích từ ngữ 9. "Thư ký Công ty": Là người được HĐQT chỉ định làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT;	- Đề phù hợp với Điều 281 ND 155 và Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Cty 9,10: Thống nhất dùng từ người hoặc nhân sự	- Tiếp thu, chỉnh sửa thành "nhân sự"
07		Điều 2: Giải thích từ ngữ 10. "Người phụ trách quản trị Công ty": Là nhân sự được HĐQT bổ nhiệm phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả với nhiệm kỳ và chức năng, nhiệm vụ theo quyết định của HĐQT;	- Đề phù hợp với Điều 281 ND 155 và Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Cty 9,10: Thống nhất dùng từ người hoặc nhân sự	Tiếp thu, chỉnh sửa thành "nhân sự"

de

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
08	Điều 1: Giải thích từ ngữ 7. “Đơn vị thuộc ABIC” bao gồm Ban, Phòng và Chi nhánh trực thuộc.	Điều 2: Giải thích từ ngữ 12. “Đơn vị trực thuộc” là các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính, Chi nhánh (đơn vị thành viên) ABIC.	- Sửa để đảm bảo ngắn gọn và đầy đủ.	Thư ký Công ty 12. “Đơn vị trực thuộc” bao gồm các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính, Chi nhánh (đơn vị thành viên) ABIC.	Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung cụm từ “bao gồm”
09	Điều 1: Giải thích từ ngữ 8. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Điều 2: Giải thích từ ngữ 13. “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	- Để phù hợp với Điều lệ ABIC mới.		
10	Điều 1: Giải thích từ ngữ 3. “Người đại diện vốn của Agribank tại ABIC” là cá nhân được Agribank ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của Agribank đối với phần vốn của Agribank đầu tư tại ABIC. Điều 4. Cơ cấu bộ máy quản trị điều hành của ABIC 1. Người đại diện vốn của Agribank tại ABIC; Điều 5. Quyền và trách nhiệm Người đại diện vốn của Agribank tại ABIC	Bỏ các quy định về người đại diện vốn của Agribank tại ABIC tại khoản 3 Điều 1, khoản 1 Điều 4, Điều 5 và Điều 6 của Quy chế. Thư ký Công ty Nhất trí không đưa nội dung về đại diện vốn vào Quy chế này	Các quy định về người đại diện vốn của Agribank tại ABIC đã quy định tại Quy chế người đại diện vốn của Agribank tại doanh nghiệp khác số 857/QĐ-HĐTV-TCTL ngày 13/11/2015 và Quyết định số 416/QĐ-HĐTV-TCTL ngày		

Handwritten signature/initials

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
11	<p>Điều 6. Quan hệ giữa các Người đại diện vốn</p> <p>Điều 2. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy định một số nội dung cơ bản về quản trị điều hành đảm bảo hoạt động thông suốt phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ ABIC, các chuẩn mực, thông lệ trong kinh doanh bảo hiểm; Quy định về chế độ trách nhiệm, lệ lối làm việc, quan hệ công tác và trình tự giải quyết công việc của ABIC.</p> <p>2. Quy chế này áp dụng đối với người quản trị, người điều hành, người quản lý, toàn thể cán bộ của ABIC và tổ chức, cá nhân có quan hệ công tác với ABIC.</p>	<p>Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quản trị nội bộ công ty quy định các nội dung về nguyên tắc quản trị nội bộ; vị trí, vai trò, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong quản trị công ty và các hoạt động quản trị nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng với Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát công ty và những người có liên quan.</p>	<p>28/7/2016 sửa đổi, bổ sung Quy chế 857 của HĐQT Agribank nêu các đại diện vốn sẽ thực hiện quyền hạn và tách nhiệm theo Quy chế này.</p> <p>- Chính sửa để phù hợp với mô hình Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật.</p>		

Ư

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần sơ thảo 25.03.2023
12	Điều 4. Cơ cấu bộ máy quản trị điều hành của ABIC 1. Người đại diện vốn của Agribank tại ABIC; 2. HĐQT; 3. Tổng Giám đốc; 4. Ban kiểm soát; 5. Kế toán trưởng; 6. Người quản lý khác của ABIC.	Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. HĐQT; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng Giám đốc	Sửa đổi, bổ sung Điều 4 đề phù hợp với Quy chế quản trị điều hành mẫu theo quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính và Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Công ty Cần nhắc bổ sung thêm mục 5. <i>Người quản lý, người kiểm soát khác của ABIC</i> (có 1 số chức danh do luật pháp quy định đề kiểm soát DN)	Bảo lưu đề phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát trong Điều lệ mới.
13		Điều 5: Quy định về Đại hội đồng cổ đông <i>Quyền và nghĩa vụ, trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 138, các quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp, Điều 16 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật khác.</i>	Quy định về Đại hội đồng cổ đông đề phù hợp với Thông tư 116.		
14	Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị HĐQT thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp,	Điều 7: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 1. HĐQT thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 153, các quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp, Điều 28	- Sửa đổi, bổ sung đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Công ty Cần nhắc nên bỏ cụm từ Điều 28. Vì quyền và nghĩa vụ của HĐQT còn được	Tiếp thu, chỉnh sửa thành "Điều 28 và các quy định liên quan tại Điều lệ Công ty"

Handwritten signature/initials

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
	Điều 28 Điều lệ ABIC, cụ thể như sau:	Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ khác của Công ty.		quy định tại các điều khác trong Điều lệ.	
15	Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị HĐQT thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Điều 28 Điều lệ ABIC, cụ thể như sau:	Điều 7: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ... 2. HĐQT ban hành những văn bản cơ chế thuộc về thẩm quyền của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và <i>các quy chế nội bộ</i> . Hình thức văn bản cơ chế do HĐQT ban hành gồm: nghị quyết, quyết định, quy chế. Điều 7: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ... 3. Để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT ban hành các quy chế, quy định nội bộ trong các lĩnh vực sau: a) Cơ cấu tổ chức bộ máy: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị thành viên; b) Đầu tư, mua sắm: Quy chế tài chính, Quy chế đầu tư tài chính, Quy chế mua sắm nội bộ; c) Phân cấp: Quy chế phân cấp; xếp hạng, xếp loại các đơn vị thành viên;	- Sửa đổi, bổ sung đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Cty Cần nhắc bỏ cụm từ cơ chế	Tiếp thu, chỉnh sửa
16	Điều 8. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị HĐQT thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Điều 28 Điều lệ ABIC, cụ thể như sau:	Điều 7: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị ... 3. Để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT ban hành các quy chế, quy định nội bộ trong các lĩnh vực sau: a) Cơ cấu tổ chức bộ máy: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị thành viên; b) Đầu tư, mua sắm: Quy chế tài chính, Quy chế đầu tư tài chính, Quy chế mua sắm nội bộ; c) Phân cấp: Quy chế phân cấp; xếp hạng, xếp loại các đơn vị thành viên;	- Sửa đổi, bổ sung đề phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ ABIC mới.	Thư ký Cty Cần nhắc bỏ nên liệt kê các quy chế hay không, vì có thể không đủ hoặc tên quy chế sau này không sửa được. CTHĐQT bỏ sung một số điểm	Tiếp thu chỉnh sửa: 3. Để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, HĐQT ban hành các quy chế, quy định nội bộ trong các lĩnh vực sau: a) Nhân sự; b) Cơ cấu tổ chức bộ máy; c) Đầu tư, mua sắm; d) Tài chính;

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
17	Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết công việc của Hội đồng quản trị 2. HĐQT là cơ quan quản trị của ABIC, có toàn quyền nhân danh ABIC để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ABIC,...	Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết công việc của Hội đồng quản trị 2. HĐQT là cơ quan <i>quản lý</i> của ABIC, có toàn quyền nhân danh ABIC để <i>quyết định</i> thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ABIC,... 4. HĐQT có thể ủy quyền <i>hoặc phân công</i> cho thành viên Ban Tổng giám đốc (trong trường hợp thành viên Ban	- Đề phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	Bổ khoản 4.	đ) Phân cấp; e) Lao động tiền lương, khen thưởng kỷ luật và sử dụng các quỹ; đ) Các lĩnh vực khác: Các quy chế, quy định nội bộ khác mà pháp luật quy định và các quy chế cần thiết khác.
					đ) Phân cấp; e) Lao động tiền lương, khen thưởng kỷ luật và sử dụng các quỹ; đ) Các lĩnh vực khác: Các quy chế, quy định nội bộ khác mà pháp luật quy định hoặc HĐQT thấy cần thiết phải ban hành. Việc triển khai sản phẩm bạc hiêm mới do HĐQT Công ty quyết định Tiếp thu chỉnh sửa Chuyển khoản 7 và 9 sang Điều 12 về Chủ tịch HĐQT.

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bò, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
18	Điều 9. Trình tự, thủ tục giải quyết công việc của Hội đồng quản trị 6. HĐQT ra quyết định theo cơ chế tập thể trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các phòng, ban tại Trụ sở chính và kiến nghị của Ban kiểm soát.	Tổng giám đốc do kiểm Thành viên HĐQT thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của HĐQT theo quy định tại Điều lệ hoặc các văn bản nội bộ khác. Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết công việc của Hội đồng quản trị 6. HĐQT ra nghị quyết, quyết định theo cơ chế tập thể trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính. Kiến nghị của Ban kiểm soát sẽ được HĐQT xem xét nếu phù hợp với lợi ích chung của Công ty.	- Đề phù hợp với Điều lệ và mô hình tổ chức mới của Công ty.	Khoản 6 bỏ cụm từ Chủ tịch HĐQT và BKS. Thư ký Cty Cần nhắc chính sửa nội dung: Kiến nghị của BKS... thành “Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan	5. HĐQT ra nghị quyết, quyết định theo cơ chế tập thể trên cơ sở đề nghị của Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, các Ủy ban, Ban, Phòng tại Trụ sở chính. (bỏ đối tượng BKS vì BKS không trình HĐQT mà kiến nghị HĐQT đã nêu ở phần sau)



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
19		Điều 8. Trình tự, thủ tục giải quyết công việc của Hội đồng quản trị 7. Chủ tịch HĐQT ra quyết định theo thẩm quyền đối với những việc đã quy định về thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT tại Điều lệ hoặc tại các Quy chế <i>nội bộ</i> khác hoặc các công việc được HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT; Chủ tịch HĐQT phân công, ủy quyền, giao nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, hoặc các đơn vị và cá nhân có liên quan. 9. Chủ tịch HĐQT là người đứng đầu Công ty, thực hiện các hoạt động đối nội, đối ngoại nhân danh Công ty, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc Công ty đảm bảo hoạt động tại Công ty thống nhất, kỷ cương và hiệu quả.		Xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời". Chuyển khoản 7 và 9 sang Điều 12.	Tiếp thu chỉnh sửa Chuyển khoản 7 và 9 sang Điều 12 về Chủ tịch HĐQT.
20	Điều 10. Thứ tự ưu tiên khi xử lý công việc 1. Các công việc có thời hạn phải được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ. Các cá nhân, đơn vị không đáp	Điều 9. Thứ tự khi xử lý công việc 1. Các công việc có thời hạn phải được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ. Các cá nhân, đơn vị không đáp ứng được tiến độ thời gian phải được báo	- Chính sửa đề phù hợp với mô hình Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật.	Khoản 1 sửa cụm từ "người chỉ đạo" thành "người có thẩm quyền".	Tiếp thu chỉnh sửa: Bổ khoản 4, khoản 1 và khoản 3 chỉnh sửa như sau:



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bỏ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư lý Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
	<p>ting được tiến độ thời gian phải được báo cáo người chỉ đạo và phải được chấp thuận của của người chỉ đạo.</p> <p>2. Trong cùng một khoảng thời gian, nếu có nhiều công việc được giao, người được giao việc phải thu xếp để hoàn thành theo tính chất khẩn trương và mức độ quan trọng của sự việc. Thứ tự xử lý ưu tiên như sau: các chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc. Trong trường hợp nhận thấy có những việc buộc phải xử lý không đúng theo thứ tự trên, báo cáo lại Chủ tịch HĐQT để quyết định.</p> <p>3. Di công tác hoặc tổ chức các cuộc họp: Ưu tiên các cuộc họp, lịch đi công tác theo thứ tự của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc. Các cá nhân, đơn vị cần cử vào lịch trình của cấp trên để bố trí, sắp xếp thời gian và địa điểm họp lý, tránh chồng chéo. Trong</p>	<p>cáo người chỉ đạo và phải được chấp thuận của của người chỉ đạo.</p> <p>2. Trong cùng một khoảng thời gian, nếu có nhiều công việc được giao, người được giao việc phải thu xếp để hoàn thành theo tính chất khẩn trương và mức độ quan trọng của công việc. Thứ tự xử lý công việc như sau: các chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Trong trường hợp nhận thấy có những việc buộc phải xử lý không đúng theo thứ tự trên, báo cáo lại Chủ tịch HĐQT để quyết định.</p> <p>3. Di công tác hoặc tổ chức các cuộc họp: Ưu tiên các cuộc họp, lịch đi công tác theo thứ tự: Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân, đơn vị cần cử vào lịch trình của cấp trên để bố trí, sắp xếp thời gian và địa điểm họp lý, tránh chồng chéo. Trong trường hợp không bố trí được, báo cáo lại Chủ tịch HĐQT để quyết định; Việc đi công tác, tổ chức các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc (trừ các cuộc họp thường xuyên của các hội đồng đã được thành lập theo quyết định) phải được báo cáo trước với Chủ tịch HĐQT theo một trong các hình thức (bằng văn bản, bằng email, điện thoại, lịch làm việc của Ban Tổng Giám đốc) để</p>		<p>- Khoản 3 bổ sung cụm từ “chuẩn bị tài liệu”</p> <p>- Bỏ khoản 4 để đưa vào Quy chế văn thư.</p>	<p>1. Các công việc có thời hạn phải được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.</p> <p>Các cá nhân, đơn vị không đáp ứng được tiến độ thời gian phải được báo cáo người có thẩm quyền và phải được chấp thuận của người có thẩm quyền.</p> <p>3. Di công tác hoặc tổ chức các cuộc họp: Ưu tiên các cuộc họp, lịch đi công tác theo thứ tự: HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc. Các cá nhân, đơn vị cần cử vào lịch trình của cấp trên</p>



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023 để chuẩn bị tài liệu, bỏ túi, sắp xếp thời gian...
	trường hợp không bố trí được, báo cáo lại Chủ tịch HĐQT để quyết định; Việc di công tác, tổ chức các cuộc họp của Người điều hành (trú các cuộc họp thường xuyên của các hội đồng đã được thành lập theo quyết định) phải được báo cáo trước với Chủ tịch HĐQT theo một trong các hình thức (bằng văn bản, bằng email, điện thoại, lịch làm việc của Ban điều hành) để đảm bảo các lịch làm việc, nội dung làm việc được thống nhất và Chủ tịch HĐQT hoặc Thành viên HĐQT có thể cùng tham dự và chỉ đạo.	đảm bảo các lịch làm việc, nội dung làm việc được thống nhất và Chủ tịch HĐQT hoặc Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT phân công có thể cùng tham dự và chỉ đạo.			



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
21	Điều 11. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị 1. HĐQT thành lập các ban để tham mưu, giúp việc HĐQT trong quá trình quản trị và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT bao gồm: Ban Kiểm tra, kiểm soát nội bộ, Ban Quản lý rủi ro. 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của ban, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên ban do HĐQT quy định.	Điều 10. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị <i>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập ủy ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của ủy ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của ủy ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của ủy ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của ủy ban. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</i> <i>2. HĐQT thành lập các ban để tham mưu, giúp việc HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.</i>	- Để phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	Bổ sung các Ban thuộc HĐQT. Thư ký Cty Cần nhắc nên bỏ quy định về các ủy ban và thư ký Cty, vì trong Quy chế hoạt động của HĐQT cũng đã có quy định này.	Bổ sung thêm "Ban" thuộc HĐQT. Bảo lưu như Dự thảo đối với góp ý của Thư ký Cty đề đàm bảo kết cấu bộ máy giúp việc của HĐQT. Hơn nữa, "Người phụ trách quản trị Cty" chưa được quy định trong dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.
22		Điều 10. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị <i>3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của ủy ban: số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện</i>		Thư ký Cty 3. Cần nhắc đến tiêu chuẩn, điều	Tiếp thu, chỉnh sửa: "3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền

Ư

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPS-T	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
		<p>của các thành viên ủy ban do HĐQT quy định.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị công ty và thư ký công ty</p> <p>a) Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.</p> <p>b) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>c) Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; - Tham dự các cuộc họp; 		<p>kiến... vì Ủy ban kiểm toán được luật quy định rất chi tiết</p>	<p>hạn cụ thể của ủy ban, ban, số lượng thành viên ủy ban, ban theo quy định của HĐQT. Tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên ủy ban tuân thủ theo quy định "Pháp luật"</p>

CE

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bò, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPT	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
23	Điều 12. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị	<p>Điều 11. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Bổ sung thêm các thuật ngữ <i>Lý ban, Người phụ trách quản trị công ty.</i></p> <p>2. Nghị quyết, quyết định của HĐQT là văn bản quản trị điều hành có hiệu lực cao</p>	- Để phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	Bổ sung các từ “dãy đủ” tại khoản 2, “đón đốc” và các quyết định, chỉ đạo của	Tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo.

ƯC

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bó, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
		nhất (sau Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Mọi đơn vị, cá nhân trong Công ty cần chú chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm, nghĩa vụ tổ chức, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.		CTHĐQT" tại khoản 3,	
		3. Các Ủy ban, Ban thuộc HĐQT, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm kiểm tra, <u>kiểm soát</u> , giám sát, <u>đôn đốc</u> việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và các quyết định, chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT			
24		<p>Điều 12. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	- Đề phù hợp với mô hình Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật và Điều lệ ABIC mới.	Khoản 4 bỏ từ đoạn "Người đại diện theo pháp luật..." Bỏ khoản 6. Khoản 9 chuyển từ Điều 8 bỏ đoạn "phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị thuộc Công ty"	Tiếp thu chỉnh sửa. Đã chuyển khoản 7 và khoản 9 Điều 8 sang Điều 12.



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
25	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát ABIC thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165, 166 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ ABIC, cụ thể như sau: ...	Điều 14: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát Ban Kiểm soát ABIC thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, các quy định liên quan trong Luật Doanh nghiệp, Điều 40 Điều lệ ABIC, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và các quy định nội bộ khác của ABIC. HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm nghiên cứu nhưng kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo của Ban kiểm soát, chỉ đạo các bộ phận tham	- Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ ABIC mới.	Bổ sung "HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có trách nhiệm nghiên cứu những kiến nghị, khuyến nghị, cảnh báo của Ban kiểm soát, chỉ đạo các bộ phận tham mưu tổ chức triển	Tiếp thu, chỉnh sửa theo góp ý vào dự thảo.

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
26	<p>Mục 4</p> <p>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH</p> <p>Điều 15. Người điều hành</p> <p>1. Người điều hành là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của ABIC được ghi nhận trong Điều lệ. Quyền hạn và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật do Pháp luật và Điều lệ ABIC quy định.</p> <p>3. Người điều hành quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của ABIC theo chính sách, định hướng của HĐQT, chịu sự giám sát của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban kiểm soát.</p>	<p>Mục 5</p> <p>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN TÔNG GIÁM ĐỐC</p> <p>Điều 15. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc</p> <p>Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ ABIC, quy chế nội bộ của ABIC.</p> <p>Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc quy định tại Điều 36 Điều lệ ABIC.</p> <p>2. Trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và phân công, ủy quyền của Người đại diện theo pháp</p>	<p>- Để phù hợp với mô hình Chủ tịch HĐQT là Người đại diện theo pháp luật và Điều lệ ABIC mới.</p>	<p>- Tiêu đề Mục 5 bỏ cụm từ "thành viên Ban Tổng Giám đốc".</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa và bổ sung vào Dự thảo.</p>



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Có ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	<p>Điều 16. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành Việc lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm Người điều hành được thực hiện theo quy định tại Điều lệ ABIC và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Người điều hành Quyền và nghĩa vụ của Người điều hành là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý khác do HĐQT phê chuẩn quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 33 Điều lệ ABIC và quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:</p> <p>1. Tổng Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a) Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của ABIC đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p>	<p>luật, Tổng giám đốc tổ chức thực hiện các công việc sau:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, kiểm soát trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc.</p> <p>g) Tuyển dụng lao động.</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>ì) Hàng năm, Tổng giám đốc phải xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở dự ứng các yếu</p>			

16

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Có ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	<p>b) Quyết định tất cả các vấn đề, bao gồm việc thay đổi ABIC ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của ABIC theo quy chế, quy định, quy trình của ABIC và theo những thông lệ quản lý tốt nhất (từ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Chủ tịch HĐQT);</p> <p>c) Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà ABIC cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>đ) Hàng năm trình xin ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên</p>	<p>câu của mục tiêu, định hướng phát triển công ty và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính năm (05) năm.</p> <p>k) Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến), kế hoạch triển khai theo từng lĩnh vực cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>l) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>m) Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật. Điều lệ này, hợp đồng lao động đã ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trong trường hợp điều hành trái với quy định tại</p>		<p>- Điểm k khoản 2 bổ sung cụm từ "kế hoạch ngân sách theo từng lĩnh vực".</p>	



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cấp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo
	<p>quan đến hợp đồng lao động của người lao động;</p> <p>e) Đề xuất những biện pháp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh và quản lý của ABIC,</p> <p>f) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của ABIC (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của ABIC theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của ABIC;</p> <p>g) Vào ngày 31/10 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng được các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng</p>	<p><i>khuyến nghị mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.</i></p> <p><i><u>n) Tổng giám đốc có trách nhiệm ban hành văn bản phân công trong Ban tổng giám đốc. Văn bản phân công này gửi HĐQT và Ban kiểm soát để biết.</u></i></p> <p><i><u>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT.</u></i></p>		<p>- Khoản 2 bổ sung nội dung "Tổng giám đốc có trách nhiệm ban hành văn bản phân công trong Ban tổng giám đốc. Văn bản phân công này gửi HĐQT và Ban kiểm soát để biết".</p>	<p>phần 25.03.2023</p>

CS

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ bộ thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận sơ bộ thảo 25.03.2023
	<p>năm;</p> <p>h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ ABIC và các quy chế của ABIC, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và pháp luật.</p> <p>2. Các quyết định của Người điều hành phải được gửi đến HĐQT để báo cáo.</p> <p>3. Người điều hành phải có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và của mình. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm cuối cùng trong việc kiểm tra, giám sát và đôn đốc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và những công việc đã phân công, ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc.</p> <p>4. Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ, ban hành quy chế làm việc trong hoạt động điều hành để đảm bảo hoạt động của ABIC được thông suốt, an toàn, hiệu quả</p>				



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
27	<p>theo đồng quy định của HĐQT và pháp luật.</p> <p>Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Phó Tổng Giám đốc</p> <p>1. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc Tổng Giám đốc, được sử dụng quyền hạn và nhân danh Tổng Giám đốc khi chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực được phân công hoặc ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT, trước pháp luật về các quyết định của mình và chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong mảng nghiệp vụ được phụ trách và những công việc Tổng Giám đốc phân công, ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc, cụ thể như sau:</p> <p>a) Chủ động chỉ đạo, điều hành, giải quyết các công việc và các vấn đề phát sinh thuộc lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách;</p> <p>b) Ký thay Tổng Giám đốc tất cả các văn bản gồm: văn bản chỉ đạo</p>			Bổ Điều 18	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>Vì đây nằm trong văn bản phần công của TGD cho các Phó TGD</p>

la

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ bộ thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Có ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần sơ bộ thảo 25.03.2023
	<p>điều hành, văn bản hướng dẫn quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, văn bản gửi trong và ngoài ngành (trừ các nội dung thuộc Tổng Giám đốc phụ trách); hợp đồng giao dịch có liên quan đến lĩnh vực, chuyên đề được phân công theo quy định của pháp luật và của ABIC;</p> <p>e) Trường hợp công việc liên quan đến lĩnh vực của các Phó Tổng Giám đốc khác thì chủ động phối hợp để giải quyết, nếu chưa thống nhất được thì Phó Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách văn đề đó sẽ báo cáo Tổng Giám đốc xem xét quyết định;</p> <p>d) Chủ động báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý với Tổng Giám đốc các vấn đề có nguy cơ gây rủi ro, thiệt hại cho ABIC;</p> <p>e) Các vấn đề tranh chấp với khách hàng liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm cần đưa ra giải quyết tại Tòa án hoặc Trọng tài thương mại thì Phó Tổng Giám đốc phải có văn bản báo cáo Tổng Giám đốc trước</p>				

CS

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của Bộ phận sơ thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư lý Công ty	Tiếp thu của bộ phần sơ thảo 25.03.2023
	<p>khí quyết định;</p> <p>f) Tổ chức thực hiện, quản lý, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực, chuyên đề được phân công phụ trách, đảm bảo các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nếu phát hiện sai phạm trong đơn vị được phân công phụ trách có quyền đình chỉ việc thực hiện sai phạm đó và báo cáo Tổng Giám đốc bằng văn bản.</p> <p>2. Phó Tổng Giám đốc chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm toàn bộ các công việc thuộc lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách không cần có sự phê duyệt của Tổng Giám đốc. Trường hợp cần thiết, Phó Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến Tổng Giám đốc trước khi thực hiện (không bắt buộc).</p> <p>3. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng Giám đốc, HĐQT và trước pháp luật về kết quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ và các quyết định của mình trong</p>				

la

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sở, ban, ngành, địa phương...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	công việc được phân công phụ trách.				
28	Điều 19. Kế toán trưởng 1. Kế toán trưởng ABIC có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của ABIC theo đúng quy định của pháp luật; giúp HĐQT, người đại diện theo pháp luật giám sát tài chính của ABIC; chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. 2. Quyền hạn, trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật kế toán và Điều lệ của ABIC.	Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Kế toán trưởng 1. Kế toán trưởng Công ty có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác <u>tài chính</u> kế toán, thống kê của Công ty theo đúng quy định của pháp luật; giúp HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc giám sát tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ của mình. 2. Việc lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ ABIC, quy chế bổ nhiệm của ABIC và quy định pháp luật có liên quan. 3. Quyền hạn, trách nhiệm và phạm vi giải quyết công việc của Kế toán trưởng được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và Điều lệ ABIC.	Để phù hợp với Điều lệ ABIC mới.	<i>Khoản 1 sửa cụm từ "được phân công và ủy quyền" thành "của mình".</i> <i>Thư ký Công ty</i> 1. Tham khảo quy định sau đây: Điều 55 của Luật kế toán số 88/2015/QH13 có quy định về quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng như sau:	- Tiếp thu, chỉnh sửa



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bò, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
				<p>1. Kế toán trưởng có trách nhiệm soạn thảo:</p> <p>a) Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong đơn vị kế toán;</p> <p>b) Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật này;</p> <p>c) Lập báo cáo tài chính tuân thủ chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán.</p> <p>2. Cần nhắc tên gọi Quy chế bỏ nhiệm: ABIC có Quy chế cán bộ hoặc Quy chế quản lý người</p>	<p>-Tiếp thu, chỉnh sửa thành "quy định mới bộ của Công ty".</p>



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Có ý của thành viên HĐQT và Thư lý Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
29	Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý các đơn vị	Điều 19. Quyền và nghĩa vụ của Người quản lý các đơn vị <i>trực thuộc</i>	- Sửa lại cho rõ nghĩa và phù hợp với quy định của ABIC.	<i>giữ chức danh chức vụ.</i>	
30	Điều 21. Người lao động không giữ chức danh chức vụ của ABIC Tổng Giám đốc ban hành quy chế quản lý lao động quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, phương thức tuyển chọn, chế độ tiền lương, thù lao, nội quy lao động, chế độ khen thưởng, kỷ luật người lao động trong ABIC. Quyền và trách nhiệm của người lao động được xác định theo từng vị trí công việc cụ thể, cơ bản như sau:	Điều 20. Người lao động không giữ chức danh, chức vụ <i>tại</i> ABIC Người lao động không giữ chức danh, chức vụ tại ABIC có quyền và nghĩa vụ được xác định theo từng vị trí công việc cụ thể, cơ bản như sau:	- Sửa chữ "của" thành chữ "tại" cho phù hợp. - Sửa lại cho ngắn gọn vì người lao động tại ABIC nói chung phải thực hiện theo các quy chế do HĐQT ban hành, quy định/quy trình... do TGD ban hành do vậy không nêu cụ thể vì sẽ không hết. Hơn nữa, tại khoản 4 Điều này đã có quy định bao gồm đầy đủ. - Đề xuất bỏ từ "cá nhân".		
	3. Chịu trách nhiệm <u>sá nhân</u> về ý kiến đề xuất, tiền đồ, chất lượng, hiệu quả của công việc được giao; 4. Thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm khác của người lao	3. Chịu trách nhiệm về ý kiến đề xuất, tiền đồ, chất lượng, hiệu quả của công việc được giao; 4. Thực hiện các <u>quyền và nghĩa vụ</u> khác của người lao động theo quy định của pháp luật, ABIC và đơn vị.			

12

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023	
31	<p>Điều 22. Nhiệm vụ của Chuyên gia tính toán</p> <p>Nhiệm vụ của chuyên gia tính toán được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:</p> <p>6. Báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Tổng Giám đốc, HĐQT về mọi vấn đề bất thường có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của ABIC. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của ABIC, chuyển gia tính toán dự</p>	<p>Điều 21. Chuyên gia tính toán</p> <p>Nhiệm vụ của chuyên gia tính toán được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Cụ thể như sau:</p> <p>6. Báo cáo kịp thời bằng văn bản cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, về mọi vấn đề bất thường có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của ABIC. Trong trường hợp nghiêm trọng có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của ABIC, chuyển gia tính toán dự phòng</p>	<p>- Chính sửa các nội dung tương tự ở các điều khoản khác trong Dự thảo quy chế thành "quyển và nghĩa vụ" để đảm bảo tính thống nhất và phù hợp với quy định pháp luật.</p>	<p>- Sửa lại để khi có sự thay đổi quy định pháp luật không phải sửa đổi quy chế.</p> <p>- Sửa đổi cho phù hợp với mô hình tổ chức của ABIC.</p>	<p>Thư ký Cty Nên sửa thành: ...theo quy định của Luật KDBH và các quy định pháp luật khác...</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung cụm từ "theo quy định của Luật KDBH và các quy định pháp luật khác..."</p>

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (BỘ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	phòng nghiệp vụ và khả năng thanh toán phải báo cáo trực tiếp Bộ Tài chính;	ng nghiệp vụ và khả năng thanh toán phải báo cáo trực tiếp Bộ Tài chính;			
32	Điều 23. Quy định chung 2. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ trách nhiệm người đứng đầu đồng thời phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao của từng người lao động ABIC. Mọi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước tổ chức, cấp trên và pháp luật về các quyết định của mình. 6. Việc phân công, phân cấp, ủy quyền phải được lập thành văn bản dưới hình thức quy chế, quy trình hoặc văn bản riêng với đầy đủ các nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật và ABIC.	Điều 22. Quy định chung 2. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ và chế độ trách nhiệm người đứng đầu đồng thời phát huy cao độ tinh thần chủ động sáng tạo, phối hợp thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao của từng người lao động ABIC. Mọi cá nhân phải chịu trách nhiệm trước <i>cấp trên, tổ chức và pháp luật</i> về các quyết định của mình. 6. Việc phân công, phân cấp, ủy quyền phải được lập thành văn bản dưới hình thức <i>quy chế, quy định, quy trình</i> hoặc văn bản riêng với đầy đủ các nội dung, hình thức theo quy định của pháp luật và ABIC.	- Sửa đổi để đảm bảo tính thông nhất theo thứ tự từ thấp đến cao. - Sửa đổi cho phù hợp với quy định nội bộ của ABIC.		
33	Điều 24. Phân công Phân công là việc người quản lý có thẩm quyền (người phân công) giao nhiệm vụ cho các cá nhân cùng cấp (người được phân công). 1. Thẩm quyền phân công:	Điều 23. Phân công Phân công là việc người đứng đầu mỗi cấp (người phân công) <i>giao công việc</i> cho các cá nhân cùng cấp (người được phân công). 1. Thẩm quyền phân công:	- Sửa đổi cho rõ nghe và hạn chế lặp lại khái niệm. - Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với mô		

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bó, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	a) Người quản lý đứng đầu đơn vị có quyền phân công cho các thành viên trong đơn vị mình bao gồm cả người quản lý là cấp phó của đơn vị. Người quản lý là cấp phó có quyền phân công cho các thành viên trong phạm vi lĩnh vực được người quản lý là cấp trưởng phân công, ví dụ: Chủ tịch HĐQT giao nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc phân công công việc cho các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng phòng phân công cho Phó phòng...	a) Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT có quyền phân công cho các thành viên HĐQT. b) Tổng Giám đốc phân công cho thành viên Ban Tổng Giám đốc. c) Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc có quyền phân công cho các cá nhân trong đơn vị.	hình tổ chức của ABIC	Điểm a khoản 1 bỏ cụm từ "thay mặt HĐQT". Thư ký Cty l. c) Đề nghị bỏ cụm từ trực thuộc để thống nhất với mục giải thích từ ngữ.	Tiếp thu, chỉnh sửa.
34	b) Trong trường hợp cần thiết người quản lý đứng đầu đơn vị có thể phân công trực tiếp xuống cấp dưới liên kế, ví dụ: Tổng Giám đốc có thể phân công cho người quản lý là cấp phó của đơn vị cấp dưới liên kế như Phó Giám đốc Chi nhánh...	Điều 24. Phân cấp			
	Điều 25. Phân cấp	1. Phân cấp là việc chia thành các cấp, các hạng quản lý, cấp trên (người phân cấp) giao trách nhiệm cho cấp dưới trong hệ thống quản lý. Người chịu trách nhiệm cuối cùng là cấp	- Bỏ từ "các hạng" vì mô hình tổ chức của ABIC hiện nay chưa có		

48

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ bộ thảo (BĐ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần sơ bộ thảo 25.03.2023
	<p>ly. Người chịu trách nhiệm cuối cùng là cấp được giao quyền quản lý (người được phân cấp).</p> <p>4. HĐQT ban hành quy chế phân công trong từng lĩnh vực: giao kết, thực hiện hợp đồng, bảo hiểm và giám định bồi thường; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản... và các quy chế phân cấp cần thiết khác.</p>	<p>được giao quyền quản lý (người được phân cấp).</p> <p>2. Công ty được chia thành 02 cấp quản lý: cấp Trụ sở chính và cấp Chi nhánh (đơn vị thành viên).</p> <p>4. HĐQT ban hành quy chế <u>phân cấp</u> trong từng lĩnh vực: giao kết, thực hiện hợp đồng, bảo hiểm và giám định bồi thường; quản lý đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản... và các quy chế phân cấp cần thiết khác.</p>	<p>quy định các hạng quản lý.</p> <p>- Sửa đổi cho phù hợp với quy định nội bộ của ABIC.</p>	<p>Khoản 2 sửa cụm từ "đơn vị trực thuộc: thành "đơn vị thành viên".</p>	<p>Tiếp thu chỉnh sửa.</p>
35	<p>Điều 27. Trách nhiệm của trọng, trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các ban của HĐQT, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của ABIC và với mức độ cần trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Điều 26. Trách nhiệm của trọng, trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người kiểm soát khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều lệ ABIC mới.</p>		

18

SIT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	<p>2. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho ABIC vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của ABIC mà họ có thể được hưởng thông qua các phép nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.</p> <p>4. ABIC không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc phép nhân mà những</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý, người kiểm soát khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người</p>			

18

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ bộ thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư lý Công ty	Tiếp thu của bộ phần sơ bộ thảo 25.03.2023
	<p>người này có các lợi ích tài chính, tư khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>5. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của ABIC hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.</p>	<p><i>Khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</i></p> <p><i>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tín thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</i></p> <p><i>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 5% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch dẫn đến có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những</i></p>			

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế S9)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
36	Điều 28. Nguyên tắc tuân thủ trong quản trị điều hành Cán bộ cấp dưới giúp việc và nhân viên theo chỉ đạo của cấp trên. Cán bộ tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo; cấp phó tham mưu, giúp việc cho cấp trưởng. Cấp phó có quyền có ý kiến khác hoặc bảo lưu nhưng đối với chỉ đạo của cấp trưởng không trái pháp luật, điều lệ, quy định của ABIC thì cấp phó phải có	<i>nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</i> 7. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý, người kiểm soát khác và người có quan hệ gần gũi của những người này hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.	Không còn phù hợp với Thông tư 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022 của Bộ Tài chính quy định về quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ.		



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	trách nhiệm chấp hành, tổ chức thực hiện.				
37	<p>Điều 29. Kiểm soát tuân thủ</p> <p>1. Thư ký Công ty là đầu mối giúp HĐQT theo dõi, đôn đốc việc tuân thủ quy chế làm việc theo chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của HĐQT, việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT đã ban hành.</p> <p>2. Phòng Thư ký Pháp chế Trụ sở chính là đầu mối theo dõi, đôn đốc việc chấp hành tuân thủ các chỉ đạo, nhiệm vụ được giao của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại các kỳ họp giao ban hàng tháng, hội nghị sơ kết, tổng kết toàn Công ty và các văn bản kết luận, chỉ đạo hội nghị do Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc ký ban hành.</p>	Bổ Điều này	Không còn phù hợp với Thông tư 70/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022 của Bộ Tài chính quy định về quản trị nội ro, kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ. TT 70 quy định nội dung KSIT gắn với hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động kiểm tra Cty sẽ phải ban hành quy trình kiểm soát nội bộ (trong đó có việc việc kiểm soát tuân thủ)	Thư ký Cty Nhất trí, sắp tới cty sẽ có mô hình về ktra, giám sát, kiểm soát theo Thông tư 70.	



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bỏ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
38	<p>Điều 31. Phái hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</p> <p>1. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho ABIC thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.</p>	<p>Điều 28. Phái hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</p> <p>1. HĐQT đảm bảo tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho ABIC thì Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh nghị quyết, quyết định thì Ban Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.</p> <p>3. HĐQT hoặc Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có thể yêu cầu Ban Tổng giám đốc tạm dừng, điều chỉnh một số quyết định, chỉ đạo nếu nhận thấy các quyết</p>	<p>giao thực hiện theo Quy định 5634/2019 hiện hành (không đưa vào Quy chế quản trị nội bộ).</p>	<p>Thư ký Cty</p> <p>Nhất trí, có thể tham khảo thêm điều 22 dự thảo Quy chế HD của HĐQT</p>	

14

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ bộ thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần sơ bộ thảo 25.03.2023
	<p>3. HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có thể yêu cầu Tổng giám đốc tạm dừng, điều chỉnh một số quyết định, chỉ đạo nếu nhận thấy các quyết định hoặc chỉ đạo đó không có lợi hoặc tồn tại đến lợi ích của Công ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc ABIC có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của ABIC và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ABIC.</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT chuyên trách tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Tổng Giám đốc chủ trì để lắng nghe và chỉ đạo hội nghị.</p> <p>6. Tại các cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban Trợ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu cần thiết).</p> <p>7. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý, người kiểm soát (trừ Ban kiểm soát) có trách nhiệm báo cáo về những thông tin hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ và trong thời</p>	<p>dinh hoặc chỉ đạo đó không có lợi hoặc tồn tại đến lợi ích của Công ty.</p> <p>4. Ban Tổng Giám đốc ABIC có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của ABIC và việc chỉ đạo điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ABIC.</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Ban Tổng Giám đốc chủ trì để lắng nghe và chỉ đạo hội nghị.</p> <p>6. Tại các cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban Trợ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu cần thiết).</p> <p>7. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý, người kiểm soát (trừ Ban kiểm soát) có trách nhiệm báo cáo về những thông tin hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ và trong thời</p>			<p>- Khoản 7 sửa cụm từ "cán bộ quản lý" thành "người quản lý", bổ sung cụm từ</p>

12

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	<p>tích HĐQT ủy quyền chủ trì cuộc họp HĐQT có thể quyết định mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc tham dự, báo cáo công việc cụ thể có liên quan và tham gia ý kiến (nếu cần thiết).</p> <p>7. Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian ngắn nhất.</p> <p>8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của ABIC, báo cáo thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của ABIC, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.</p>	<p>gian ngắn nhất để Chủ tịch HĐQT nắm bắt kịp thời.</p> <p>8. Định kỳ hàng quý, hàng năm, Ban Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh của ABIC, báo cáo thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông cho Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT cùng kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của ABIC, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.</p>		<p>"người kiểm soát (trừ Ban kiểm soát)".</p> <p>- Khoản 8 bỏ từ "Ban" trong Ban Tổng Giám đốc.</p>	

la

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bổ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	đền uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của ABIC, Tổng Giám đốc và người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.				
39		<p>Điều 28. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</p> <p>9. Thành viên HĐQT theo lĩnh vực được Chủ tịch HĐQT phân công có quyền đề nghị yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị như sau:</p> <p>a) Đề nghị Ban Tổng Giám đốc bằng văn bản hoặc các phương thức điện tử hợp pháp, hợp lệ khác đến Ban Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị, bộ phận cung cấp.</p> <p>b) Trường hợp thành viên HĐQT yêu cầu trực tiếp đối với đơn vị, cá nhân trong Công ty cung cấp thì thành viên HĐQT đó đồng thời gửi văn bản thông báo</p>	<p>- Bổ sung mục 9 đề phù hợp với Điều 159 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và nhằm quy định cụ thể hơn mối quan hệ phối hợp giữa thành viên HĐQT với Ban Tổng Giám đốc.</p> <p>- Đề đáp ứng yêu cầu về quản trị điều hành.</p>	<p>Góp ý có quy định về phối hợp cung cấp thông tin.</p> <p>Bổ sung đề nghị cung cấp thông tin bằng phương thức điện tử, bổ sung nội dung “chỉ đạo, giám sát thực hiện. Các cá nhân liên quan có trách nhiệm báo mới thông tin theo quy định”.</p>	<p>Tiếp thu chính sửa theo hướng bỏ Khoản 9 Điều 28 vì: sẽ được quy định trong Quy chế Hoạt động của HĐQT.</p>



STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
40	Điều 29. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Điều 28. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 2. HĐQT đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT (trừ các trường hợp đặc biệt). 3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ theo quy định, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.		Bỏ cụm từ "nếu cần thiết"	Tiếp thu chỉnh sửa
41	Điều 34. Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban	Điều 31. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Kế toán	Sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ ABIC mới và mô	Bổ sung cụm từ "Kế toán trưởng"	Tiếp thu, chỉnh sửa

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bỏ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	<p>Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong ABIC</p> <p>1. Phương thức: Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong ABIC thực hiện thông qua việc tự đánh giá nhân xét, tổ chức họp kiểm điểm.</p> <p>Việc đánh giá được thực hiện định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo quyết định của HĐQT.</p> <p>2. Thẩm quyền:</p> <p>2.1. Thẩm quyền phê duyệt: Cấp nào quyết định bổ nhiệm thì cấp đó có thẩm quyền phê duyệt khen thưởng, kỷ luật, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ.</p> <p>2.2. Trình tự đánh giá cán bộ:</p> <p>a) HĐQT đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>b) Chủ tịch HĐQT đánh giá hoạt động của các chức danh do Chủ</p>	<p><i>trưởng và Người quản lý các đơn vị trực thuộc trong hoạt động quản lý, kiểm soát Công ty</i></p> <p>1. HĐQT đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Chủ nhiệm các Ủy ban.</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT đánh giá hoạt động của Trưởng, Phó các Ban trực thuộc HĐQT và Người đứng đầu các đơn vị đơn vị trực thuộc.</p> <p>3. Tổng Giám đốc hoặc người được phân công/ ủy quyền đánh giá hoạt động của những người quản lý còn lại.</p> <p>4. Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>5. Việc xử lý kỷ luật, khen thưởng trong hoạt động quản trị điều hành thực hiện theo các quy định có liên quan của ABIC.</p>	<p>hình Chủ tịch chuyên trách.</p> <p>- Đề bỏ sung thiếu số 1 của Quy chế 59.</p>	<p>Thư ký Cty</p> <p>1,2: Đề nghị Bỏ "Ủy ban" ở mục 2 và chuyển lên mục 1.</p>	

18

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận soạn thảo 25.03.2023
	<p>tích HĐQT bỏ nhiệm theo đề nghị của Tổng giám đốc.</p> <p>c) Tổng giám đốc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức hành chính.</p> <p>d) Ban kiểm soát đánh giá hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>5. Tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và người quản lý khác trong ABIC bao gồm:...</p>				
42		<p>Điều 31. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý các đơn vị trực thuộc trong hoạt động quản lý, kiểm soát Công ty</p> <p>6 Tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý các đơn</p>	<p>Phân biệt đánh giá, xếp loại lao động hàng tháng (để xếp lương) với đánh giá hoạt động trong công tác quản lý, kiểm soát Công ty</p>	<p>Bổ sung Kế toán trưởng, bỏ từ "thành viên" tương ứng từ viên BKS".</p> <p>- Khoản 6 bỏ đoạn "Tiêu chí đánh giá hoạt động..."</p>	<p>Tiếp thu, chỉnh sửa.</p> <p>- Bỏ đoạn nội dung bị trùng lặp.</p> <p>- Bổ sung tiêu chí: <u>tiến độ</u> và <u>chấp hành</u> <u>đường lối chủ trương</u> <u>chính</u></p>

12

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do để nghị sửa đổi của BPST	Góp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
		<p>Vị trí thực trong ABIC được thực hiện theo các quy định nội bộ của Công ty bao gồm:</p> <p>a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, <u>tiến độ</u>, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.</p> <p><u>b) Chấp hành đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.</u></p> <p>c) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhân tính, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, chủ trương, cơ chế, quy chế, quy định của Công ty và pháp luật.</p> <p>d) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.</p> <p><u>đ) Năng lực tham mưu, quản lý; phong cách, thái độ trong quản lý công việc; khả năng hướng dẫn, đào tạo nhân sự dưới quyền.</u></p>		<p>Bổ sung tiêu chí chấp hành chủ trương của Đảng theo quy định tại Điều 12 Nghị định 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.</p> <p>Thư ký Cty</p> <p>6,a) Đề nghị Bổ sung tiêu chí “<u>tiến độ</u>”</p> <p>6d) đề nghị bổ sung nội dung được bôi đỏ (Năng lực tham mưu, khả năng hướng dẫn, đào tạo nhân sự dưới quyền)</p>	<p><u>sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Năng lực tham mưu; Khả năng hướng dẫn, đào tạo nhân sự dưới quyền.</u></p>

Đ

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận soạn thảo (Bỏ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BFAST	Có ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phần soạn thảo 25.03.2023
43		e) Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị của mình, với các đơn vị khác trong hệ thống và mức độ tin nhiệm với cán bộ nhân viên.			
44	Điều 37. Điều khoản hiệu lực 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. 2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định.	Điều 31. Đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành-viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người quản lý các đơn vị trực thuộc trong hoạt động quản lý, kiểm soát Công ty 7. <i>Đánh giá, xếp loại lao động thực hiện theo quy định về quản lý người lao động của Công ty</i>		Thư ký Cty Xem xét có quy định để phân biệt giữa đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm và xét thi đua khen thưởng. Vì có trường hợp nhân sự vẫn được đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ nhưng tự nguyện không nhận hình thức khen thưởng.	Bảo lưu, lý do: + Việc thi đua khen thưởng sẽ thực hiện theo quy chế thi đua khen thưởng. + Việc đánh giá hoạt động nêu tại Điều 31 chỉ giới hạn việc đánh giá trong hoạt động quản lý, kiểm soát
44	Điều 37. Điều khoản hiệu lực 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký. 2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định.	Điều 34. Điều khoản hiệu lực 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký <i>sau khi đã được thông qua tại ĐHBCĐ.</i> 2. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do ĐHBCĐ thông qua và HĐQT ban hành.	- Sửa đổi cho phù hợp với Điều lệ ABIC mới.		

STT	Nội dung quy định hiện hành (Quy chế 59)	Nội dung đề xuất sửa đổi của bộ phận sơ bộ thảo (Bộ, sửa đổi, thêm mới...)	Lý do đề nghị sửa đổi của BPST	Cóp ý của thành viên HĐQT và Thư ký Công ty	Tiếp thu của bộ phận sơ bộ thảo 25.03.2023
	3. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban, Phòng tại Trụ sở chính, Chuyên gia tính toán dự phòng và khả năng thanh toán, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc ABIC, các đơn vị, cá nhân trong hệ thống ABIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này /.	3. Những vấn đề chưa được đề cập trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và quy định nội bộ khác của ABIC. Trường hợp do có sự thay đổi quy định của pháp luật dẫn đến có nội dung của Quy chế này không còn phù hợp thì quy định đó được miễn hết hiệu lực thi hành và được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.			
		4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người kiểm soát và người lao động trong hệ thống ABIC chịu trách nhiệm thi hành Quyết chế này /.			

Hà Nội, ngày 25/03/2023
TP. THƯ KÝ PHÁP CHẾ



Đinh Quang Trung

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành theo Quyết định 116/QĐ-ABIC-BKS ngày 17/06/2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Để đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với những thay đổi trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC).

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp kính trình: Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung: Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (Dự thảo sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp xem xét thông qua.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Lưu: TCHC;BKS;

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Trương Đình Cảnh

DỰ THẢO

Nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Điều khoản sửa đổi	Nội dung tại Quy chế hiện hành	Đề xuất sửa đổi bổ sung	Lý do sửa đổi, bổ sung
Điều 15: Cuộc họp của Ban kiểm soát Khoản 1.	Điều 15. Cuộc họp của ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.	Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát (<i>Trong trường hợp không tổ chức các cuộc họp, Ban kiểm soát có thể thực hiện lấy ý kiến các Kiểm soát viên bằng văn bản</i>).	Đảm bảo phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Trương Đình Cảnh

Số: 114 /TT-ABIC-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT
và đề xuất số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027**

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị (HĐQT) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 một số nội dung sau:

1. Về việc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT

Ngày 06/12/2022, Công ty ABIC nhận được văn bản số 12223/NHNo-ĐT đề ngày 05/12/2022 của Tổng giám đốc Agribank (cổ đông sáng lập của ABIC), trong đó có nội dung: “ Agribank đề nghị ABIC thực hiện các thủ tục để miễn nhiệm và đề cử ứng viên tham gia ứng cử các chức danh ABIC nhiệm kỳ 2022 - 2027 như sau:

1. Thôi cử Người đại diện vốn của Agribank tại ABIC và miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT đối với Ông Phạm Đức Tuấn, CCCD 036069000002, sinh ngày 25/07/1969, Phó Tổng giám đốc Agribank, đại diện phần vốn của Agribank tại ABIC (tương đương 20,51% vốn điều lệ của ABIC).

2. Ông Nguyễn Tiến Hải, CCCD 027075000330, sinh ngày 12/08/1975, đại diện phần vốn của Agribank tại ABIC (tương đương 35,51% vốn điều lệ của ABIC), ứng cử chức danh Chủ tịch HĐQT ABIC nhiệm kỳ 2022 - 2027

Thời điểm có hiệu lực kể từ ngày 09/12/2022 ”.

Căn cứ Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

“1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty”

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của ABIC năm 2014, điều 27 khoản 5 điểm f quy định:

“5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: ✓

f. Khi thành viên Hội đồng quản trị không được cổ đông là tổ chức cử làm đại diện cho phần vốn góp nữa thì đương nhiên bị mất tư cách là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty"

Theo quy định tại điều 160 Luật Doanh nghiệp và điều 27 Điều lệ ABIC trên đây, trên cơ sở tham khảo báo cáo tư vấn của Công ty Luật Bross và Cộng sự, Hội đồng quản trị ABIC xác định tư cách thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Phạm Đức Tuấn đương nhiên chấm dứt kể từ ngày 09/12/2022 (theo đề xuất của cổ đông Agribank).

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị ABIC đã tổ chức kỳ họp lần thứ 66 ngày 09/12/2022 và ban hành Nghị quyết số 197/NQ-HĐQT với nội dung: *"miễn nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp nhiệm kỳ 2022 - 2027 đối với Ông Phạm Đức Tuấn theo đề nghị của cổ đông Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam.*

HDQT Công ty có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất việc miễn nhiệm tư cách thành viên HDQT Công ty đối với Ông Phạm Đức Tuấn".

Ngày 09/12/2022, Hội đồng quản trị ABIC tổ chức kỳ họp lần thứ 67, ban hành Nghị quyết số 198/NQ-HĐQT về việc bầu Ông Nguyễn Tiến Hải - thành viên HDQT, đại diện vốn của cổ đông Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tại Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp - giữ chức danh Chủ tịch HDQT Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp với nhiệm kỳ là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị 2022 - 2027.

Tại Văn bản số 13816/BTC-QLBH ngày 28/12/2022 của Bộ Tài chính gửi ABIC, Ông Nguyễn Tiến Hải đã được Bộ Tài chính chấp thuận giữ chức danh Chủ tịch HDQT Công ty thay Ông Phạm Đức Tuấn.

Để tuân thủ theo quy định của pháp luật (*Chủ tịch HDQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc*), Hội đồng quản trị ABIC ban hành Nghị quyết số 199/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty đối với Ông Nguyễn Tiến Hải, đồng thời giao Ông Đỗ Minh Hoàng - thành viên HDQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Quyền Tổng giám đốc Công ty, cử Ông Đỗ Minh Hoàng là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ông Phạm Đức Tuấn đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 09/12/2022.

2. Về đề xuất số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của ABIC đã bầu 05 thành viên HDQT. Sau khi Ông Phạm Đức Tuấn đương nhiên mất tư cách thành viên HDQT thì HDQT ABIC còn lại 04 thành viên.

Căn cứ Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020, khoản 4 quy định: " 4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: ✕

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật này;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất”.

Đối chiếu với quy định tại khoản 4 điều 160 Luật Doanh nghiệp nêu trên, ABIC không phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung ngay thành viên HĐQT bị thiếu so với số lượng thành viên HĐQT quy định trong Điều lệ ABIC (05 thành viên).

Với số lượng 04 thành viên hiện nay, HĐQT ABIC xác định tiếp tục nỗ lực cố gắng thực hiện quyền và nghĩa vụ do pháp luật, Điều lệ ABIC quy định, định hướng và chỉ đạo toàn Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2023 và triển khai sớm các mục tiêu theo Đề án chiến lược phát triển ABIC giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận số lượng thành viên HĐQT ABIC là 04 thành viên và sẽ thực hiện việc bầu bổ sung thành viên HĐQT vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK Cty, TCHC.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tiên Hải



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

CÔNG TY CP BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Địa chỉ: T6 Nhà 29T1, Hoàng Đạo Thúy - Cầu Giấy - Hà Nội

Điện thoại: (024) 6299.0055 - Fax: (024) 6258.0055

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Tên cổ đông:

Tên người đại diện cổ đông:

Số cổ phần sở hữu (hoặc đại diện): *cổ phần*

Số phiếu biểu quyết: *phiếu*

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, mục tiêu và giải pháp kinh doanh năm 2023.			
2	Thông qua kết quả kinh doanh năm 2022, phê chuẩn Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.			
3	Thông qua Báo cáo quyết toán ngân sách của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022.			
4	Thông qua báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 và phương án sử dụng, phân phối lợi nhuận năm 2022.			
5	Phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.			
6	Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt.			
7	Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ.			
8	Phê duyệt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2023.			
9	Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2023.			
10	Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị công ty.			
11	Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát công ty.			
12	Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.			
13	Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty năm 2023.			

Handwritten signature

14	Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT.			
15	Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty.			
16	Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty.			
17	Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT và đề xuất số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027.			

Ghi chú: Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" vào ô lựa chọn tương ứng.

CÔNG ĐỒNG/ĐẠI DIỆN CÔNG ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)



Số: /NQ-ABIC-ĐHĐCD

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2023

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp (ABIC);

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của ABIC được tổ chức ngày/06/2023 tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, mục tiêu và giải pháp kinh doanh năm 2023

1.1. Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022, mục tiêu và giải pháp kinh doanh năm 2023.

1.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 2. Thông qua kết quả kinh doanh năm 2022 và Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

2.1. Đại hội nhất trí thông qua kết quả kinh doanh năm 2022 và phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2022 (VNĐ)	Thực hiện 2022 (VNĐ)	TH/KH 2022 (%)	Tăng trưởng (%)
I	Doanh thu bán hàng				
1	Phí Bảo hiểm gốc				
2	Phí nhận Tái bảo hiểm				
3	Doanh thu đầu tư tài chính				
II	Lợi nhuận trước thuế				

Ghi chú: Các chỉ tiêu khác chi tiết trong Báo cáo của HĐQT ABIC. ✍

2.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 3. Thông qua Báo cáo quyết toán ngân sách của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2022

3.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua quyết toán ngân sách năm 2022 của HĐQT và Ban kiểm soát như sau:

- Chi trả thù lao cho HĐQT và BKS không chuyên trách: đồng
- Chi phí hoạt động khác: đồng
- Số còn lại chưa chi là: đồng không chuyển tiếp năm sau, thực hiện hoàn nhập vào kết quả kinh doanh năm 2022.

3.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 4. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 và phương án sử dụng, phân phối lợi nhuận năm 2022

4.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua kết quả phân phối lợi nhuận năm 2021, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		
2	Các khoản đã chi trong năm 2022 (2)=(2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)		
2.1	Quỹ đầu tư phát triển		Theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022)
2.2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		Theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022)
2.3	Trích quỹ thưởng quản lý điều hành (Bao gồm HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT)		Theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022)
2.4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 20%/01CP		Chênh lệch theo nghị quyết 114/2022/NĐ-ABIC-ĐHĐCĐ 17/06/2022) và phương án tăng vốn là 3.210.000 đồng do làm tròn CP
3	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối (3=1-2) Trong đó: Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước năm 2021 chuyển sang Lợi nhuận chưa phân phối còn lại của năm 2021 chuyển sang		

4.2. Đại hội nhất trí thông qua kết quả lợi nhuận năm 2022 đã thực hiện:

TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận kế toán năm 2022		
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành		
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022 (3)=(1)-(2)		
4	Phân phối lợi nhuận		
	Các khoản đã hạch toán trong năm 2022 theo quy định: -Trích quỹ Dự trữ bắt buộc năm 2022 (5%/LNST)		Điều 77 nghị định 73/2016/NĐ-CP: Quỹ dự trữ bắt buộc phải trích 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% mức vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm. Đến 31/12/2022 ABIC đã trích lập đầy đủ với số tiền là 51.557.417.000 đồng.
5	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 sau trích quỹ dự trữ bắt buộc (5)=(3)-(4)		
6	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại trước năm 2022 chuyển sang		
6.1	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước 2021		
6.2	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại năm 2021		
7	Điều chỉnh lợi nhuận 2021 theo thông báo kết quả kiểm toán của kiểm toán nhà nước		
8	Tổng Lợi nhuận chưa phân phối còn lại (8)=(5)+(6)-(7)		

4.3. Đại hội nhất trí thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

a). Về trích lập các quỹ theo quy định:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Căn cứ/ghi chú
1	Tổng Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối 2022 sau khi điều chỉnh lợi nhuận theo thông báo kết quả kiểm toán của KTTN		
2	Dự kiến phân phối lợi nhuận (chưa có chi trả cổ tức) (2)=(2.1)+(2.2)+(2.3)		

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Căn cứ/ghi chú
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		Theo điểm a khoản 1 Điều 18 TT 28/2016/TT-BLĐTBXH (Dự kiến 03 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động - (Thuyết minh tại phụ lục 03)
2.2	Trích quỹ thưởng quản lý điều hành (Bao gồm HĐQT, BKS, Ban TGĐ, KTT)		Theo điểm a khoản 2 Điều 18 TT 28/2016/TT-BLĐTBXH (Dự kiến 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý điều hành -Thuyết minh tại phụ lục 03)
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	<i>Không thực hiện trích do Điều lệ hiện hành của ABIC không quy định về việc trích lập Quỹ đầu tư phát triển.</i>	Điều 98. Quỹ dự trữ 3. Ngoài quỹ dự trữ bắt buộc, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam có thể lập các quỹ dự trữ khác từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam.
3	Lợi nhuận chưa phân phối (chưa chi trả cổ tức) (3)=(1)-(2)		

b). Chi trả cổ tức

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
3	Chi trả cổ tức	
3.1	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại các năm trước năm 2021 chia cổ tức bằng cổ phiếu.	
3.2	Lợi nhuận chưa phân phối còn lại năm 2022 chia cổ tức tỷ lệ 20%/1 cổ phiếu (số cổ phiếu đang lưu hành là 50.399.217)	

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
	cổ phiếu), trong đó:	
-	Chi bằng tiền mặt tỷ lệ 10% /1 cổ phiếu	
-	+ Trong trường hợp đáp ứng được quy định tăng vốn của pháp luật chi cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10%/1 cổ phiếu + Trong trường hợp không đáp ứng được quy định tăng vốn của pháp luật thực hiện chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 10%/1 cổ phiếu.	
4	Lợi nhuận còn lại chưa thực hiện phân phối	

Lưu ý:

- Lợi nhuận còn lại chưa thực hiện phân phối sẽ bị ảnh hưởng bởi:
- + Việc bán cổ phiếu quỹ.
- + Việc thực hiện tăng vốn điều lệ bằng phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu (nếu không thực hiện được) và việc làm tròn cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ.

*** Lý do để lại lợi nhuận chưa phân phối:**

- Phần lợi nhuận để lại sẽ làm tăng năng lực tài chính của ABIC để tăng phần phí bảo hiểm giữ lại đối với các dịch vụ kinh doanh bảo hiểm có kết quả tốt.
- Đảm bảo an toàn tài chính cho các năm sau phòng khi có rủi ro bất thường xảy ra.

4.4. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 5. Phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022

5.1. Đại hội nhất trí phê duyệt Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

5.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.


Điều 6. Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt

6.1. Đại hội nhất trí phê duyệt Phương án chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

6.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 7. Thông qua Phương án bán cổ phiếu quỹ

7.1. Đại hội nhất trí phê duyệt Phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp.

7.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp. 

Điều 8. Phê duyệt các chỉ tiêu kinh doanh năm 2023 của Công ty

8.1. Đại hội nhất trí thông qua các chỉ tiêu kinh doanh năm 2023 trên một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1/. Chỉ tiêu doanh thu kinh doanh bảo hiểm: đạt tỷ đồng, tăng trưởng% so với thực hiện năm 2022.

2/. Doanh thu đầu tư tài chính:..... đạt tỷ đồng, tăng trưởng% so với thực hiện năm 2022.

3/. Lợi nhuận trước thuế: đạt tỷ đồng, tỷ suất sinh lời/vốn chủ sở hữu (ROE) đạt%.

4/. Cổ tức:%/1 cổ phần.

8.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 9. Phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023

9.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 nhất trí phê duyệt kế hoạch ngân sách, tiền lương, thù lao và lợi ích khác của HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023. Cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/tháng)
1	Hội đồng quản trị	
1.1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	
1.2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	
1.3	Phó Chủ tịch HĐQT chuyên trách	
1.4	Thành viên HĐQT chuyên trách	
1.5	Thành viên HĐQT không chuyên trách	
2	Ban kiểm soát	
2.1	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	
2.2	Trưởng BKS không chuyên trách	
2.3	Thành viên BKS chuyên trách	
2.4	Thành viên BKS không chuyên trách	

Đối với các chức danh chuyên trách: Mức cụ thể ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định phù hợp với nghị định 53/2016/NĐ-CP và thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

- Chi phí hoạt động khác năm 2023:%/doanh thu phí bảo hiểm gốc và doanh thu phí nhận tái.

9.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp. ✍

Điều 10. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của HĐQT Công ty

10.1. Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT. Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2022 đã thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đại hội nhất trí với kế hoạch hoạt động của HĐQT Công ty năm 2023.

10.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 11. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2022

11.1. Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát công ty. Đại hội nhất trí đánh giá: Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Báo cáo của Ban kiểm soát đã đánh giá trung thực, chính xác tình hình hoạt động và kết quả tài chính của Công ty năm 2022.

11.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 12. Phê duyệt Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty

12.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty: Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo yêu cầu của cổ đông Agribank và tiêu chí lựa chọn của Ban Kiểm soát Công ty.

12.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 13. Thông qua dự thảo Điều lệ Công ty

13.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp, có hiệu lực từ ngày/6/2023. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

13.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 14. Thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty

14.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, có hiệu lực từ ngày/6/2023. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

14.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 15. Thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty

15.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua dự thảo Quy chế quản trị nội bộ Công ty, có hiệu lực từ ngày/6/2023. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành.

15.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 16. Thông qua Tờ trình sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

16.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua nội dung sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty, có hiệu lực từ ngày/6/2023. Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành.

16.2. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 17. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT và đề xuất số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027


17.1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua việc Ông Phạm Đức Tuấn đương nhiên chấm dứt tư cách thành viên HĐQT Công ty kể từ ngày 09/12/2022.

17.2. Đại hội đồng cổ đông nhất trí số lượng thành viên HĐQT Công ty là 04 thành viên và sẽ thực hiện việc bầu bổ sung thành viên HĐQT vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

17.3. Đại hội đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ% số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

Điều 18: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp có hiệu lực kể từ ngày/06/2023.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 giao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát có hiệu quả Nghị quyết này.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH 
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông ABIC;
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- P.CNTT (để đăng tải website); P.ĐTV (để công bố TT);
- Lưu: TCHC, TKPC, TK Cty.

Nguyễn Tiến Hải